



**DSPACE**

<https://dspace.org/>

**Giáo trình Chính trị học cơ bản: Dùng cho ào tạo trình học  
Công an nhân dân, học Chính quy 4 năm theo tín chỉ, các  
chuyên ngành - Luận hành ni b**

**Nguyễn Văn Lai; Võ Hoàng Toàn; Trần Minh Nga**

**2021**

Công an nhân dân

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/42>

BỘ CÔNG AN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN  
TS. Nguyễn Văn Lai (chủ biên)

GIÁO TRÌNH  
**CHÍNH TRỊ HỌC  
ĐẠI CƯƠNG**

(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học Cảnh sát nhân dân,  
hệ Chính quy 4 năm theo tín chỉ, các chuyên ngành)

LƯU HÀNH NỘI BỘ



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN



Chủ biên

**TS. NGUYỄN VĂN LAI**

**Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị và Khoa học xã hội nhân văn**

---

Tham gia biên soạn

**TS. Nguyễn Văn Lai**

Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị và Khoa học xã hội nhân văn  
Chương 1; Chương 2; Chương 3

**TS. Vũ Hoàng Toàn**

Phó trưởng Bộ môn Lý luận chính trị  
và Khoa học xã hội nhân văn - Chương 5

**ThS. Trần Minh Nghĩa**

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị  
và Khoa học xã hội nhân văn - Chương 4

---

1299-2021/CXBIPH/11-08/CAND

**BỘ CÔNG AN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN**  
**TS. Nguyễn Văn Lai (chủ biên)**

**GIÁO TRÌNH**  
**CHÍNH TRỊ HỌC**  
**ĐẠI CƯƠNG**

*(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học Cảnh sát nhân dân,  
hệ Chính quy 4 năm theo tín chỉ, các chuyên ngành)*

**LƯU HÀNH NỘI BỘ**



**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN**

## HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Thành lập theo Quyết định số 1637/QĐ-T48 ngày 15/8/2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cảnh sát nhân dân)

TT	HỌ TÊN THÀNH VIÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC DANH TRONG HỘI ĐỒNG
1	Đại tá, PGS, TS. <b>Trần Thành Hưng</b> Phó Hiệu trưởng	T48	Chủ tịch
2	Thượng tá, TS. <b>Đặng Danh Lợi</b> Phó Trưởng Bộ môn	T47	Phản biện
3	Thượng tá, TS. <b>Phùng Văn Nam</b> Chuyên viên	T48	Phản biện
4	Đại tá, PGS, TS. <b>Lê Văn Thiệu</b> Trưởng phòng	T48	Ủy viên
5	Trung tá, TS. <b>Nguyễn Thanh Trung</b> Phó trưởng Bộ môn	T48	Ủy viên
6	Thiếu tá, ThS. <b>Phạm Mạnh Tráng</b> Phó trưởng Bộ môn	T48	Ủy viên
7	Thượng tá, ThS. <b>Nguyễn Quốc Khánh</b> Phó Trưởng phòng	T48	Thư ký

## LỜI NÓI ĐẦU

*Là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, được hình thành trên một cơ sở hạ tầng, chính trị không những có ảnh hưởng tới cơ sở hạ tầng xã hội, mà quan trọng là hoạt động thực tiễn của các giai cấp, các đảng phái và các chủ thể khác nhau trong đời sống xã hội. Những kinh nghiệm hoạt động chính trị cần phải được khái quát thành lý luận để soi đường cho hoạt động thực tiễn; đồng thời thực tiễn bổ sung cho lý luận. Do đó, khoa học chính trị cần phải tiếp tục được bổ sung để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.*

*Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục khoa học chính trị, các trường Đại học và Cao đẳng Công an nhân dân đã và đang tích cực nghiên cứu và giảng dạy chương trình chính trị học đại cương. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức: Lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông và phương Tây trước chủ nghĩa Mác; tư tưởng chính trị Mác - Lênin; tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về quyền lực chính trị và thực thi quyền lực chính trị như: Khái niệm, đặc trưng của quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quyền lực chính trị của nhân dân ở Việt Nam hiện nay; chủ thể của chính trị; đặc điểm và vai trò của các nhân tố chủ quan trong chính trị;*

*phát huy vai trò của các nhân tố chủ quan trong chính trị đối với công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam hiện nay; tiến trình chính trị của thế giới đương đại.*

*Trên cơ sở chương trình môn học đã được ban hành, kế thừa những nội dung cốt lõi của tập bài giảng Chính trị học (hệ cao cấp lý luận chính trị) của Viện Chính trị học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cùng những giáo trình và tài liệu có liên quan khác để phục vụ giảng dạy và học tập, chúng tôi biên soạn “**Giáo trình Chính trị học đại cương**”. Giáo trình gồm 6 chương:*

*Chương 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Chính trị học*

*Chương 2: Lược khảo lịch sử tư tưởng chính trị*

*Chương 3: Quyền lực chính trị và thực thi quyền lực chính trị*

*Chương 4: Chủ thể của chính trị*

*Chương 5: Các nhân tố chủ quan trong chính trị*

*Chương 6: Tiến trình chính trị*

*Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn song không thể tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, đội ngũ cán bộ giảng dạy và sinh viên để giáo trình ngày càng được hoàn thiện.*

## CHƯƠNG 1

# ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA CHÍNH TRỊ HỌC

## I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA CHÍNH TRỊ HỌC

### 1. Quan niệm về chính trị

Thuật ngữ chính trị bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp là *Politika*, mà từ gốc là *Pólis* có nghĩa là nhà nước. Chính trị gắn liền với nhà nước. Tất cả những hoạt động nào liên quan đến nhà nước là vấn đề chính trị. Chẳng hạn, công dân hoạt động tác động vào chính sách của Nhà nước là hoạt động chính trị.

Có nhiều quan điểm khác nhau về chính trị. Platôn đã xem chính trị là "*nghệ thuật cung đình*" liên kết các chuẩn mực của người anh hùng và sự thông minh; sự liên kết cuộc sống của họ được thực hiện bằng sự thống nhất tư tưởng và tình hữu ái. Max Weber xem chính trị là khát vọng tham gia vào quyền lực hay ảnh hưởng đến sự phân chia

quyền lực giữa các quốc gia, bên trong quốc gia, giữa những tập đoàn người bên trong một quốc gia.

Trong *"Tư điển triết học"* Liên Xô (1975), chính trị là *"sự tham gia vào các công việc của nhà nước, việc quy định những hình thức, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của nhà nước"* mà hạt nhân của nó là vấn đề giành, giữ và sử dụng quyền lực nhà nước của những giai cấp, dân tộc và các nhóm xã hội khác nhau.

Với tư cách là phạm trù, chính trị có quá trình phát triển lâu dài trong lịch sử với những quan niệm rất khác nhau, nghĩa cơ bản của nó được rõ dần, đó là khoa học về quyền lực nhà nước.

Có nhiều cách tiếp cận nội hàm chính trị với những đặc trưng cơ bản sau:

- Chính trị là quan hệ lợi ích giữa các giai cấp.
- Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế.
- Chính trị là sản phẩm của sự phát triển văn hóa - xã hội.
- Chính trị là sự tham gia của nhân dân vào công việc nhà nước.

Như vậy, *Chính trị là công việc nhà nước, là mối quan hệ giữa các giai cấp, dân tộc, các nhóm xã hội khác nhau trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước.*

Dưới góc độ tiếp cận của lý thuyết hệ thống, chính trị là một tổng thể được hợp thành bởi các yếu tố (bộ phận) khác nhau có quan hệ chặt chẽ với nhau. Từ đó hình thành

kết cấu chính trị. Kết cấu chính trị là khái niệm chỉ các yếu tố cấu thành một nền chính trị và mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành đó. Các yếu tố cấu thành một nền chính trị bao gồm: *Hệ tư tưởng chính trị; Thể chế chính trị; Hệ thống chính trị.*

## **2. Khoa học chính trị**

Khoa học chính trị có quá trình phát triển lâu dài trong lịch sử, nhưng cho đến năm 1872 thì khái niệm khoa học chính trị mới chính thức ra đời. Khoa học chính trị là tất cả các ngành có khách thể nghiên cứu là đời sống chính trị xã hội. Các ngành của khoa học chính trị bao gồm:

- Khoa học chính trị cơ bản: Triết học Mác - Lênin về chính trị, Kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị,... Đây là thế giới quan, phương pháp luận cho toàn bộ khoa học chính trị và hoạt động chính trị thực tiễn.

- Chính trị học là một nhánh của khoa học chính trị, nó là khoa học về quyền lực chính trị. Chính trị học có khoa học chính trị cơ bản làm thế giới quan và phương pháp luận cho mình và lấy tri thức của các khoa học chính trị khác làm cứ liệu. Chính trị học gồm chính trị học đại cương và chính trị học chuyên ngành.

- Các khoa học chính trị cụ thể: Lịch sử Đảng, Xây dựng Đảng, Nhà nước và pháp luật... Mỗi một môn học nghiên cứu từng lĩnh vực, từng khía cạnh của đời sống chính trị.

- Các khoa học bổ trợ: Tâm lý học lãnh đạo quản lý, Xã hội học, Khoa học lãnh đạo quản lý,...

### **3. Khái niệm Chính trị học**

- Jay M. Shafritz định nghĩa chính trị học là: Nghệ thuật và khoa học thống trị, phương tiện để đạt tới và thực hiện ý chí của cộng đồng; hoạt động của chính quyền, của chính khách hay đảng phái chính trị. Sự theo đuổi và thực hiện quyền lực chính trị cần thiết để đưa ra các quyết định về chính sách buộc cộng đồng thực hiện; để phân bổ sự bảo trợ và những lợi ích khác của chính quyền. Sự xã hội hóa xung đột - lĩnh vực hoạt động chính sách của chính phủ, sự thương lượng giữa các cá nhân dẫn đến sự đồng thuận và hành động trong nhóm.

- Theo quan niệm của các nhà khoa học ở Viện Khoa học chính trị (nay là Viện Chính trị học - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) thì Chính trị học là một ngành khoa học nghiên cứu chính trị như một chỉnh thể, nó không giới hạn ở những phạm vi, khía cạnh nhất định nào đó của chính trị; nó nghiên cứu toàn diện đời sống chính trị của xã hội nhằm đạt tới một tri thức đại cương, toàn diện, tổng hợp về chính trị - trong đó đặc biệt nhất là những tri thức về quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước. Những tri thức đó vạch rõ quy luật và tính quy luật chung nhất của chính trị.

*Như vậy, Chính trị học là một khoa học nghiên cứu chính trị như một chỉnh thể nhằm nhận thức và vận dụng*

*những quy luật, tính quy luật chung nhất của việc giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị.*

#### **4. Đối tượng nghiên cứu của Chính trị học**

*- Nghiên cứu tính chính thể của đời sống chính trị*

Chính trị học nghiên cứu đời sống chính trị trong chính thể của việc giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị trong sự thống nhất của tư tưởng chính trị, kinh nghiệm thực tiễn và thực tế chính trị của các chủ thể. Làm sáng tỏ đời sống chính trị trong sự thống nhất của nhiều mặt, nhiều mối quan hệ do sự tác động tổng thể của toàn bộ đời sống xã hội (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường). Qua đó, làm sáng tỏ tính thống nhất của chính trị và sự vận động chính trị của các giai cấp, các dân tộc qua các thời đại ở từng điều kiện lịch sử cụ thể.

*- Nghiên cứu giá trị về chính trị*

Chính trị học làm sáng tỏ những giá trị phổ biến trong sự phát triển tư tưởng chính trị, kinh nghiệm điển hình, phương thức chính trị mang tính nghệ thuật cao của nhân loại, của thế giới đương đại, xác lập và thực thi quyền lực chính trị của các giai cấp với các biểu hiện đặc thù ở từng điều kiện lịch sử cụ thể.

*- Nghiên cứu vấn đề chung của quyền lực chính trị*

Chính trị học tập trung nghiên cứu vấn đề chung, nội tại bên trong của tất cả những biểu hiện sinh động về quyền lực chính trị; từng tính quy định riêng là những biểu hiện

cụ thể của tính quy định chung. Thông qua đó, làm sáng tỏ quy luật, tính quy luật của việc giành, giữ và sử dụng quyền lực chính trị. Chính trị học cũng nghiên cứu cơ chế sử dụng cùng những phương thức, những thủ thuật chính trị để hiện thực hóa những quy luật chung đó.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA CHÍNH TRỊ HỌC

Cơ sở phương pháp luận của khoa học chính trị là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin.

**Phương pháp duy vật biện chứng** cho phép xem xét đời sống chính trị trong sự vận động, phát triển: Sự vận động phát triển đó một mặt là sự thay đổi nội tại của các yếu tố cấu thành nền chính trị như: sự phát triển của quyền lực chính trị, của các hình thức nhà nước trong lịch sử; mặt khác là sự vận động phát triển mang tính quy luật của đời sống chính trị trên cơ sở lý giải mối quan hệ biện chứng giữa sự phát triển của lực lượng sản xuất với sự phù hợp của quan hệ sản xuất cùng với kiến trúc thượng tầng trên nền các quan hệ sản xuất đó.

**Phương pháp duy vật lịch sử** cho phép nghiên cứu các chế độ chính trị đặt trong bối cảnh lịch sử của nó. Ở đó có bức tranh sinh động về các cuộc cách mạng xã hội của một giai cấp giành và giữ chính quyền, ở đó cũng có những chế độ xã hội cụ thể, các hình thức nhà nước cụ thể... để nghiên cứu. Chỉ có những bằng chứng lịch sử mới là

những lý lẽ hùng hồn nhất cho những luận thuyết đúng đắn về chính trị.

Phương pháp nghiên cứu cụ thể của chính trị học bao gồm một số phương pháp sau:

- **Phương pháp tiếp cận hệ thống:** Phương pháp này cho phép nhìn nhận chính trị như một chỉnh thể, một hệ thống với các yếu tố, bộ phận cấu thành và giữa các bộ phận đó có mối quan hệ với nhau. Tiếp cận hệ thống không chỉ cho phép có cái nhìn toàn diện, đầy đủ về kết cấu của một nền chính trị, mà còn là công cụ để đánh giá sự tác động giữa các yếu tố đó với nhau. Từ đó có những nhận định đúng đắn về các sự kiện phức tạp của đời sống chính trị.

- **Phương pháp phân tích, tổng hợp:** Phương pháp này cho phép phân tích các diễn biến của đời sống chính trị, những khía cạnh khác riêng lẻ, khác nhau hoặc lặp đi lặp lại của đời sống chính trị và tổng hợp thành các nhận định mang tính quy luật về đời sống chính trị. Đồng thời, phương pháp này cũng cho phép chỉ ra những nguyên nhân - hệ quả cùng bản chất của các sự kiện, các hiện tượng chính trị.

- **Phương pháp so sánh:** Phương pháp này cho thấy được tính tương đồng và sự khác nhau giữa các đối tượng của sự so sánh. So sánh chính trị của phương Đông với phương Tây, tư bản chủ nghĩa với xã hội chủ nghĩa, giữa các thể chế chính trị với nhau, giữa các quốc gia, giữa các giai đoạn khác nhau trong lịch sử chính trị của một quốc gia hay giữa các quốc gia, dân tộc với nhau... Mục đích của sự

so sánh là tìm ra điểm tương đồng và khác biệt, những tích cực và hạn chế của các đối tượng so sánh. Phương pháp này cũng giúp chúng ta không chỉ dừng lại ở mô tả mà giải thích tại sao lại như vậy. Trên cơ sở đó, chính trị học có thể đề xuất những giải pháp khách quan khoa học tạo ra các điều kiện cần và đủ để phát huy những giá trị tích cực và việc cần thiết khắc phục triệt để những hạn chế trong đời sống chính trị.

## CHƯƠNG 2

# LUỢC KHẢO LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ

### I. LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ PHƯƠNG TÂY TRƯỚC CHỦ NGHĨA MÁC

#### 1. Thời kỳ cổ đại

##### *a. Một số đặc điểm lịch sử xã hội - chính trị*

Phương Tây cổ đại (thế kỷ IV trước Công nguyên - thế kỷ III trước Công nguyên) đang trong quá trình chuyển biến từ chế độ cộng sản nguyên thủy sang chế độ chiếm hữu nô lệ, điển hình là cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa đường lối triết học Đêmôcrít với đường lối triết học của Platôn. Cùng với đó là cuộc đấu tranh một mất một còn của tầng lớp chủ nô dân chủ cách mạng chống lại tầng lớp chủ nô quý tộc phản cách mạng trong việc giải quyết các vấn đề quyền lực chính trị mà cơ bản nhất là vấn đề quyền lực nhà nước.

Sự phát triển của sản xuất đã dẫn đến các quan hệ và tổ chức xã hội bị đảo lộn. Nếu trước đây là hình thức tổ chức xã hội cũ như bộ tộc, bộ lạc thì giờ đây tư tưởng tư hữu và sau đó là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và của cải xuất hiện.

Phân công lao động phát triển, xã hội xuất hiện tầng lớp chuyên sống bằng trí óc tạo điều kiện nảy sinh những tư tưởng chính trị.

+ Phái dân chủ cho rằng phải đập tan chế độ chuyên chế độc tài của tầng lớp quý tộc, giải phóng khỏi sự nô dịch của giới quý tộc cũ.

+ Giới quý tộc muốn duy trì trật tự cũ và bằng mọi cách bảo vệ đặc quyền của mình.

Chế độ sở hữu cá nhân được thừa nhận và không thay đổi, chế độ nô lệ được coi là tự nhiên phải có. Mâu thuẫn giai cấp cơ bản của xã hội chiếm hữu nô lệ được hình thành là mâu thuẫn giữa nô lệ và chủ nô. Trong quá trình đấu tranh đó, nhiều quan niệm về sự bình đẳng, tự do đã nảy sinh.

### ***b. Các nhà chính trị tiêu biểu***

*Hêrôđốt (480 - 425 trước Công nguyên)*

Là một sử gia biên niên thời cổ đại, ông được mệnh danh là “Người cha của chính trị học”, bởi ông là người đưa ra những quan niệm chính trị đầu tiên. Ông so sánh và rút ra những đặc trưng ưu, khuyết của ba loại thể chế khác nhau: Quân chủ trị, Quý tộc trị và Dân chủ trị.

*Quân chủ trị:* Quyền lực nằm trong tay một người và theo ông đây là một chính phủ không được tổ chức tốt vì nó không để cho người khác phản kháng, cãi lại cái mà người đó muốn. Thể chế này tôn sùng sự phỉnh nịnh, ghen ghét với những người cao quý. Do đó, ông kịch liệt phê phán nền quân chủ.

*Quý tộc trị:* Là thể chế được thiết lập khi tuyển chọn được một hội đồng có chủ quyền tối thượng để cầm quyền nhà nước, bao hàm những người ưu tú nhất của đất nước. Có sự bàn bạc, cọ sát của hội đồng các nhà thông thái, tinh hoa về trí tuệ và phẩm chất, vừa tránh được độc tài quân chủ, vừa tránh được đám đông không hiểu biết tham gia nắm chính quyền. Nhưng cuối cùng lại có sự tranh giành, tàn sát lẫn nhau, mưu toan quyền lực và lợi ích cá nhân, chia bè phái và chế độ một ông vua lại tái phát.

*Dân chủ trị:* Thể chế được thiết lập do phiếu bầu số đông nhân dân nắm quyền lực. Đó là con đường chống độc tài, qua bỏ thăm để trao những chức vụ công cộng một cách đúng đắn và ngăn cản được sự lợi dụng quyền lực. Quản lý xã hội trên nguyên tắc “tất cả đều bình đẳng trước pháp luật và tự do phát biểu đề xuất”. Nhưng dân chúng thường không hiểu biết thì dễ bầu ra người không hiểu biết, dân chúng không thống nhất, dễ bị lung lay kích động bởi các nhà cầm quyền, xã hội lại rơi vào trạng thái bè phái vô chính phủ, từ đó chế độ một ông vua lại tái phát.

Ông đã chỉ ra những loại hình thể chế khác nhau, làm cơ sở cho chính trị học và đi tìm một loại thể chế chính trị tốt hơn khắc phục những nhược điểm của các loại thể chế chính trị đó.

*Xê nô phôn (427 - 355 trước Công nguyên)*

Điều chủ yếu trong tư tưởng chính trị của Xê nô phôn là quan niệm về thủ lĩnh chính trị. Ông cho rằng, việc làm chủ nghệ thuật chính trị là trình độ cao hơn mà con người có thể đạt tới. Theo ông, ai là người nhận thức được các vấn đề chính trị sẽ trở thành người trung thực, người tốt. Ai ngu dốt về điều đó sẽ trở thành hàng nô lệ.

Đối với Xê nô phôn, thủ lĩnh chính trị phải là người biết chỉ huy, đó không phải là một người được quần chúng bầu ra, cũng không phải là những người được chỉ định bằng bỏ thăm, cũng không phải là người chiếm đoạt quyền lực bằng bạo lực. Do đó, là thủ lĩnh, dù địa vị của họ thế nào nhưng phải là người có sự cao hơn. Người ta bằng lòng nghe theo những người mà người ta đánh giá là cao hơn.

Người thủ lĩnh được người ta chấp nhận mình, giống như người cầm lái trên con tàu đang gặp nguy khốn, như người thầy thuốc đang ở đầu giường.

Thủ lĩnh phải là người giỏi thuyết phục, hùng biện, nói phải đi đôi với làm. Mặt khác, sự thuyết phục của thủ lĩnh ở đây phải dựa trên những căn cứ thực tế như tình cảm,

lợi ích và tình yêu sự vinh quang chung. Đồng thời phải là người thực hiện chỉ huy vì lợi ích chung.

Người thủ lĩnh được chỉ định không phải để chăm lo cho cá nhân người đó mà để phục vụ những người mà anh ta chỉ huy, vì rằng những người này đã chọn anh ta, do những phẩm chất của anh ta, để bảo vệ lợi ích của họ. Người thủ lĩnh phải luôn rèn luyện, tu dưỡng bản thân.

*Platôn (428 - 347 trước Công nguyên)*

Ông cho rằng, chính trị xuất hiện trước hết như một sự hiểu biết duy lý dành cho việc giáo dục chung con người. Sau đó, nó trở thành nghệ thuật dẫn dắt xã hội con người. Người ta có thể dẫn dắt con người bằng sự bắt buộc và bạo lực, nhưng người ta cũng có thể dẫn dắt con người bằng sự ưng thuận của ý chí tự do của họ. Theo Platôn:

- Nghệ thuật cai trị bằng sức mạnh sẽ mang đến một chế độ độc tài.

- Nghệ thuật cai trị bằng thuyết phục con người gọi là chính trị. “Chính trị là nghệ thuật cai trị những con người với sự bằng lòng của họ”.

- Chính trị phải là chuyên chế, tất cả phải phục tùng quyền uy, không một bộ phận nào để cho tự do thuần túy.

Platôn chia xã hội thành ba hạng người khác nhau: *Ở địa vị cao nhất* là các nhà triết học, những người này có vai trò quan trọng trong việc cai trị đất nước, họ nắm quyền bính trong tay và đảm nhận vai trò lãnh đạo. *Ở địa vị*

*thấp hơn* là những người lính làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho nhà nước lý tưởng. *Những người thuộc tầng lớp nông dân, thợ thủ công* là những người về cơ bản không đi xa hơn những khát vọng cảm tính. Họ có nhiệm vụ làm ra của cải vật chất, đảm bảo cuộc sống cho nhà nước.

Theo Platôn, nhà nước xuất hiện từ sự đa dạng hóa các nhu cầu con người và từ đó xuất hiện các dạng phân công lao động để thỏa mãn các nhu cầu ấy. Vì vậy, xã hội phải duy trì các hạng người khác nhau, do đó không thể có sự hoàn toàn bình đẳng giữa mọi người.

Sở hữu tư nhân là nguồn gốc sinh ra điều ác, nó phá hoại chính thể và thống nhất của nhà nước. Vì vậy nó phải được loại trừ ra khỏi xã hội. Theo ông, cho dù nhà nước nào cũng tồn tại hai nhà nước thù địch lẫn nhau: một là nhà nước của những người giàu có, còn nhà nước kia là của những người nghèo khó. Vì vậy, cần phải có sự thống nhất về sở hữu.

Như vậy, quan điểm chính trị của Platôn có nhiều hạn chế, một mặt ông muốn xóa bỏ sở hữu tư nhân, thiết lập sở hữu cộng đồng. Mặt khác, ông thấy cần phải duy trì sự khác nhau giữa các đẳng cấp và bất bình đẳng trong xã hội.

*Arixtốt (384 - 322 trước Công nguyên)*

Ông được coi là nhà “bách khoa toàn thư” thời kỳ Hy Lạp cổ đại. Tư tưởng chính trị của ông tập trung trong hai cuốn sách “*Chính trị*” và “*Hiến pháp Aten*”.

*Trong cuốn Hiến pháp Aten:* Ông đã khảo cứu 158 nhà nước thành bang Hy Lạp đương thời, trong đó tập hợp, phân loại, nghiên cứu các loại hiến pháp và chính phủ. Phân loại các cơ quan Nhà nước thành: lập pháp, hành pháp và phân xử.

*Trong cuốn Chính trị:* Ông nghiên cứu các mặt cấu thành các thành bang, đó là các gia đình và công dân, lãnh thổ và dân cư, chính phủ, hình thức chính quyền, chế độ chính trị... Chính trị là khoa học lãnh đạo con người, là khoa học làm chủ, là khoa học kiến trúc xã hội của mọi công dân. Những quan điểm cơ bản của ông về chính trị thể hiện như sau:

*Về Nhà nước và con người:* Ông quan niệm con người là động vật chính trị: Từ chỗ luận giải về thế giới tự nhiên, hai cá thể muốn tồn tại và phát triển được thì chúng cần kết hợp với nhau để duy trì nòi giống. Về điểm này, con người và các loài động vật, thực vật là giống nhau. Đối với con người, đó là hình thức kết hợp gia đình. Tuy nhiên, con người không chỉ dừng lại ở đó, với nhu cầu ngày một cao hơn, họ kết hợp với nhau thành thôn trang, và thôn trang lại liên hợp lại thành thành bang. Khi đó, xã hội phát triển đến một mức độ cao, ở đó con người sống tự cấp, tự túc và tuân theo những chuẩn mực được đặt ra phù hợp với cuộc sống cộng đồng. Ông kết luận thành bang là sản phẩm của tự nhiên, là cái đích phát triển của xã hội loài người. Từ đây có thể hiểu thành bang sinh ra từ bước tiến triển của

tự nhiên, và con người cũng tự nhiên là động vật hướng mình vào đời sống thành bang.

Với kết luận nêu trên, Arixtốt cho rằng, Nhà nước là hình thức giao tiếp cao nhất của con người.

Nhà nước trong quan hệ với dân cư, được Arixtốt tuyệt đối hóa khi ông đứng trên lập trường của giai cấp chủ nô, khinh miệt những người nô lệ. Theo ông, dân cư đều là một phần của nhà nước, nhưng không phải mọi dân cư đều là thành viên của nhà nước, ví dụ, nô lệ. Ông nhấn mạnh, sự tồn tại giữa chủ nô và nô lệ là khách quan.

*Về quyền lực chính trị:* Ông cho rằng, quyền lực chính trị ra đời tự nhiên cùng với thành bang và là sự chuyển tiếp quyền lực trong gia đình. Có thể phân chia quyền lực thành các quyền lập pháp, hành pháp và phân xử.

*Về hình thức chính phủ:* Ông phân tích các hình thức chính phủ: Quân chủ, quý tộc, dân chủ. Theo ông, không có một loại hình chính phủ nào là duy nhất có thể phù hợp với tất cả các thời đại và các nước. Ông xếp chính phủ theo hai loại, đó là Chính phủ chân chính và Chính phủ biến chất. Tuy vậy, ông ủng hộ chế độ quân chủ là hơn cả.

## **2. Thời kỳ trung cổ**

### ***a. Đặc điểm lịch sử chính trị - xã hội***

Đặc trưng đời sống xã hội Tây Âu thời kỳ này là sự tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ và sự ra đời chế độ phong kiến. Lúc này người nông dân bị bóc lột hết sức nặng nề

và trở thành những người hoàn toàn lệ thuộc. Họ bị trói buộc vào ruộng đất của địa chủ, lao động nô lệ thay bằng lao động của nông nô và thợ thủ công. Giai đoạn này không những diễn ra sự suy đồi về kinh tế mà còn trong toàn bộ đời sống xã hội.

Về mặt tinh thần, thời kỳ trung cổ ở Tây Âu cũng là thời kỳ thống trị của tôn giáo và nhà thờ. Những thế kỷ đầu của thời kỳ trung cổ là một bước thụt lùi so với thời kỳ cổ đại.

Xã hội Tây Âu thời kỳ trung cổ có sự phân chia giữa hai trật tự của đời sống và sự phân chia giữa hai quyền lực. Quyền lực chính trị có lĩnh vực của nó là cái hữu hạn (hay cái thế tục). Quyền lực tôn giáo ngược lại, thực hành trên lĩnh vực vô hạn. Thời kỳ này tồn tại hai thiết chế khác biệt là chính trị và giáo hội (hay nhà nước và nhà thờ).

### ***b. Các nhà tư tưởng chính trị tiêu biểu***

*S. Ôguyxtanh (357 - 430)* (còn gọi là Thánh Ôguyxtanh), sinh ra ở Bắc Phi nay thuộc Angiêri. Ông là một giáo chủ, đương thời ông được coi là trụ cột, là sự khẳng định chân lý của đạo Cơ đốc.

Những tư tưởng chính trị của ông được thể hiện trong tác phẩm "*Về thành đô của thượng đế*". Ông chia xã hội loài người thành hai thành đô - hai vương quốc, đó là vương quốc điều ác là nhà nước trần thế và vương quốc của thượng đế trên trái đất là nhà thờ. Theo ông, nhà nước cần phải phụ thuộc vào nhà thờ. Nhà thờ phải là một trường học

về tư cách công dân và tình hữu ái, quyền lực của nhà thờ cao hơn nhà nước. Nhà thờ thống trị về tinh thần còn nhà nước thì thống trị về vật chất. Những giá trị tinh thần, phẩm hạnh và đạo đức được ông đặt lên hàng đầu.

Con người sinh ra đều như nhau, đều bình đẳng trước Chúa nên không có phân biệt sang hèn, giàu nghèo. Chính trị phải được thực hiện như sự công bằng ngự trị, phải để cho công bằng chi phối, không để cái khác chi phối.

Do đó, người cầm quyền trước hết phải biết chỉ huy mình trước khi chỉ huy người khác. Theo ông, người chỉ huy phải có trí tuệ, có nhân cách. Điều này được thể hiện: Phải biết trước và ngăn chặn những thói hư tật xấu; Quyền lực chỉ huy phải được thực hiện như quyền lực phục vụ; Cầm quyền không chỉ là một vinh dự mà còn là một gánh nặng; Cầm quyền phải biết phân biệt những lợi ích thực sự của quốc gia và lợi ích sai lạc của thần dân.

#### *Tômát Đacanh (1225 - 1274)*

Ông sinh ra ở Italia, là nhà thần học đạo Thiên chúa. Học thuyết của ông được nhà thờ đạo Thiên chúa coi là duy nhất đúng đắn và lấy làm hệ tư tưởng của mình.

Ông cho rằng, con người là động vật chính trị để phát triển và hoàn thiện, đời sống của họ đòi hỏi an ninh, trật tự, pháp lý. Theo Tômát Đacanh:

- Nguồn gốc của quyền lực là thượng đế.

- Người cầm quyền phải có đạo đức và trách nhiệm, biết phấn đấu cho lợi ích chung.

- Con người chính trị là người có quyền lực nhất định trong hệ thống cai trị của xã hội.

- Thể chế chính trị hợp lý nhất là thể chế chính trị hỗn hợp. Chính phủ trong đó kết hợp nền quân chủ, chế độ quý tộc và chính phủ nhân dân. Mặt khác, ông vẫn đề cao và ủng hộ cho chế độ quân chủ.

### **3. Thời kỳ cận đại**

#### ***a. Đặc điểm lịch sử xã hội - chính trị***

Bắt đầu từ thế kỷ XV, ở Tây Âu chế độ phong kiến với nền sản xuất nhỏ và các đạo luật hà khắc bước vào thời kỳ tan rã. Sự xuất hiện các công trường thủ công ở Anh, Pháp, Italia... đã thay thế cho nền kinh tế kém phát triển. Công cụ lao động được phát triển đã đẩy mạnh quá trình sản xuất. Thị trường trao đổi hàng hóa giữa các nước được mở rộng. Các nước tư bản chủ nghĩa sớm phát triển như Anh, Pháp, Tây Ban Nha... tiến hành xâm chiếm thuộc địa, khai thác tài nguyên thiên nhiên ở các nước kém phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa.

Những mầm mống của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện trước hết là ở Italia, nước được coi là quốc gia tư bản sớm nhất Tây Âu, tiêu biểu cho nền văn minh nhân loại thời kỳ này. Tiếp đó là cuộc cách mạng tư sản Pháp đã đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến.

Vào thế kỷ XVI - XVII, thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa ngày càng phát triển mạnh trong nền kinh tế ở các nước Tây Âu. Sự lớn mạnh của công nghiệp và thương mại được thúc đẩy bởi sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật đã dẫn tới sự tiếp tục tan rã của chế độ phong kiến. Song chế độ quân chủ với sở hữu ruộng đất của mình đã kìm hãm sự phát triển của sức sản xuất, diễn ra sự mâu thuẫn gay gắt. Giai cấp tư sản đang trưởng thành và lớn mạnh ở các nước phát triển nhất không thể khoan nhượng với chế độ chuyên chế phong kiến.

Những tư tưởng chính trị mới đã xuất hiện muốn tách các vấn đề nhà nước và pháp quyền ra khỏi tôn giáo.

### ***b. Các nhà chính trị tiêu biểu***

*J. Lốccơ (1632 - 1704)*

Ông là một nhà triết học duy vật người Anh, là một nhà tư tưởng chính trị lớn. Tư tưởng chính trị của ông tập trung trong tác phẩm "*Quyền lực dân sự*".

Pháp quyền tự nhiên: Đó là hành động từ ý chí cá nhân lên bằng trật tự nội tại sẵn có ở bản chất con người. Nó xuất hiện như là pháp quyền hợp pháp duy nhất, là cái có khả năng duy nhất, là cái có thể được thừa nhận duy nhất. Tư tưởng có ý nghĩa quyết định của ông là chuyển pháp quyền tự nhiên sang tự do cá nhân.

- Nguồn gốc và bản chất của quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước.

Theo ông, quyền tự nhiên của con người là bất khả xâm phạm. Đó là quyền được sống, quyền tự do, quyền sở hữu. Sự vận động tự nhiên của xã hội dẫn đến tình trạng người dư thừa, kẻ thiếu đói, xã hội rơi vào tình cảnh mất an ninh, quyền tự nhiên của mỗi cá nhân bị xâm phạm. Để bảo vệ những quyền tự nhiên đó mà con người, mọi thành viên trong xã hội cùng ký kết hình thành chính quyền. Đó là cơ quan quyền lực chung mà chức năng gốc của nó là bảo vệ những quyền tự nhiên của mỗi con người. Từ đó, ông đưa ra kết luận:

+ Quyền lực nhà nước, về bản chất là quyền lực của dân, quyền lực của dân là cơ sở, nền tảng của quyền lực nhà nước. Nhà nước thực hiện sự ủy quyền của dân.

+ Nhà nước xã hội chính trị - xã hội công dân, thực chất là một *"khế ước xã hội"*, trong đó công dân nhượng một phần quyền của mình để hình thành quyền lực chung - quyền lực nhà nước. Nhà nước với quyền lực chung đó điều hành, quản lý... xã hội nhằm bảo toàn những quyền tự nhiên của mỗi cá nhân công dân.

+ *"Bảo toàn quyền tự nhiên của mỗi cá nhân con người"* đó là tiêu chí cơ bản xác định giới hạn và phạm vi hoạt động của nhà nước. Đi qua giới hạn này, chính quyền dễ trở thành chuyên chế.

- Thực hiện phân quyền đó là *"tất yếu kỹ thuật"* của những thể chế chính trị tự do. Ông đã vạch ra những yêu cầu có tính chất *"tất yếu kỹ thuật"* cho việc thiết kế của

thể chế chính trị sau khi lật đổ chuyên chế, coi tự do là giá trị chủ đạo.

*S. L. Môngtexkiơ (1689 - 1755)*

Ông là một nhà tư tưởng chính trị vĩ đại người Pháp. "*Tinh thần luật pháp*" là tác phẩm chính của S. L. Môngtexkiơ.

- Học thuyết về nguồn gốc nhà nước. Ông cho rằng, nhà nước xuất hiện ở một trình độ phát triển nhất định của xã hội loài người. Quy luật đầu tiên của con người là hòa bình, quy luật thứ hai là mong muốn kiếm thức ăn cho mình, quy luật thứ ba là nhu cầu hỗn hợp (con người giao tiếp với nhau), quy luật thứ tư là con người là mong muốn sống trong xã hội (lập gia đình, giao tiếp, xã hội, nhà nước). Nhà nước chỉ xuất hiện một cách tất yếu khi trong xã hội xuất hiện tình trạng chiến tranh mà không thể chấm dứt bằng bạo lực. Nhà nước là sản phẩm của những mâu thuẫn không thể điều hòa được.

- Lý luận về chính phủ. Ông đưa hai khái niệm cơ bản là bản chất và nguyên tắc của nhà nước. Bản chất là quan hệ giữa người cầm quyền và người bị quản lý. Bản chất quy định và thể hiện cơ cấu, từ đó sinh ra luật chính trị, luật tổ chức chính phủ, luật hiến pháp. Nguyên tắc là cái làm cho chính phủ hoạt động.

Từ bản chất và nguyên tắc đó ông đã nghiên cứu các hình thức nhà nước.

+ Nền cộng hòa dân chủ: quyền lực tối thượng là trong tay nhân dân, nguyên tắc của nó là đức hạnh chính trị, yêu Tổ quốc đặt lợi ích công lên trên lợi ích riêng.

+ Nền cộng hòa quý tộc: quyền lực nằm trong tay một vài người, về nguyên tắc, tập trung ở đức tính ôn hòa.

+ Nền quân chủ chính thống: quyền lực nằm trong tay một người, nguyên tắc là danh dự.

- Các thể chế chính trị tự do - học thuyết về sự phân quyền. Theo ông, tự do chính trị của công dân đó là quyền mà người ta có thể làm mọi cái mà pháp luật cho phép. Như vậy, tự do chính trị chỉ có ở những quốc gia mà tất cả quan hệ đều được pháp luật công nhận. Thể chế chính trị tự do phải là thể chế chính trị mà trong đó quyền lực tối cao được phân chia thành ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp, sao cho ba quyền này cân bằng và kiểm chế lẫn nhau.

#### *J. Rút-xô (1712 - 1778)*

Ông là nhà tư tưởng vĩ đại người Pháp, có đóng góp to lớn vào học thuyết chính trị. Tác phẩm chính của ông là "*Khế ước xã hội*".

- Tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản - chủ nghĩa tự do cấp tiến. Ông cho rằng, sự vận động từ trạng thái tự nhiên sang xã hội có hai mốc quan trọng, đó là sự xuất hiện luyện kim và nông nghiệp, tạo sự xuất hiện chế độ tư hữu, nảy sinh khoảng cách giàu nghèo và bất công xã hội. Con người có xu hướng liên kết với nhau để thoát khỏi sự diệt vong vật chất và từ đó xã hội công dân ra đời.

- Những giá trị trong học thuyết chủ quyền tối thượng của nhân dân. Để vươn lên đạt tới tự do, thủ tiêu chuyên chế, ông chủ trương nhượng quyền của mỗi cá nhân thành viên, để tập trung hình thành quyền lực chung tối cao - quyền lực tối thượng của nhân dân.

- J. Rút-xô quan niệm có các hình thức chính phủ sau:

+ Chính phủ dân chủ: là chính phủ lý tưởng, ở đây hành pháp gắn với lập pháp.

+ Chính phủ quân chủ: ông thừa nhận chính phủ quân chủ với điều kiện nền quân chủ phải được chấp nhận bởi toàn thể nhân dân, nghĩa là phải được dân bầu ra và cai trị bằng pháp luật.

+ Chính phủ quý tộc: ông tán thành dân chủ quý tộc tức là chính phủ chịu sự chi phối của những quyền lực nhân dân do một số ít người. Hình thức chính phủ này đảm bảo sự tuyển chọn, trước khi đưa ra quyết định.

## **II. LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ PHƯƠNG ĐÔNG**

### **1. Đặc điểm lịch sử xã hội - chính trị**

Ở các nước phương Đông, nhà nước xuất hiện rất sớm trong khi sự phân hóa giai cấp chưa chín muồi. Nhà nước phương Đông ra đời do yêu cầu thống nhất, quản lý trị thủy và thủy lợi, bởi vì công việc này cần có sự tham gia của chính quyền nhà nước tập trung.

Đặc điểm xã hội là công hữu về ruộng đất chiếm ưu thế, tàn dư công xã kéo dài, nền kinh tế xã hội diễn ra với sự cống nạp từ bên dưới và phân phối từ bên trên. Lịch sử xã hội chiếm hữu nô lệ ở Trung Quốc là lịch sử đấu tranh tàn khốc giữa chủ nô và nô lệ, giữa tầng lớp thượng lưu của xã hội chiếm hữu nô lệ với những người nông dân bị phá sản, bị nô dịch và phụ thuộc, giữa tầng lớp quý tộc gia truyền bị bần cùng hóa với những thương nhân và những người giàu có tiếm quyền. Các xung đột của chủ nô và nô lệ diễn ra sâu sắc. Việt Nam có lịch sử hình thành dân tộc từ lâu đời, hình thức tổ chức xã hội chủ yếu dựa trên nền tảng nông nghiệp lúa nước. Điều này là cơ sở xã hội - thực tiễn cho quá trình hình thành tư tưởng nói chung và tư tưởng chính trị của người Việt nói riêng.

## **2. Tư tưởng chính trị của Trung Hoa cổ đại và Việt Nam từ thời kỳ dựng nước đến thế kỷ XIX**

### ***a. Tư tưởng chính trị tiêu biểu của Trung Hoa cổ đại***

- Nho gia:

*Khổng Tử (551 - 479 trước Công nguyên)*

Ông là nhà tư tưởng nổi bật nhất của Nho giáo. Tư tưởng chính trị của Khổng Tử được thể hiện tập trung nhất trong quan niệm của ông về Nhân, Lễ, Chính danh và mối quan hệ giữa chúng.

+ *Nhân*: Chữ nhân để chỉ mối quan hệ mang tính người của con người. Đó chính là lòng người, lòng thương người,

nhân là thương người. Nhân là ái nhân - yêu người. Theo Khổng Tử, người nhân là mình muốn lập thân thì cũng muốn giúp cho người lập thân, mình muốn thông đạt thì cũng muốn cho người thông đạt và điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người. Nhân là nền móng, là gốc từ đó nảy sinh ra các phẩm chất đạo đức khác.

+ *Lễ*: Có nhiều nghĩa khác nhau. Lễ theo nghĩa rộng, không chỉ bao quát các chuẩn mực đạo đức trong quan hệ giữa con người với con người mà còn bao gồm cả các hoạt động tế lễ, các hình thức của lễ.

Nhân để khôi phục lễ nhưng nhân phải có hình thức thể hiện tương ứng, phù hợp, đủ sức chuyển tải bản chất ấy - chính là thông qua lễ. Ông chia thành hai loại người trong xã hội là kẻ tiểu nhân và quân tử. Quân tử là người thuộc tầng lớp quý tộc, trí thức thuộc giai cấp thống trị. Tiểu nhân là những người lao động chân tay, thuộc giai cấp bị trị. Ông xem nhân và lễ là đức tính của người quân tử còn tiểu nhân thì tuyệt đối không có nhân cách ấy. Ông coi tu thân là cái gốc của người quân tử. Tu thân phải chính tâm, thành ý, trí tri.

+ *Chính danh*: Vấn đề chính danh cần phải nhìn từ sự quy định lẫn nhau giữa phẩm chất và năng lực với vị thế xã hội. Để chính danh, người quân tử phải “tu thân” và “tề gia” rồi mới trị quốc cho thiên hạ thái bình, cho cuộc sống xã hội thịnh vượng.

*Mạnh Tử (372 - 289 trước Công nguyên)*

Mạnh Tử được coi là người kế thừa xuất sắc và chính thống học thuyết của Khổng Tử. Học thuyết của ông là sự phản ánh thực trạng xã hội thời đó theo khuynh hướng cải lương điều hòa mâu thuẫn giai cấp có lợi cho bọn địa chủ quý tộc hơn là bọn quý tộc chủ nô đã đến bước đường cùng.

+ *Tư tưởng hai hạng người và thuyết tính thiện.* Kế thừa quan điểm của Khổng Tử về phân chia hai hạng người trong xã hội là quân tử và tiểu nhân, nhưng cụ thể hóa hơn, ông xác định rõ ràng quân tử là những người “lao tâm cai trị người” và được người cung phụng. Tiểu nhân là những người lao碌 bị người cai trị và phải cung phụng cho người.

Theo Mạnh Tử, bản tính con người là thiện, tính thiện là bốn đức tốt, gồm nhân, nghĩa, lễ, trí. Bốn đức đó là trời phú, có giữ được hay không là do tâm của mình. Nếu tâm có đầy đủ bốn đức tính đó thì người với trời hòa hợp.

+ *Chính trị “vương đạo, nhân chính và được lòng dân”.* Ông coi vương đạo là dùng nhân nghĩa mà trị dân, còn bá đạo là dùng bạo lực để cai trị mà mục đích là tranh lợi. Tranh lợi là nguồn gốc của mọi rối ren, cướp đoạt lẫn nhau. Vương đạo phải thi hành nhân chính, thi hành chính trị được lòng dân. Do vậy, Mạnh Tử đề cao vương đạo, kịch liệt phê phán bá đạo.

Theo ông: dân là quý, xã tắc là phụ, vua là thường. Vì thế, phải phân phối đất đai cho dân cày cấy, làm cho dân no ấm,

sau đó mới thúc đẩy dân làm điều thiện. Không cho dân có hằng sản, để cho dân sinh tội lỗi rồi lại dùng hình phạt ra mà trị dân như vậy là chằng lưới để bẫy dân. Tư tưởng trọng dân của ông cũng là phản ánh tình trạng khủng hoảng xã hội nghiêm trọng thời kỳ bấy giờ.

- Mặc gia:

Người sáng lập ra trường phái tư tưởng chính trị Mặc gia là Mặc Tử. Mặc Tử tên là Mặc Địch. Tư tưởng chính trị của ông gồm những vấn đề sau:

+ *Lý thuyết thương yêu lẫn nhau và cùng có lợi.* Ông cho rằng, thương yêu lẫn nhau và cùng có lợi là ý trời. Trái với thiên ý là hận thù nhau, làm hại nhau và nhất định sẽ bị trừng phạt. Tư tưởng Thiên ý là sự khẳng định tất yếu của tự do, bình đẳng và thủ tiêu áp bức đối với nhân dân lao động. Xuất phát từ thực tế đời sống thực tế của giai cấp nông dân, ông đã phản đối chế độ đẳng cấp đương thời.

Ông nêu ra nguyên tắc xã hội là “kiêm ái”. Yêu không phân biệt thứ bậc. Như vậy kiêm ái không những lợi cho mình mà lợi cho người, tức là cùng có lợi. Tôn trọng người xứng đáng và trừng phạt những kẻ bất nhân, không phụ thuộc vào quan hệ thân thuộc. Ông cho rằng không trung, không hiếu, không kính đều là sự vi phạm luân lý, nguyên nhân chính là không yêu thương lẫn nhau.

+ *Tôn trọng người hiền và học tập người trên.* Quan điểm của ông là tôn trọng người xứng đáng và trừng phạt

những kẻ bất nhân, không phụ thuộc vào những quan hệ thân thuộc.

Ông cho rằng những người làm nghề nông, công, thương có khả năng thì phải được tiến cử, người có tài, đức thì được trọng thưởng. Ông phản đối chế độ cha truyền con nối của xã hội đương thời. Do đó, Mặc Tử muốn lấy tài năng và đức hạnh làm tiêu chuẩn để thay thế chế độ cha truyền con nối của bọn lãnh chúa phong kiến, đây chính là mầm mống của những tư tưởng dân chủ.

- Pháp gia:

Người hoàn thiện và phát triển học thuyết chính trị của phái Pháp gia là Hàn Phi Tử. Theo ông, con người làm theo lợi ích cá nhân bao giờ cũng mưu mô, tính toán để kiếm lợi cho mình cho nên không thể cai trị bằng nhân, lễ, nghĩa. Ông kiên quyết phủ nhận lý luận chính trị thần quyền. Đối với ông “người cai trị mà mê tín quỷ thần thì tất nhiên mất nước”. Từ đó ông tập trung vào ba nguyên lý trong chính trị đó là pháp, thuật, thế.

+ *Pháp*: Ông khẳng định tầm quan trọng của pháp luật và cho rằng, pháp luật phải công khai, ai cũng phải biết và không ai được tự ý thay đổi. Việc làm cho pháp luật không bị hỏng nát là tiền đề và mục đích tối cao của chính trị. Pháp bất vị thân và thời biến pháp phải biến.

+ *Thuật*: Là cái nằm kín đáo trong bụng, để so sánh các đầu mối của sự việc và ngấm ngầm cai trị các bề tôi... Dùng

thuật để làm cho kẻ thân yêu gần gũi cũng không ai biết được. Dùng thuật để thấy rõ tính trung hay gian của bề tôi do đó mà điều khiển được bề tôi.

+ *Thế*: Ông cho rằng, chỉ có pháp và thuật mà thiếu quyền lực để cưỡng bức người thì dẫu người có làm vua có thuật điều khiển các bề tôi cũng không thể đảm bảo cho các bề tôi phục tùng sự cai trị của vua. Do vậy, thế là một thứ quyền lực đặt ra cho phù hợp với yêu cầu của pháp luật chứ không phải thứ quyền lực nảy sinh một cách tự nhiên trong chủ nghĩa nhân trị. Vì vua muốn có thế, quyền lực phải nắm được quyền thưởng và quyền phạt.

+ *Quan hệ giữa pháp, thuật, và thế*. Nếu thế nằm trong tay người kém cỏi cũng có thể gây hại và làm rối loạn đất nước. Nên quyền lực được đặt cho những người trung bình. Pháp và thế không tách rời nhau, biết giữ gìn pháp và thế thì đất nước yên trị. Nếu trái pháp bỏ thế thì nước nổi loạn.

Pháp là trung tâm, thuật và thế là điều kiện tất yếu để thực hành pháp. Ông cho rằng thưởng phạt là công cụ để chấp hành pháp luật. Do vậy, ông chủ trương phạt nặng và thưởng hậu để chấp hành pháp.

Theo Hàn Phi Tử, hình phạt nghiêm khắc sẽ loại bỏ được sáu loại người sau: bọn hàng giặc chạy dài, sợ chết; bọn tự cao tự đại, tự lập ra các học thuyết và bọn lìa xa pháp luật; bọn ăn chơi xa xỉ; bọn bạo ngược, ngạo mạn; bọn dung thứ lũ giặc, giấu giếm kẻ gian; bọn nói khéo dối trá.

Dùng hình phạt để khuyến khích sáu loại người sau: những người lặn mình vào chốn hiểm nghèo, hy sinh thành thực; những người ít nghe lời bậy, tuân theo pháp luật; những người dốc hết sức mà làm ăn, làm lợi cho đời; những người trung hậu thật thà, ngay thẳng; những người trọng mạng mình; những người giết giặc trừ gian.

- Đạo gia:

Lão Tử là người sáng lập ra trường phái Đạo gia. Đạo là tư tưởng được khái quát cao nhất của Lão Tử, là nguyên lý quân bình (cân bằng) không cho cái gì thái quá, bất cập. Từ đó, ông quan niệm về một xã hội lý tưởng - gắn bó và hòa đồng với thiên nhiên. “*Vô vi nhi trị*” là yêu cầu căn bản trong cai trị. Như vậy, về chính trị, Lão Tử đưa ra những tư tưởng độc đáo về đạo trị nước của bậc thánh nhân, tư tưởng về “đạo” của ông thật sâu sắc, có nhiều yếu tố hợp lý cho bậc trị nước. Tuy nhiên, ở Lão Tử cũng có những tư tưởng duy tâm và tiêu cực.

### ***b. Tư tưởng chính trị Việt Nam từ thời kỳ dựng nước đến thế kỷ XIX***

- Tư tưởng chính trị Việt Nam thời kỳ dựng nước:

Việc hợp nhất hai lãnh thổ Văn Lang và Âu Việt thành Âu Lạc nhằm chống lại sự thống trị của Trung Hoa. Vì vậy, tinh thần đoàn kết đã có cơ sở nảy mầm và phát triển và cũng là cơ sở cho sự hình thành tư tưởng chính trị Việt Nam. Thời kỳ hình thành dân tộc và nhà nước sơ khai của Việt Nam

có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của toàn bộ quá trình lịch sử Việt Nam. Đó là giá trị tinh thần to lớn, là nhận thức sớm nhất về một quan niệm rằng người Việt Nam là chủ thể của một dân tộc có lịch sử lâu đời và sớm đi vào xã hội văn minh, có tổ chức nhà nước. Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc dù sơ khai nhưng đã sớm phản ánh những tư tưởng chính trị rất cơ bản của Việt Nam từ thời cổ đại như đoàn kết dân tộc, yêu nước, thương nòi, truyền thống chống ngoại xâm, xây dựng quốc gia dân tộc tự chủ, gắn liền với giữ nước.

- Tư tưởng chính trị Việt Nam giai đoạn đấu tranh chống Bắc thuộc:

Bối cảnh lịch sử được xem xét là giai đoạn đấu tranh chống Bắc thuộc từ năm 179 trước Công nguyên (khi Triệu Đà xâm lược) đến năm 938.

Nhìn chung, trong giai đoạn này, nhà nước độc lập, có chủ quyền của người Việt Nam về cơ bản được hình thành và ngày càng được khẳng định cùng với quá trình Việt hóa tư tưởng chính trị Nho giáo được diễn ra đồng thời với quá trình đấu tranh chống xâm lược và âm mưu đồng hóa của phong kiến phương Bắc. Đặc trưng của giai đoạn này là tư tưởng về Hán hóa và giải Hán hóa.

Biểu hiện đầu tiên của xu hướng Hán hóa là sự xóa bỏ thiết chế chính trị nhà nước Âu Lạc. Thay vào đó là bộ máy cai trị của nhà Hán như chế độ châu - quận lệ thuộc, đứng

đầu là các quan thứ sử, thái thú, đô úy và hệ thống quan lại giúp việc, dưới cùng là công xã nông thôn.

Ngoài ra, phong kiến phương Bắc còn chủ trương cho người Hán sống xen kẽ với người Việt, bắt người bản xứ làm ruộng, ăn mặc, tổ chức đời sống xã hội như người Hán. Trong xã hội xuất hiện giai cấp địa chủ và nông dân, hình thành các tầng lớp theo thứ bậc nghề nghiệp: sĩ, nông, công, thương. Người Việt đã tiếp thu nhiều ngôn từ, phong tục, tập quán, lễ nghi của người Hán như trang phục, ma chay, cưới hỏi, nhà cửa...

Xu hướng giải Hán hóa là ý chí của những người Việt Nam yêu nước chống lại bọn xâm lược trên mọi lĩnh vực. Việc chống đối không diễn ra cục đọan, mà biết tiếp thu, có chọn lọc những giá trị của văn hóa Hán để làm giàu vốn tri thức và làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc.

Tư tưởng chính trị nổi bật và xuyên suốt trong thời kỳ này là ý thức về cộng đồng người Việt và tinh thần đấu tranh giành độc lập dân tộc. Ý thức về cộng đồng người Việt đã xuất hiện từ trước, trên cơ sở công xã nông thôn, nhưng đến thời kỳ này, trước nguy cơ bị đồng hóa, nó càng được củng cố và trở thành động lực cho các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc. Trong giai đọan đầu, đấu tranh nhằm khôi phục chế độ Hùng Vương là biểu hiện cụ thể của tư tưởng giành độc lập dân tộc. Tuy nhiên, khi nhận thức chính trị trong cộng đồng người Việt được nâng cao, tư tưởng muốn trở về mô hình cũ không còn phù hợp. Ở giai đọan sau, tư tưởng

đấu tranh giành độc lập diễn ra theo hai xu hướng: 1) Tự trị và lệ thuộc tương đối vào phương Bắc là quan điểm của Sỹ Nhiếp (thế kỷ II), Lý Phật Tử (thế kỷ VI), Phùng An (thế kỷ VIII)... đó là chủ trương tuân theo mệnh lệnh cấp trên, cống nạp đầy đủ cho “*thiên triều*” để giữ độc lập tương đối. 2) Đấu tranh giành độc lập, ngang hàng với phương Bắc là quan điểm của Lý Bí (thế kỷ VI), Mai Thúc Loan, Phùng Hưng (thế kỷ VIII), Khúc Thừa Dụ (thế kỷ X)... trong đó, tiêu biểu nhất là Lý Bí. Sau khi đánh đuổi nhà Lương, ông tự xưng Nam Việt Đế, lên ngôi và đặt niên hiệu là Vạn Xuân, đóng đô Long Biên, lập các chức quan cai trị, cho đúc tiền riêng... Đó là chính quyền có cách thức tổ chức theo mô hình Hán, nhưng là độc lập, ngang hàng.

- Tư tưởng chính trị Việt Nam giai đoạn xây dựng nhà nước quân chủ độc lập (thế kỷ X - XV):

Ở thời kỳ đầu: Ngô, Đinh, Tiền Lê, các triều đại chủ yếu tập trung vào nhiệm vụ củng cố chính quyền, đối phó với những âm mưu xâm lược từ phương Bắc, các tư tưởng chính trị chưa có điều kiện phát triển.

Sang thời kỳ sau: Lý, Trần, Hậu Lê, nền độc lập dân tộc đã được khẳng định, chế độ phong kiến trung ương tập quyền được củng cố và phát triển. Nước Đại Việt đã tiến hành các cuộc kháng chiến chống xâm lược Tống, Nguyên, Minh và nhiều lần chinh phạt Chăm, mở rộng bờ cõi xuống phía Nam. Có thể khẳng định, vào thời kỳ sau của giai đoạn này,

tư tưởng chính trị Việt Nam đã mang nhiều tính chiến đấu, chứa đựng chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng dân tộc.

Một số tư tưởng chính trị tiêu biểu:

+ *Tư tưởng chính trị của Lý Công Uẩn*: thể hiện đặc sắc qua “Chiếu dời đô” năm 1010.

Trong buổi đầu nhà nước giành độc lập, Nho giáo bắt đầu có ảnh hưởng trong lịch sử tư tưởng chính trị. Các vua thời kỳ này đã tiếp nhận tư tưởng chính trị của Nho giáo thông qua vai trò của các nhà sư để kiến lập triều đại, xây dựng đất nước. Biểu hiện sinh động nhất cho sự tiếp nhận này là sức mạnh tinh thần và hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội to lớn đối với sự phát triển của dân tộc, mà điều đó là xuất phát từ quyết định chính trị sáng suốt của Lý Công Uẩn năm 1010 khi dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Gắn với sự kiện này là văn bản *Chiếu dời đô* nổi tiếng. Về mặt hình thức, *Chiếu dời đô* là sản phẩm của văn hóa Nho giáo, nhưng những người Việt Nam khi đọc lại đều cảm thấy gần gũi và thiêng liêng. Tư tưởng mệnh trời và những điển tích trong kinh điển Nho giáo về đạo trị nước đã được Lý Công Uẩn vận dụng nhằm kiến giải và khẳng định quyền độc lập, tự chủ và sự thống nhất đất nước.

+ *Tư tưởng chính trị của Lý Thường Kiệt*: thể hiện qua bài *Nam quốc sơn hà*, được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Lý Thường Kiệt, năm 1076, đã thể hiện tư tưởng chính trị căn bản về nguyên tắc giữ vững nền độc lập và chủ quyền đất nước trong Bài thơ thần bất hủ: *Nam quốc sơn hà Nam đế cư/Tiết nhiên định phận tại thiên thư/Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm/Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

+ *Tư tưởng chính trị khoan dân của Trần Quốc Tuấn:* tư tưởng về đường lối chiến lược, chiến thuật dựng nước và giữ nước, tư tưởng về sức mạnh của sự đoàn kết nhân dân, tư tưởng về “khoan thư sức dân”...

Tới đời Trần, vai trò của tư tưởng chính trị Nho giáo tiếp tục được khẳng định. Điểm đáng chú ý nhất trong sự phát triển của tư tưởng chính trị Nho giáo thời Trần là nó có vai trò to lớn trong việc phát huy cao độ truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, tạo nên những chiến công hiển hách với ba lần đánh bại quân xâm lược Nguyên Mông và sau đó là đề phòng âm mưu xâm lược của nhà Minh.

Trần Quốc Tuấn chính là người đã vận dụng thành công tư tưởng thân dân của Nho giáo vào đường lối kháng chiến cứu nước đời Trần. Tư tưởng đề cao dân, dựa vào dân để giữ nước thể hiện qua câu nói của ông vua Trần Anh Tông: “*khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước*”. Nhận thức này có tính vượt thời đại, trở thành cơ sở cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta mà Trần Quốc Tuấn đã đưa ra vào năm 1300.

+ *Tư tưởng chính trị nhân nghĩa của Nguyễn Trãi*: tư tưởng nhân nghĩa, quan niệm về quốc gia dân tộc gồm lãnh thổ, văn hiến, phong hóa, lịch sử dân tộc. Tư tưởng cứu nước trước hết phải cứu dân, tư tưởng “yên dân”.

Tư tưởng chính trị của Nguyễn Trãi được xem là đỉnh cao của tư tưởng dân tộc thế kỷ XV, phản ánh sự trưởng thành của tư duy chính trị Việt Nam vào thế kỷ XV, trước những vấn đề bức xúc của dân tộc và thời đại. Những nội dung và giá trị phổ biến của lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam từ thời kỳ dựng nước đến thời kỳ của ông, được ông tổng kết lại nhưng ở tầm nhận thức mới và sâu sắc hơn. Đó là vấn đề độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia, xây dựng một nhà nước trong sạch, vững mạnh, đề cao dân, biết dựa vào sức mạnh của dân để dựng nước và giữ nước, hòa bình, hữu nghị và bình đẳng giữa các dân tộc, chống chiến tranh, áp bức và nô dịch dân tộc.

Đó cũng là niềm tự hào dân tộc được khẳng định rõ ràng nhất, được phát triển đến mức cao nhất, hơn bất cứ lúc nào trước đó, đã được Nguyễn Trãi thể hiện trong *Bình Ngô đại cáo* - bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc.

+ *Tư tưởng chính trị của Lê Thánh Tông*:

Tư tưởng chính trị của ông là sự kết hợp giữa đức trị, lễ trị của Nho giáo với tư tưởng pháp trị của Pháp gia, thể hiện lập trường yêu nước và tinh thần dân tộc sâu sắc. Tư tưởng của ông được cụ thể hóa trên nhiều lĩnh vực cùng với việc thi hành nhiều chính sách, biện pháp cụ thể,

trong đó có những chính sách mang ý nghĩa của những cuộc cải cách nhằm mục tiêu củng cố chế độ quân chủ tập quyền, giữ vững nền độc lập dân tộc, tăng cường nền quốc phòng và thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của đất nước.

Với tác động trực tiếp của tư tưởng chính trị Nho giáo, hệ thống quyền lực dưới thời Lê Thánh Tông đã đạt đến mức cao với những thiết chế chặt chẽ, tạo ra một xã hội phát triển vững vàng, tương đối ổn định. Hệ thống ấy đã đáp ứng được nhu cầu phát triển xã hội Việt Nam thế kỷ XV, góp phần xác lập sự hình thành và ổn định chế độ phong kiến.

- Tư tưởng chính trị Việt Nam giai đoạn thế kỷ XVI - XIX:

Thế kỷ XVI, lịch sử Việt Nam bắt đầu diễn ra các cuộc tranh giành quyền lực giữa các tập đoàn phong kiến, nội chiến kéo dài đất nước bị chia cắt sâu sắc. Vai trò của Nho giáo bị ảnh hưởng nặng và dần mất vị trí độc tôn, chỉ đến khi nhà Tây Sơn thống nhất đất nước, xóa bỏ sự phân biệt Đàng Trong, Đàng Ngoài và những lực lượng ngoại xâm đứng đằng sau các thế lực phong kiến cát cứ. Nhà Nguyễn lên ngôi năm 1802, sau đó là sự củng cố nền độc lập, thống nhất trong giai đoạn đầu, vai trò của Nho giáo, vì vậy, cũng được củng cố và phát triển.

Từ giữa thế kỷ XIX, sau khi vua Minh Mệnh mất, triều Nguyễn bắt đầu lâm vào khủng hoảng toàn diện và sâu sắc. Các vua nhà Nguyễn sau đó đã thi hành chính sách cứng rắn với phương Tây, đất nước lâm vào tình trạng trì trệ,

khủng hoảng và bị cô lập. Tình hình ấy đã dẫn đến sự suy yếu, Việt Nam dần dần bị phương Tây xâm lược.

Về tư tưởng, có thể thấy, trong những thế kỷ đầy mâu thuẫn và biến động như vậy, nhưng những giá trị tư tưởng Việt Nam truyền thống vẫn có tác động không nhỏ tới sự phát triển của dân tộc. Kinh tế nông nghiệp có lúc đã được phục hồi và tăng trưởng do diện tích canh tác được mở rộng, quá trình cải tạo đất làm tăng độ phì nhiêu, thêm vào đó là sự mở rộng lãnh thổ và khai khẩn đất đai ở phía Nam. Về kinh tế - xã hội: các kỳ thi Nho học vẫn được duy trì đều đặn dựa trên các quy chế đã được xây dựng từ thời Hồng Đức. Các triều đại Mạc, Lê, Trịnh và Nguyễn đều đã sản sinh ra những nhà văn hóa, tư tưởng lớn cho dân tộc như Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Phan Huy Chú, Nguyễn Trường Tộ...

### **III. TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN**

#### **1. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Những quan điểm chính trị mácxít được C. Mác và Ph. Ăngghen nêu ra là kết quả của quá trình tư duy lý luận, kế thừa những tinh hoa của những nhà tư tưởng, các nhà chính trị lỗi lạc của nhân loại, kết hợp với quá trình tham gia vào thực tiễn đấu tranh cách mạng sôi động của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Chủ nghĩa tư bản đã thắng chế độ phong kiến lỗi thời, chính quyền nhà nước đã thuộc về tay giai cấp tư sản.

Giai cấp tư sản vẫn không xóa bỏ được những đối kháng giai cấp, nó chỉ thay thế giai cấp bóc lột này bằng giai cấp bóc lột khác. Nhà nước tư sản cũng như nhà nước phong kiến, đều là bộ máy có tính giai cấp, phục vụ lợi ích cho giai cấp thống trị.

Sự hình thành thị trường thế giới, sự phát triển của tự do cạnh tranh, các cuộc khủng hoảng kinh tế, sự tập trung tư bản ngày một tăng, tất cả có tác dụng thúc đẩy đấu tranh giai cấp, đấu tranh chính trị giữa giai cấp vô sản và tư sản.

Sự phát triển của sản xuất, sự tăng cường bóc lột đã nâng cao ý thức giai cấp và tính tổ chức của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân ngày càng trở thành một lực lượng chính trị độc lập. Các cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở các trung tâm công nghiệp của Anh, Pháp, Đức phát triển mạnh mẽ. Các cuộc đấu tranh này đã chứng minh cho giai cấp công nhân thấy rằng sức mạnh của họ là sự đoàn kết, sự thống nhất.

Sự phát triển của phong trào đã nảy sinh một nhu cầu tất yếu cần có một lý luận, một học thuyết, một hệ thống quan điểm chính trị chỉ ra cho giai cấp công nhân cần phải đấu tranh như thế nào, đấu tranh vì cái gì, mục tiêu trước mắt và mục đích lâu dài.

Phê phán những quan điểm của Pơruđông về chính trị, chỉ ra nguyên nhân hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng, C. Mác đã chứng minh rằng trong cuộc đấu tranh chống tư bản, giai cấp vô sản phải được tổ chức lại thành

một giai cấp độc lập và phải tiến hành cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản.

## **2. Những quan điểm chính trị chủ yếu**

### ***a. Sự vận động của chính trị bắt nguồn từ kinh tế***

Xuất phát từ thực tiễn, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định sản xuất vật chất là phương thức tồn tại của con người và xã hội loài người. Trong quá trình sản xuất vật chất tất yếu khách quan hình thành mối quan hệ song trùng: lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, nhưng quan hệ sản xuất lại là cơ sở trực tiếp tạo nên các quan hệ xã hội, kết cấu xã hội. Tất cả những hiện tượng chính trị - tư tưởng xét đến cùng đều được quy định từ các quan hệ sản xuất nên chính trị phải được xem xét trên nền tảng của một quan hệ sản xuất nhất định.

Về cơ bản và lâu dài, chính trị phải làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, nếu không sẽ lỗi thời, lạc hậu, bị diệt vong. Chính trị phản ánh kinh tế, nhưng không phản ánh trực tiếp từng hiện tượng kinh tế riêng lẻ mà là sự phản ánh tập trung khách quan của sự phát triển kinh tế. Sự tồn vong hay xuất hiện một chế độ chính trị, về cơ bản, không phụ thuộc vào tài năng hay ý chí của những người lãnh đạo mà tùy thuộc vào quan hệ sản xuất của chế độ đó có phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hay không.

Cá nhân kiệt xuất với sức mạnh trí tuệ, tư tưởng có vai trò quan trọng đối với lịch sử. Nhưng xét chung và toàn bộ, tiến trình lịch sử bị những quy luật chung nội tại chi phối, là quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Song, vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đến đời sống chính trị xã hội phải thông qua quan hệ sản xuất. Quan hệ sản xuất là cơ sở, là bộ khung để tạo nên kết cấu xã hội và quy định kiến trúc thượng tầng chính trị tư tưởng. Thông qua các quan hệ sản xuất, kiến trúc thượng tầng tác động trở lại sự phát triển của lực lượng sản xuất.

### ***b. Đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội***

Quyền lực của xã hội nói chung, quyền lực nhà nước nói riêng là quyền lực công cộng phục vụ cho mọi người nhưng bị các giai cấp bóc lột chuyển thành quyền lực nô dịch của thiểu số đối với đa số người lao động. “Hiện thực xấu xa” đó là do sự phân hóa giai cấp, bắt nguồn từ các quan hệ kinh tế có người bóc lột người. Từ đây, đấu tranh giai cấp diễn ra thường xuyên trong lịch sử và trở thành động lực trực tiếp của sự phát triển xã hội hơn hai thiên niên kỷ qua nhằm giải phóng lực lượng sản xuất khỏi các quan hệ kinh tế không còn phù hợp. Nó biểu hiện thành cuộc đấu tranh của giai cấp những người đại diện cho lực lượng sản xuất xã hội tiên tiến chống giai cấp bóc lột đại diện cho quan hệ sản xuất lạc hậu.

Cuộc đấu tranh diễn ra trước hết trên lĩnh vực tư tưởng, nhằm bảo vệ sự công bằng và vạch trần sự bất công, bất bình đẳng kinh tế, xã hội; đấu tranh đòi hỏi cải thiện điều kiện lao động, mức sống...; cuối cùng, đấu tranh chính trị hướng vào giành lấy quyền lực nhà nước - trình độ cao nhất và là cái đích trực tiếp phải đi đến của cuộc đấu tranh giai cấp. Và, khi nắm lấy được quyền lực nhà nước, các giai cấp cách mạng mới có thể bảo vệ, phát triển hay thay đổi được thật sự các quan hệ kinh tế, tạo môi trường xã hội mới cho sự phát triển lực lượng sản xuất mà đỉnh cao là cách mạng xã hội - khi mâu thuẫn chính trị - xã hội giữa hai giai cấp cơ bản phát triển đến mức không thể điều hòa.

Những nhân tố cụ thể khác như chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, truyền thống bản địa... cũng làm cho mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, kinh tế và chính trị có những màu sắc riêng biệt bởi hình thức, tính chất và mức độ ở các quốc gia dân tộc khác nhau dẫn đến những cuộc cách mạng xã hội mang tính đặc thù của từng quốc gia dân tộc. Nhưng, dù tính đặc thù như thế nào đi nữa thì cách mạng xã hội cũng phải là sự thay đổi phương thức sản xuất này bằng phương thức sản xuất khác tiến bộ hơn và dẫn đến thay đổi cả “một thời đại”, chứ không phải chỉ là việc giành lấy quyền lực nhà nước. Hơn nữa, các cuộc cách mạng xã hội cụ thể có thể bắt đầu từ kinh tế và kết thúc ở việc thay đổi chế độ nhà nước hoặc bắt đầu từ giành quyền lực nhà nước, tạo ra những tiền đề cần thiết để thay

đổi các quan hệ kinh tế - xã hội nhưng, tất cả phải nằm cho được quyền lực nhà nước. Giai cấp tư sản Pháp năm 1789 đã giành lấy quyền lực nhà nước bằng bạo lực trực tiếp trên toàn xã hội nhưng, giai cấp tư sản Anh và Nhật, do hoàn cảnh cụ thể đã đi theo hình thức khác, từng bước chi phối và cuối cùng là nắm toàn bộ quyền lực dù các tầng lớp quý tộc, vua chúa vẫn còn đó.

Ngày nay, thời đại của các cuộc cách mạng vô sản thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. Các hình thức và trật tự tiến hành cách mạng càng trở nên phức tạp và đa dạng, không thể có một mô hình duy nhất cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở tất cả các quốc gia dân tộc trên thế giới. Lịch sử cụ thể của từng quốc gia dân tộc sẽ quy định các hình thức cách mạng cụ thể của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở quốc gia dân tộc đó. Tuy hình thức tiến hành cách mạng không quy định thực chất cuộc cách mạng nhưng dù thế nào, quyền lực nhà nước cuối cùng cũng phải là quyền lực của nhân dân lao động. Qua đó mới thực sự có cách mạng xã hội chuyển đổi hình thái phát triển tư bản chủ nghĩa thành hình thái phát triển cộng sản chủ nghĩa.

Trong lịch sử, các cuộc đấu tranh giai cấp bao giờ cũng đưa đến nền chuyên chính của một giai cấp nhất định - giai cấp đại biểu cho sự phát triển của thời đại và đang thống trị nền kinh tế - xã hội. Nhưng, các nền chuyên chính trước đây

đều là sự chuyên chính của thiểu số các giai cấp bóc lột đối với đa số các giai cấp người lao động bị bóc lột và với toàn xã hội. Cuộc đấu tranh của giai cấp giữa vô sản chống giai cấp tư sản nhất định sẽ dẫn đến chuyên chính vô sản, tạo ra một sự chuyển biến cơ bản trong lịch sử chính trị nhân loại, chuyển quyền lực nhà nước từ tay các giai cấp bóc lột sang tay nhân dân lao động, từ quyền lực nô dịch nhân dân lao động sang quyền lực chính trị của nhân dân lao động. Chuyên chính vô sản là một hệ thống thể chế thực thi quyền lực chính trị của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà sứ mệnh lịch sử là xóa bỏ sự thống trị giai cấp, thực sự thực hiện những giá trị thiêng liêng trong sự phát triển của xã hội loài người.

### ***c. Giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản***

Trong tất cả các giai cấp cách mạng của lịch sử, giai cấp công nhân là giai cấp cách mạng triệt để nhất vì chính họ là nhân tố quyết định trong lực lượng sản xuất công nghiệp hiện đại, là người đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến nhất của thời đại. *"Giai cấp công nhân không đại diện cho một lợi ích riêng biệt mà đại diện cho sự giải phóng lao động"*<sup>(1)</sup>, cho toàn bộ quyền lực và lợi ích của nhân dân lao động, khi đấu tranh giải phóng cho mình, giai cấp công nhân cũng đồng thời giải phóng cho tất cả, chuyển xã hội loài người từ vương quốc của tính tất yếu sang vương quốc của sự tự do. Nhưng, giai cấp công nhân, nếu chỉ từ

<sup>(1)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1983, t. 4, tr. 37.

ngành nghiệp thuần túy, chỉ dừng lại đấu tranh đòi cải thiện đời sống hằng ngày trước mắt trong giới hạn của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải xây dựng cho mình một hệ tư tưởng chính trị thật khoa học làm cơ sở thế giới quan và phương pháp luận cho việc đề ra đường lối chính trị, chiến lược, sách lược, nghệ thuật đấu tranh đúng đắn, làm cho hiệu quả chính trị thực tiễn ngày một cao hơn bằng tổ chức một bộ tham mưu chiến đấu gồm những con người ưu tú nhất của giai cấp, đó là Đảng Cộng sản. Việc xây dựng và xác lập sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với giai cấp, với tất cả các lực lượng cùng đấu tranh chống giai cấp tư sản và xây dựng quyền lực nhà nước của dân là nhiệm vụ cơ bản nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trong *"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã xác định vai trò lịch sử, nhiệm vụ và nguyên tắc xây dựng Đảng chính trị của giai cấp công nhân. Ph.Ăngghen đã viết: *"Để cho giai cấp vô sản trong giờ phút quyết định có đủ sức mạnh và có thể chiến thắng thì nó - cả Mác và tôi đều kiên trì lập trường này từ năm 1847 - phải lập ra một đảng riêng, tách biệt và đối lập với tất cả các đảng khác, và ý thức được mình là đảng của giai cấp"*<sup>(1)</sup>. Theo đó, để hoàn thành sứ mạng là đội tiên phong chính trị của

---

<sup>(1)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Tiếng Nga, t. 37, tr. 275.

giai cấp công nhân, nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản, những đảng viên của Đảng phải là bộ phận tích cực nhất, có ý thức giác ngộ nhất của giai cấp công nhân; có khả năng nhìn xa, trông rộng, họ thấy ngay trong cuộc đấu tranh hằng ngày của giai cấp công nhân - khi xét trên giác độ mục đích cuối cùng của giai cấp đó - tính chất là đại biểu cho *"lợi ích của toàn bộ phong trào"*<sup>(1)</sup>. Sự trung thành của người cộng sản đối với lợi ích cơ bản của giai cấp mình tuyệt nhiên không có nghĩa là sự biệt lập có tính chất bè phái khỏi các phong trào cách mạng ngoài giai cấp vô sản; mà ở mọi nơi, những người cộng sản phải *"ủng hộ bất cứ phong trào cách mạng nào chống lại trật tự xã hội và chính trị hiện có"*<sup>(2)</sup>.

Phát triển tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen, trong xây dựng học thuyết về Đảng kiểu mới, V. I. Lênin đã nhấn mạnh: *"Chỉ có chính đảng của giai cấp công nhân, tức là Đảng Cộng sản, mới có thể tập hợp, giáo dục, tổ chức đội tiên phong của giai cấp vô sản và của tất cả quần chúng lao động... mới có thể chống lại nơi những sự dao động tiểu tư sản... chống lại nổi những truyền thống và những sự tái phạm không thể tránh khỏi của bệnh hẹp hòi phường hội hoặc của những thiên kiến phường hội trong giai cấp vô sản"*<sup>(3)</sup>. Để Đảng Cộng sản luôn tiêu biểu cho giai cấp, đủ sức lèo lái sự nghiệp cách mạng đến bến bờ vinh quang thì

<sup>(1)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, t. 1, tr. 557.

<sup>(2)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Tiếng Nga, t. 4, tr. 459.

<sup>(3)</sup> V. I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1976, t. 43, tr. 11.

những người cộng sản, cả giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải xây dựng Đảng Cộng sản sao cho mọi người “*thấy ở đó trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại*”<sup>(1)</sup>. Và chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức của nhân loại đã tạo ra; rằng, không có học vấn hiện đại thì chủ nghĩa cộng sản chỉ là nguyện vọng mà thôi. Lần đầu tiên một Đảng kiểu mới đã được xây dựng bởi những người Bôn-sê-vich do V. I. Lênin đứng đầu vào năm 1903.

#### ***d. Tư tưởng về nhà nước của giai cấp công nhân***

Thừa kế và phát triển tư tưởng nhà nước pháp quyền của nhân loại, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đề cập đến việc xây dựng một nhà nước kiểu mới hợp hiến, hợp pháp; một hệ thống pháp luật dân chủ triệt để và tính nhân văn, pháp chế nghiêm minh theo hướng giải phóng con người.

Theo C. Mác, ở Cantơ, nước cộng hòa với tính cách là nhà nước duy nhất hợp lý, trở thành định đề của lý trí thực tế không bao giờ thực hiện được, nhưng việc thực hiện định đề đó, luôn luôn là mục đích của chúng ta, và là đối tượng tư duy của chúng ta.

Trong “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*”, C. Mác và Ph. Ăngghen đặt vấn đề xây dựng một xã hội mà “*tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của tất cả mọi người*”

---

<sup>(1)</sup> V. I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1976, t. 34, tr. 22.

và “*giải phóng con người*” là mục tiêu của một nhà nước pháp quyền kiểu mới, là nhà nước tổ chức được đời sống chung của nhân dân, bảo đảm được sự phát triển tự do tối cao và “*phát triển toàn diện con người*”. Tự do là biến nhà nước từ cơ quan đứng trên xã hội thành cơ quan hoàn toàn phục tùng xã hội đó. Và, vào thời đại chúng ta, tự do ở mức độ cao hơn hay thấp hơn của các hình thức nhà nước được xác định bởi mức độ chúng hạn chế “*tự do của nhà nước*”; giới hạn đó được xác định trong pháp luật mà cơ quan nhà nước, viên chức nhà nước phải tuân theo.

Dân chủ là “*do nhân dân tự quy định*”, là bước chuyển từ xã hội thần dân sang xã hội công dân, là từ “*nhân dân của nhà nước*” sang “*nhà nước của nhân dân*”. “*Dân chủ là xuất phát từ con người*” và “*pháp luật cũng vì con người*”. Trong xã hội mới, sẽ tạo ra những điều kiện cơ bản để giải phóng cá nhân, bởi lẽ, xã hội sẽ không thể giải phóng cho mình được, nếu không giải phóng mỗi một cá nhân riêng biệt. Do vậy, xã hội đó phải được xây dựng trên cơ sở pháp luật. Ph. Ăngghen đã từng khẳng định: Đối với chúng ta, một điều bất di bất dịch là quan hệ giữa người cầm quyền và người bị lãnh đạo phải được thiết lập trên cơ sở pháp luật.

V. I. Lênin xác định rõ, mục đích của chính quyền Xô Viết là thu hút những người lao động tham gia vào quản lý nhà nước, thực hiện một nền dân chủ rộng rãi nhằm giải phóng con người và phát triển toàn diện con người trong xã hội mới.

Theo V. I. Lênin, không có chế độ dân chủ thì chủ nghĩa xã hội sẽ không thể thực hiện được theo hai nghĩa: Giai cấp vô sản không thể hoàn thành được cuộc cách mạng đó thông qua cuộc đấu tranh cho chế độ dân chủ. Chủ nghĩa xã hội chiến thắng sẽ không giữ được thắng lợi của mình và sẽ không dẫn được nhân loại đi đến thủ tiêu nhà nước, nếu không thực hiện đầy đủ chế độ dân chủ.

V. I. Lênin đã xác lập nhiều quan điểm về xây dựng nhà nước kiểu mới như: *“nhà nước không còn nguyên nghĩa”*, *“nhà nước nửa nhà nước”*, *“nhà nước quá độ”* để rồi chuyển dần tới một chế độ tự quản. Muốn vậy, trước mắt phải thực hiện chế độ dân chủ theo các hướng cơ bản: *“Quyền bầu cử”* được thực hiện ngay sau Cách mạng Tháng Mười Nga thành công và dần dần được mở rộng, bầu cử theo nguyên tắc *“phổ thông, bình đẳng, trực tiếp, bỏ phiếu kín”* là nguyên tắc tiến bộ nhất của nền dân chủ hiện đại; qua đó, những người lao động tự lựa chọn được người xứng đáng nhất thay mặt mình giải quyết và quản lý công việc của Nhà nước và xã hội. *“Quyền tham gia quản lý nhà nước”* của những người lao động *“thay nhau”* tham gia vào tổ chức và quản lý nhà nước nên mỗi lần bầu cử nhất thiết phải đổi mới thành phần đại biểu để có thêm nhiều đại biểu mới; đây là một trường học, một phương thức đào tạo cán bộ quản lý có kinh nghiệm, có điều kiện tham gia vào quản lý nhà nước, ngày càng có nhiều người trưởng thành, thật sự trở thành cán bộ quản lý nhà nước kiểu mới. *“Quyền bãi miễn”* là

quyền có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chế độ dân chủ, thực hiện đúng vấn đề có tính nguyên tắc này sẽ làm tăng thêm trách nhiệm của đại biểu đối với cử tri và xã hội, tức là thực hiện sự phục tùng thực sự của những người được bầu cử đối với nhân dân, là nguyên tắc nhằm thực hiện triệt để chế độ dân chủ, bảo quản quyền lực nhà nước thực sự thuộc về nhân dân. *“Mọi cơ quan được bầu ra... đều có thể coi là có tính chất dân chủ chân chính và đại biểu thực sự cho ý chí của nhân dân khi nào quyền bãi miễn của cử tri đối với người trúng cử được thừa nhận và áp dụng... từ chối không áp dụng quyền bãi miễn, trì hoãn thi hành quyền đó, hạn chế nó, thì như thế tức là phản lại dân chủ và hoàn toàn từ bỏ nguyên tắc chủ yếu và nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã bắt đầu ở nước Nga”<sup>(1)</sup>.*

V. I. Lênin cũng khẳng định vai trò của pháp luật và pháp chế trong quản lý xã hội mới là một trong những điều kiện cơ bản để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải dùng phương pháp *“căn cứ vào luật lệ của dân là điều kiện cần và đủ cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi triệt để”*. Khi chuyển sang chính sách kinh tế mới, Người khẳng định, những hình thức quan hệ mới được xác lập trong quá trình cách mạng và trên cơ sở của chính sách kinh tế do chính quyền thực hiện phải được thể hiện trong pháp luật và được bảo vệ về mặt tư pháp. V. I. Lênin là người đã sáng tạo ra khái niệm pháp chế xã hội chủ nghĩa,

<sup>(1)</sup> V. I. Lênin: *Toàn tập*, tập 35, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1976, tr. 126.

và là người trực tiếp chỉ đạo xây dựng tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân nhằm bảo đảm pháp chế nghiêm minh và thống nhất.

#### **IV. TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH**

##### **1. Tư tưởng yêu nước - thương dân - yêu thương con người**

Cuộc đời, các trước tác và hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh luôn thể hiện một tình yêu nước nồng nàn và tình yêu thương dân sâu sắc. Yêu nước phải thể hiện thành thương dân, không thương dân thì không có gì để nói về yêu nước. Dân là số đông trong dân tộc, phải làm cho số đông đó ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, sống tự do, hạnh phúc. Từ lòng yêu nước, thương dân truyền thống, Hồ Chí Minh đi đến xây dựng Đảng Cộng sản và một nền chính trị của dân, do dân và vì dân mà tư tưởng luôn là, khi nước độc lập rồi thì phải biết thương dân nhiều hơn và cụ thể hơn mà nhất là cán bộ, phải biết làm công bộc cho dân; những cán bộ nói là yêu nước mà không thương dân, “*đè đầu cuỡi cổ dân*” là điều không thể chấp nhận được.

Hồ Chí Minh yêu thương tất cả mọi người nhưng không phải là tình thương trừu tượng chung chung mà trực tiếp là nhân loại cần lao, trước hết, là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân; trong đó, trọng tâm là người lao động nghèo khó của Việt Nam. Sự nghiệp giải phóng con người, giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh là một

quá trình đồng thời và tương hỗ lẫn nhau và cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam không chỉ giải phóng dân tộc và cần lao Việt Nam mà còn trực tiếp góp phần tích cực vào sự nghiệp giải phóng cần lao của thế giới.

Sự thống nhất giữa nước, dân với Đảng và con người đã làm cho Hồ Chí Minh là hiện thân của người cộng sản trong quan hệ với nước, với dân, với nhân loại; phản ánh một đặc tính của giai cấp công nhân với tư cách là người đại diện cho dân tộc và nhân loại tiến bộ, xu thế tiến bộ của thời đại và sự nghiệp của người cộng sản. Điều này được thực hiện không dừng lại trong nội tâm và xu hướng hành động với tư cách cá nhân mà còn với tư cách là một lãnh tụ Cộng sản, lãnh tụ của cách mạng, lãnh tụ của dân tộc Việt Nam; không những biểu hiện ra trong việc xây dựng, hoàn thiện chế độ chính trị của xã hội, thể chế nước nhà mà còn thể hiện đậm nét trong thực hiện các mối quan hệ quốc tế.

## **2. Tư tưởng độc lập tự do; dân là gốc của nước và đại đoàn kết**

Dân tộc Việt Nam trải qua hàng thế kỷ dưới ách thực dân phong kiến, sống một cuộc sống bị nô dịch và bị áp bức bóc lột làm cho nghèo đói đến cùng cực. Khát vọng “Không có gì quý hơn độc lập tự do” - giải phóng dân tộc và tự do cho dân trở thành mục đích thiêng liêng của Hồ Chí Minh và của cả dân tộc. Hồ Chí Minh đã đi đến nhiều nước có

độc lập dân tộc nhưng vẫn không có tự do của dân. Với Người, sự độc lập của dân tộc phải đem lại tự do cho nhân dân. Cho nên, Người phải tìm con đường cứu nước sao cho vừa có độc lập dân tộc vừa có tự do cho dân. Đó chính là con đường dẫn Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa cộng sản. Người nói: *"Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"*<sup>(1)</sup>.

Hồ Chí Minh luôn xem dân là gốc nước. Không chỉ là việc sử dụng lực lượng chính trị từ dân, mọi hoạt động chính trị đều vì dân mà còn giáo dục sao cho dân hiểu và tổ chức cho dân tự mình giải phóng mình, tự mình xây dựng cuộc sống của mình, quyền lực chính trị là quyền lực công cộng do dân lập ra để bảo vệ các quyền cơ bản và thiêng liêng của con người. Người đã mong muốn và dày công xây dựng nền chính trị và tổ chức nhà nước mà tất cả quyền lực ở đó đều thuộc về nhân dân, một chế độ xã hội không chỉ chuyên chính với kẻ thù để bảo vệ tự do của nhân dân mà cơ bản hơn còn tạo ra môi trường ngày một thuận lợi thêm cho nhân dân sinh sống và phát triển.

Hồ Chí Minh là hiện thân của tư tưởng đại đoàn kết toàn dân. Chủ trương phải thực thi đại đoàn kết dân tộc để tạo ra sức mạnh của toàn dân là vấn đề cơ bản của đời sống chính trị ở nước ta. Sức mạnh của cả dân tộc không phải chỉ về mặt vật chất mà cả về sức mạnh tinh thần của mọi người bắt nguồn từ logic nội tại của tình "đồng bào" và nhu cầu

---

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 64.

phát triển của dân tộc Việt Nam. Cho nên, phải đại đoàn kết toàn dân mà bản thân Người là một hình mẫu toàn vẹn sinh động của đoàn kết trong nội bộ Đảng, đoàn kết Đảng với quân và dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Người luôn xem “Đoàn kết, Đoàn kết, Đại đoàn kết” là động lực của cách mạng và là nhân tố đảm bảo cho “Thành công, Thành công, Đại thành công” nên thống nhất công - nông - trí và đại đoàn kết toàn dân để tạo ra sức mạnh giữ nước và dựng nước là một trong những đường lối chính trị tiêu biểu của Hồ Chí Minh.

### **3. Tư tưởng về Đảng của dân tộc Việt Nam**

Chính đảng bao giờ cũng là đội tiền phong và mang bản chất của một giai cấp nhất định. Đảng Cộng sản mang bản chất của giai cấp công nhân. Trong thời đại chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội đã trở thành hiện thực trên thế giới, thì chỉ có một đảng cách mạng của giai cấp công nhân đội tiền phong của giai cấp và đại diện cho cả dân tộc mới tập hợp và đoàn kết được giai cấp và toàn bộ dân tộc thực hiện sự nghiệp cứu nước giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Bởi vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện không chỉ là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của cả dân tộc Việt Nam.

Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp và đại biểu cho dân tộc của Đảng thể hiện ở chỗ Hồ Chí Minh đã kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và chủ nghĩa yêu nước dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị thành lập Đảng (3/2/1930) với *“Luận cương vắn tắt”* và *“Sách lược vắn tắt”* do chính Hồ Chí Minh soạn thảo và toàn bộ hoạt động của Người đã đều thể hiện Đảng Cộng sản Việt Nam không những là Đảng của giai cấp công nhân mà còn của dân tộc Việt Nam. Trước phiên họp đầu tiên của Quốc hội Việt Nam (3/2/1946), Hồ Chí Minh đã tuyên bố: *“Tôi chỉ có một đảng, Đảng Việt Nam”*<sup>(1)</sup>. Và tại Đại hội lần thứ II của Đảng (1951), Người đã nhấn mạnh rằng, Đảng ta *“là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”*<sup>(2)</sup>. Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc giai cấp công nhân không có lợi ích riêng, hạn hẹp mà đại diện lợi ích của đa số, và Đảng Cộng sản phải trở thành dân tộc mà cầm quyền. Từ dân tộc và vì dân tộc, phải là mục đích cơ bản và trực tiếp của mọi người cộng sản và trên cơ sở đó mà góp phần thực hiện mục đích nhân loại của mình. Ở nước ta, xét từ nguồn gốc ra đời, từ bản chất và nhiệm vụ trong hiện thực lịch sử thì Đảng Cộng sản chính là *“Đảng Việt Nam”*.

Trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, giai cấp công nhân và dân tộc là một chỉnh thể, dân tộc chỉ thật sự được giải phóng khi tiến hành cách mạng dưới sự lãnh đạo của giai cấp, giai cấp cũng chỉ thực hiện được sứ mệnh của mình khi và chỉ khi phát huy được sức mạnh của cả dân tộc, bằng cách mạng của dân tộc, đồng thời đi cùng và

---

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 478.

<sup>(2)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr. 41.

thực hiện sự tự giải phóng mình cùng sự tự giải phóng của cả dân tộc. Cho nên, đội tiền phong của giai cấp thật sự trở thành Đảng của dân tộc Việt Nam là nội dung của hiện thực lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam. Vì độc lập và tự do của dân tộc trong đó có giai cấp nên việc phấn đấu cho một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh là mục đích cao nhất của người cộng sản Việt Nam. Người khẳng định: “Đảng ta là Đảng chỉ có một điều là phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Ngoài ra, không còn có lợi ích nào khác”<sup>(1)</sup>.

#### **4. Tư tưởng về nhà nước và chế độ chính trị**

Trong xã hội còn phân chia giai cấp thì còn tồn tại nhà nước và pháp luật. Bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” (1922), yêu sách thứ bảy: “Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”<sup>(2)</sup>. Hồ Chí Minh không những khẳng định vai trò quan trọng của pháp luật mà còn chỉ ra rằng pháp luật đó phải là pháp luật của một chế độ dân chủ, thể hiện ý chí của đa số nhân dân do một cơ quan đại diện được cử tri bầu ra thay mặt mình ban hành dưới hình thức văn bản luật; đồng thời, phải có ý thức chấp hành và tuân thủ pháp luật. Với “Bản án chế độ thực dân Pháp” (1925), Người đã đứng vững trên lập trường dân chủ, dân tộc, yêu nước, kết hợp với tư tưởng của thời đại “nhân dân nắm quyền tự quyết”, lý tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, mà phê phán,

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr. 271.

<sup>(2)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr. 441.

tổ cáo, buộc tội đối với chế độ thực dân nói chung, và bộ máy thống trị, quan lại, nhân viên chính quyền thuộc địa nói riêng. Tác phẩm *“Đường cách mệnh”* (1927), Người đã đề cập trực tiếp những vấn đề lý luận cách mạng Việt Nam: trình bày một cách hệ thống đặc trưng, tính chất, những bài học có thể rút ra từ các cuộc cách mạng tiêu biểu của thế giới như cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp đến cách mạng Nga; Người kết luận: *“Chúng ta đã hy sinh làm cách mạng, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm xong cách mạng rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người, thế giới khỏi hy sinh nhiều lần thì dân chúng mới được hạnh phúc”*<sup>(1)</sup>.

Thay mặt Quốc tế III để chủ trì cuộc họp nhất các tổ chức Cộng sản Việt Nam, Người chính thức cho ra đời khái niệm *“Chính phủ công nông binh”* và việc xây dựng chính phủ ấy là nội dung quan trọng trong *“Chánh cương vắn tắt”* (1930) của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong “Thư gửi đồng bào toàn quốc” (10/1944), Người nhấn mạnh: *“Trước hết phải có một cái cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Mà cơ cấu ấy thì phải do một cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và uy tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc,*

---

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr. 292.

ngoài thì giao thiệp với các hữu bang”<sup>(1)</sup>. Trong “Tuyên ngôn độc lập” (2/9/1945), Hồ Chủ tịch đã đề ra nhiệm vụ sớm ban hành Hiến pháp và xem đó là một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của chính quyền nhà nước non trẻ. Mục A, chương II của “Hiến pháp” (1946) dành 2 điều quy định nghĩa vụ của công dân, thì nghĩa vụ tôn trọng Hiến pháp, tuân theo pháp luật được đặt ngay sau nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. “Tuyên ngôn độc lập” và “Hiến pháp” (1946), thể hiện tập trung tư tưởng của Hồ Chí Minh về một nhà nước độc lập, tự chủ, dân chủ, cộng hòa, chủ quyền quốc gia dân tộc, một nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân.

Nội dung cơ bản của chế độ chính trị do Hồ Chí Minh dày công xây dựng phải là một chế độ xã hội mà mọi công việc đều phải bàn bạc với dân, lắng nghe ý kiến của dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của dân. Những thuộc tính của chế độ chính trị đó là: “Đảng Cộng sản cầm quyền, tổ chức ra Chính phủ công, nông, binh; phát đất ruộng cho dân cày; giao công xưởng cho thợ thuyền; không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ nghĩa thế giới đại đồng”<sup>(2)</sup>. Trong cầm quyền, Người đã tuyên bố và từng bước tổ chức hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước thật sự là công cụ thể hiện và thực hiện quyền lực chính trị - quyền làm chủ của dân. Đó là một chế độ chính trị dân chủ, nhân dân làm chủ xã hội,

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr. 537.

<sup>(2)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr. 304.

làm chủ nhà nước, đồng thời cũng phải có nghĩa vụ với xã hội, với nhà nước. *“Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nhà nước do nhân dân làm chủ. Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”*<sup>(1)</sup>.

Sự hưng thịnh hay suy vong của các chế độ chính trị nói chung, của nhà nước nói riêng được quy định bởi quan hệ kinh tế và giai cấp gắn với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất, nhưng khi xét một nhà nước trong một sự vận hành cụ thể, sinh mệnh của nó còn phụ thuộc vào mặt chủ quan của những người cầm quyền. Người khăng định, không một nhà nước nào tồn tại lâu dài nếu nó chứa đựng nhiều loại quan chức *“vinh thân phì gia”* nên việc xây dựng một nhà nước trong sạch và sáng suốt là vấn đề có ý nghĩa quyết định đến sự hưng thịnh của chế độ. Trong lúc phải chống giặc ngoại xâm cũng như trong hòa bình, Người đã xem loại cán bộ *“vinh thân phì gia”* là giặc nội xâm. Sự trong sạch và sáng suốt của một nhà nước cụ thể lại chịu sự quyết định trực tiếp bởi đội ngũ cán bộ và công chức của các cơ quan công quyền. Trong nhà nước đó, cán bộ, đảng viên không chỉ là người lãnh đạo mẫu mực mà còn phải vừa là *“đầy tớ trung thành của nhân dân”*, còn công chức nhà nước phải *“là công bộc của dân”*; tuyệt đối trung thành với Đảng và Chính phủ, với nhân dân, với quốc gia dân tộc. Bằng nhiều phương thức cùng với đức độ của mình, ngay từ đầu,

---

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr. 258.

Hồ Chí Minh đã tập hợp được hầu hết những con người có tài năng, trí tuệ của dân tộc. Là người có trình độ trí tuệ cao và Người lại biết nhân trí tuệ của mình, của cách mạng lên bởi trí tuệ của tập thể, của nhân dân, của cả dân tộc.

Quyền lực chính trị của nhà nước là quyền lực định hướng, điều khiển, tạo môi trường cho sự phát triển toàn bộ của một quốc gia dân tộc nên phải tập trung cao độ trí tuệ của cả giai cấp, dân tộc và cả thời đại mà xây dựng hệ thống chính trị và hoạt động của Nhà nước với một cơ chế thực sự kiểm soát được quyền lực giữa các cơ quan nhà nước cùng với sự giám sát của nhân dân lao động đối với các cơ quan và các bộ phận nhà nước ở mọi cấp, mọi ngành, mọi hoạt động. Một nhà nước thiếu trí tuệ thì chỉ còn là hoạt động cưỡng bức tùy tiện và pháp luật, mệnh lệnh của nó là sự áp đặt từ bên trên và bên ngoài chứ không phải là nhu cầu phát triển bên trong của mỗi công dân trong đời sống cộng đồng xã hội.

### **5. Tư tưởng về phương pháp cách mạng**

Phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật mang tính cách mạng thực tiễn sâu sắc. Nó rất đa dạng phong phú, có những phương pháp thuộc từng lĩnh vực, từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng; có những phương pháp chung được vận dụng cho toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam. Có thể hiểu phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh theo hai nghĩa sau: Theo nghĩa rộng, đó là sự vận dụng của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong

thực tiễn. Nói cách khác, đó là những quy luật hoạt động thực tiễn của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Theo nghĩa hẹp, đó là cách thức tiến hành cách mạng với tính cách là hệ thống các nguyên tắc được thể hiện bằng những hình thức, biện pháp, bước đi thích hợp để thực hiện đường lối cách mạng, biến đường lối cách mạng thành hiện thực.

Phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh là phương pháp cách mạng tiên tiến khoa học, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin và phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam với một số phương pháp cơ bản sau: xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, lấy cải tạo, biến đổi hiện thực Việt Nam làm mục tiêu cho hoạt động cách mạng; thực hiện "dĩ bất biến, ứng vạn biến", huy động lực lượng toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

## CHƯƠNG 3

# QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ VÀ THỰC THI QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ

## I. QUYỀN LỰC VÀ QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ

### 1. Quyền lực

#### *a. Khái niệm quyền lực*

Về mặt chiết tự, quyền lực là một danh từ kép được ghép lại bởi hai từ “Quyền” và “Lực”. Theo Từ điển tiếng Việt, “Quyền” là những “điều mà pháp luật hoặc xã hội công nhận cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi”<sup>(1)</sup>. Như vậy, theo cách hiểu này thì quyền được xác lập trong xã hội là sự thừa nhận của xã hội về địa vị của một ai đó, của một tổ chức nào đó trong cộng đồng. Khi cá nhân hay tổ chức được xã hội thừa nhận ở một địa vị nào đó họ được làm những điều mà vị trí đó có được, được trao quyền mà không ai,

<sup>(1)</sup> Trung tâm từ điển học (Vietlex), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội, 2007, tr. 1.010.

không một tổ chức nào ngăn cản được. Còn “*Lực*” được hiểu theo hai nghĩa là “*Sức, Sức mạnh*”<sup>(1)</sup>, và “*Sự tác động làm biến đổi sự vật khác*”. Theo cách hiểu này thì lực là một trong những thuộc tính tự nhiên của mỗi một sự vật, hiện tượng, lực xuất hiện trong mối quan hệ tương tác giữa các sự vật với nhau.

Khi nghiên cứu về phạm trù quyền lực, các nhà học giả phi mácxít đã đưa ra nhiều quan điểm khác nhau. Có thể khái quát một số quan điểm tiêu biểu sau đây:

- *Quan điểm của Platôn*: Platôn là một trong những nhà triết học, nhà chính trị học tiêu biểu của xã hội cổ đại Hy Lạp. Xuất phát từ cách tiếp cận từ các nguồn lực hình thành nên quyền lực Platôn cho rằng: *Quyền lực là cái mà người có nó có khả năng buộc người khác phải hành động theo ý chí của mình.*

- *Quan điểm của L. Lipson*: Từ góc độ tiếp cận quyền lực là một loại quan hệ xã hội, L. Lipson cho rằng: *Quyền lực là khả năng đạt tới kết quả nhờ các hoạt động phối hợp.* Lipson đã chỉ ra rằng quan hệ quyền lực là quan hệ giữa người với người trong xã hội. Trong mối quan hệ đó có người ra mệnh lệnh có người phục tùng. Thước đo hiệu lực của quyền lực là kết quả của mệnh lệnh đó được người phục tùng thực hiện như thế nào.

---

<sup>(1)</sup> Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1988, tr. 622.

- *Quan điểm Robert Alan Dahl*: Từ cách tiếp cận quyền lực là mối quan hệ chỉ huy và phục tùng, R. Dahl cho rằng: “Quyền lực là buộc người khác phải phục tùng”. Như vậy, theo Dahl thì quyền lực là mối quan hệ hai chiều giữa chủ thể nắm quyền lực và người phải phục tùng.

- *Quan điểm của Joseph Samuel Nye*: Xuất phát từ cách tiếp cận quyền lực là khả năng vận dụng các nguồn lực J. S. Nye cho rằng: “Quyền lực là khả năng tác động để người khác làm theo những gì mình muốn”. Theo đó ông chỉ ra rằng quyền lực có thể đạt được bằng cưỡng chế, sự hấp dẫn hay là sự thuyết phục.

- *Theo Max Weber*: Quyền lực là khả năng của một chủ thể buộc chủ thể khác phải hành động theo ý muốn của mình, bất kể sự kháng cự.

Đại từ điển Tiếng Việt thì định nghĩa: “Quyền lực là quyền hành và thế lực mạnh, đủ để quyết định các công việc”<sup>(1)</sup>.

“Bách khoa Triết học Toàn thư” định nghĩa: “Quyền lực là khả năng thực hiện ý chí của mình có tác động đến hành vi, phẩm hạnh của người khác nhờ một phương tiện nào đó như uy tín, quyền hành, nhà nước, sức mạnh...”<sup>(2)</sup>.

Từ những quan điểm khác nhau nêu trên, có thể đưa ra khái niệm quyền lực như sau: *Quyền lực là khả năng gây*

---

<sup>(1)</sup> Đại từ điển Tiếng Việt, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1998, tr. 1384.

<sup>(2)</sup> Bách khoa Triết học, Nxb. Tiến Bộ, Mátxcova, 1983, tr. 15 (Bản tiếng Nga).

*ảnh hưởng, tác động đến người khác, buộc người khác thực hiện theo ý chí của mình.*

***b. Đặc trưng của quyền lực***

*Thứ nhất, sự ra đời và phát triển của quyền lực là tất yếu khách quan.*

Ph. Ăngghen đã kế thừa quan điểm của các nhà tư tưởng trước đó về quyền lực và cho rằng, quyền lực xuất hiện và tồn tại cùng với sự xuất hiện và tồn tại của con người; có nghĩa là khi có con người là có quyền lực và quan hệ quyền lực. Quyền lực ra đời là một tất yếu vì nó xuất phát từ nhu cầu phối hợp hành động chung. Quyền lực là quan hệ giữa người chỉ huy và người thi hành. Bất cứ hoạt động chung nào cũng phải có người tổ chức chỉ huy và người phục tùng sự tổ chức chỉ huy đó. Chỉ huy và phục tùng sự chỉ huy là cội nguồn, điểm xuất phát, là nội dung trung tâm của mọi quyền lực. Ph. Ăngghen cho rằng: *“Quyền uy là ý chí của người khác buộc ta phải tiếp thu; quyền uy lấy sự phục tùng làm tiền đề”*<sup>(1)</sup>.

*Thứ hai, quyền lực mang tính phổ biến.*

Đặc điểm này chỉ ra rằng không một ai trong xã hội lại không tồn tại trong các mối quan hệ quyền lực. Trong bất kỳ hoạt động chung nào cũng cần có phối hợp hành động, cần có tổ chức, có người chỉ huy, có người điều hành và có

---

<sup>(1)</sup> *Tập bài giảng chính trị học* (luu hành nội bộ), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 191.

người phục tùng nhằm duy trì trật tự chung, điều hành hoạt động chung và bảo vệ cộng đồng tránh sự xâm hại từ bên ngoài.

*Thứ ba, quan hệ quyền lực là không cố định.*

Quyền lực bao giờ cũng được hình thành từ các nguồn lực khác nhau. Trong quan hệ quyền lực người nắm các nguồn lực trở thành chủ thể quyền lực, người không có nguồn lực là những người phải phục tùng. Cũng trong mỗi quan hệ này các chủ thể quyền lực dựa vào các nguồn lực để thực hiện quyền lực, nhưng các nguồn lực thường xuyên thay đổi nên quan hệ quyền lực luôn luôn thay đổi.

*Thứ tư, xung đột quyền lực là khách quan, phổ biến.*

Xung đột quyền lực là phổ biến vì như Ph. Ăngghen nói, sự phục tùng là “khó chịu” đối với người phục tùng nên ai cũng ham muốn quyền lực, không muốn là người phải phục tùng. Vì thế, người đang có quyền lực thì muốn giữ quyền lực, người chưa có quyền lực lại muốn giành quyền lực, vì thế mâu thuẫn quyền lực là tất yếu không thể tránh khỏi. Ngoài ra, người có quyền lực còn có thể dễ dàng thực hiện các lợi ích khác về tinh thần hay vật chất khác, đó cũng là ước muốn mà người phục tùng muốn đạt được, vì vậy dẫn đến những mâu thuẫn nhất định giữa người cầm quyền và người phải phục tùng.

*Thứ năm, phương thức đạt được quyền lực rất đa dạng.*

Quyền lực có thể đạt được bằng nhiều phương thức khác nhau như: tài năng, sức mạnh, nghệ thuật, thủ đoạn,...

Việc lựa chọn các phương thức đạt quyền lực phụ thuộc vào chủ thể đang sở hữu các nguồn lực nào. Nếu chủ thể sở hữu sức mạnh hơn người khác thì phương thức giành quyền lực thường được dùng là sức mạnh, nếu chủ thể sở hữu nhiều của cải vật chất thì phương thức đạt quyền lực thông thường là dùng của cải vật chất...

Cho đến nay, nghiên cứu về phương thức đạt đến quyền lực còn nhiều quan điểm khác nhau. Tùy vào góc độ tiếp cận khác nhau người ta có những quan điểm khác nhau.

- Quan điểm của Avil Toffler: Có ba cách để đạt được quyền lực: bạo lực, của cải và trí tuệ.

*Bằng vũ lực, sức mạnh:* Theo Avil Toffler để xác lập quyền lực trong nhiều trường hợp phải cần đến vũ lực, sức mạnh. Vũ lực, sức mạnh có thể khiến người ta khiếp sợ và phải tuân thủ, phục tùng. Nhưng đạt quyền lực bằng vũ lực, sức mạnh là hình thức đạt quyền lực có phẩm hạnh thấp nhất, vì dùng vũ lực, sức mạnh sẽ dẫn đến sự hy sinh của nhiều người và tạo ra nhiều kẻ thù cho mỗi người, mỗi quốc gia, dân tộc. Mặt khác, không một ai hay một quốc gia nào đảm bảo có một sức mạnh vô song nên đạt quyền lực bằng bạo lực có nhiều hạn chế.

*Bằng của cải vật chất:* Quyền lực chính trị có thể đạt được bằng của cải thông qua những đầu tư khôn ngoan, nhưng của cải không phải là vô cùng vô tận nên bản thân cách đạt quyền lực bằng của cải cũng có những hạn chế.

*Bằng trí tuệ:* Quyền lực chính trị có thể đạt quyền lực bằng sức mạnh của tri thức, tri thức thì vô hạn và quan trọng hơn, chất xám - tri thức còn thay thế được sức mạnh của thiên nhiên, có khả năng chinh phục không gian và tiết kiệm thời gian cho con người. A. Toffler đã chứng minh rằng, với tư cách là quyền lực, tri thức còn có một ưu thế hơn hẳn so với bạo lực và của cải. Là của cải tượng trưng, một thứ tài sản vô hình, tri thức mang trong nó tiềm năng dân chủ hóa mạnh mẽ. Nếu như bạo lực và của cải thường tập trung trong tay một thiểu số thì tri thức lại được phân bố rộng rãi hơn nhiều.

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin không tuyệt đối hóa phương thức đạt quyền lực nào. Bằng phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật lịch sử, chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ ứng với mỗi cấp độ chủ thể, có phương thức đạt tới quyền lực nhất định; với từng đối tượng cụ thể, trong những hoàn cảnh và điều kiện khác nhau, nhân dân có những phương thức đạt tới quyền lực không giống nhau; không thể lấy phương thức vốn chỉ thích ứng với trường hợp này để thay thế cho trường hợp khác.

Quyền lực là phạm trù đa dạng và phong phú, sự phản ánh của quyền lực cũng rất phong phú. Một cách khái quát nhất, quyền lực được phân thành các loại cơ bản sau đây: Dựa vào các lĩnh vực của đời sống xã hội có các loại quyền lực: quyền lực kinh tế, quyền lực chính trị, quyền lực tư tưởng,

quyền lực thông tin; Dựa vào chủ thể quyền lực có các loại quyền lực: quyền lực cá nhân, quyền lực tổ chức, quyền lực cộng đồng.

## **2. Quyền lực chính trị**

### **a. Khái niệm**

Quyền lực ra đời từ rất sớm, sự xuất hiện của quyền lực gắn liền với sự xuất hiện của con người, do nhu cầu con người chung sống với nhau cần phải phối hợp với nhau trong việc giải quyết các vấn đề chung của xã hội còn quyền lực chính trị chỉ ra đời trong xã hội có giai cấp. Tuy nhiên, ngay từ khi mới ra đời, quyền lực chính trị đã nhanh chóng trở thành phạm trù trung tâm của các khoa học chính trị và chính trị học. Cho đến nay còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về quyền lực chính trị trong nghiên cứu lý luận.

Trong tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, Ph. Ăngghen đã đưa ra định nghĩa về quyền lực chính trị: “Quyền lực chính trị theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp giai cấp khác”<sup>(1)</sup>.

Nghĩa chung về quyền lực chính trị được định nghĩa như sau: “Quyền lực chính trị là năng lực của một chủ thể trong việc áp đặt mục tiêu chính trị của mình đối với toàn xã hội”<sup>(2)</sup>.

<sup>(1)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 21, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 628.

<sup>(2)</sup> Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Giáo trình Cao cấp Lý luận chính trị - Chính trị học*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2018, tr. 53.

Như vậy, quyền lực chính trị là khả năng để một giai cấp, liên minh giai cấp, tập đoàn xã hội quyết định những vấn đề quan trọng của nhà nước bảo đảm chiều hướng phát triển quốc gia phù hợp với lý tưởng và lợi ích của chủ thể.

### **b. Đặc trưng của quyền lực chính trị**

Một là, quyền lực chính trị là tất yếu khách quan trong một giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử xã hội.

Khi xã hội chưa có giai cấp, người ta điều chỉnh xã hội chỉ bằng quyền lực công. Quyền lực công nảy sinh từ những nhu cầu sinh hoạt chung của cộng đồng là cái vốn có của xã hội, lấy ý chí và lợi ích chung của xã hội làm cơ sở cho sự tồn tại và phát triển. Quyền lực công có trong mọi xã hội và phát triển cùng với xã hội loài người.

Khi chế độ tư hữu xuất hiện, giai cấp chủ nô áp đặt ý chí lợi ích của mình đối với giai cấp nô lệ và toàn xã hội. Để làm được điều đó, giai cấp chủ nô giành lấy quyền lực công bằng lập ra bộ máy nhà nước có đủ sức mạnh bạo lực trấn áp. Nhà nước không chỉ nắm lấy quyền lực công sử dụng theo yêu cầu của giai cấp mà ý chí giai cấp còn nhân danh quyền lực công và cũng trở thành quyền lực công bằng xây dựng hệ thống pháp luật. Cả quyền lực công và quyền lực giai cấp hợp thành một chỉnh thể quyền lực chính trị của giai cấp cầm quyền để trấn áp giai cấp đối lập bị trị và thống trị toàn xã hội với sự bảo đảm của nhà nước.

*Hai là, quyền lực chính trị luôn mang bản chất của giai cấp.*

Hình thức tổ chức quyền lực chính trị có thể là thể chế chính trị của chỉ một giai cấp hay của sự liên minh giữa các giai cấp hoặc của nhân dân. Nhưng, thực chất của quyền lực đó bao giờ cũng thuộc về một giai cấp nhất định, giai cấp thực thụ cầm quyền - giai cấp thống trị nền kinh tế xã hội. Trong nội bộ giai cấp, quyền lực chính trị có thể chứa đựng những mâu thuẫn, thậm chí có cả những đối kháng. Song, trong liên minh với các giai cấp khác hay quan hệ với toàn dân và khi thể hiện sự thống trị xã hội, nó luôn thống nhất của một giai cấp.

*Ba là, thực chất của quyền lực chính trị là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp giai cấp khác.*

Điều này được biểu hiện rất rõ trong đời sống chính trị, cả trong xã hội tư bản chủ nghĩa lẫn trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, ở vị trí cầm quyền, giai cấp tư sản đã tổ chức ra một máy quyền lực bao gồm các chủ thể: Đảng chính trị của giai cấp tư sản, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống truyền thông và các nhóm lợi ích. Thông qua hoạt động của các chủ thể này đã phản ánh bạo lực có tổ chức của giai cấp tư sản với các giai cấp bị bóc lột, trong đó có giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, hoạt động của hệ thống chính trị gồm các chủ thể: Đảng Cộng sản, nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Những hoạt động của các

chủ thể này đã định hướng cho sự phát triển của toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội.

*Bốn là, quyền lực chính trị thống trị trong xã hội thuộc về giai cấp, lực lượng xã hội giữ địa vị thống trị về kinh tế.*

Mục tiêu của quyền lực chính trị là nhằm thiết lập, duy trì trật tự, bảo vệ và phát triển các lợi ích căn bản mà trước hết là lợi ích kinh tế của giai cấp.

Giai cấp, lực lượng xã hội có quyền lực về kinh tế thường là lực lượng có đủ điều kiện để giành, giữ, chi phối quyền lực chính trị.

*Năm là, quyền lực chính trị tập trung ở quyền lực nhà nước.*

Quyền lực chính trị có ở nhiều chủ thể khác nhau: đảng chính trị (tổ chức tương tự), nhà nước, công dân và các tổ chức chính trị - xã hội mà quyền lực nhà nước là trung tâm. Nhà nước không chỉ biểu hiện tập trung và mạnh mẽ nhất quyền lực của giai cấp cầm quyền mà còn nhân danh quyền lực công đối với toàn xã hội và trong các tổ chức có sức mạnh trấn áp thì nhà nước là tổ chức có sức mạnh trấn áp cao nhất, hiệu quả nhất và hợp pháp. Cho nên, các lực lượng chính trị xã hội luôn hướng cuộc đấu tranh của mình đến giải quyết vấn đề quyền lực nhà nước theo năng lực thực tế của mình.

*Sáu là, quyền lực chính trị mang tính chính đáng.*

Tính chính đáng thể hiện ở tính đại diện lợi ích cho nhóm, cộng đồng người; tính hợp lý, khoa học, hiệu quả

trong việc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị; tính hợp pháp của các cơ quan quyền lực thể hiện chủ yếu ở hình thức lựa chọn người lãnh đạo và ra quyết định, trong đó hệ thống bầu cử giữ vai trò trung tâm. Khi hoạt động của chủ thể quyền lực đảm bảo tính chính đáng sẽ được sự chấp nhận của xã hội. Nói cách khác, tính chính đáng là yếu tố chính đảm bảo thực thi quyền lực chính trị.

*Bây là, quyền lực chính trị phải được tập trung đúng mức và phải được kiểm soát.*

Quyền lực tập trung quá mức, tức là chủ thể quyền lực có quá nhiều quyền sẽ dẫn đến tình trạng lạm quyền, cho nên không thể kiểm soát được. Khi chủ thể quyền lực là người lạm quyền thì những hành động của họ sẽ dễ mang tính chủ quan, trong nhiều trường hợp thậm chí không cần quan tâm đến đúng hay sai như trong trường hợp của một số ông vua phong kiến. Trường hợp thứ hai, quyền lực không đủ mạnh. Đó là khi chủ thể nắm quyền lực ban hành ra mệnh lệnh, đối tượng thực hiện có thể chấp hành hoặc không chấp hành, lúc này mục tiêu chung sẽ không đạt được vì không có người thực hiện và như vậy xã hội sẽ không thể phát triển. Đó là trường hợp chính phủ tham nhũng khiến nhân dân hết niềm tin vào nhà nước và sẵn sàng làm cuộc cách mạng lật đổ chính phủ.

Kiểm soát quyền lực là nguyên tắc hàng đầu trong tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước để phòng ngừa, ngăn chặn lạm quyền. Bởi vì, quyền lực chính trị luôn có xu hướng

bị tha hóa. Theo nghĩa của từ, tha hóa là sự vận động của sự vật, hiện tượng đã đi ngược lại cái ban đầu đã sinh ra nó. Biểu hiện của sự tha hóa trong quyền lực chính trị ở chỗ, quyền lực chính trị là quyền lực được thực hiện thông qua một số người là đại diện của giai cấp. Trách nhiệm của những người được trao quyền là phải đảm bảo lợi ích cho cộng đồng. Điều đó có nghĩa là, khi thực hiện quyền lực chính trị của một giai cấp, những người nắm giữ quyền lực phải thực hiện ý chí và lợi ích của giai cấp mà họ đại diện; những gì có lợi cho giai cấp, cho cộng đồng thì phải thực hiện. Tuy nhiên, người đang nắm giữ quyền lực khi đứng trước các quyết định thường ưu tiên lợi ích cho bản thân mình trước lợi ích cộng đồng và thậm chí là vi phạm lợi ích cộng đồng. Đó là biểu hiện của sự tha hóa trong quyền lực chính trị. Những biểu hiện cụ thể của sự tha hóa trong quyền lực chính trị đó là những hành vi: tham ô, tham nhũng, vi phạm dân chủ, vô trách nhiệm...

## II. CƠ CHẾ THỰC THI QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ

### 1. Đối với giai cấp cầm quyền

- Về mặt tổ chức bộ máy:

Giai cấp cầm quyền thiết lập bộ máy gồm:

Đảng chính trị cầm quyền

Nhà nước với cơ quan lập pháp (Quốc hội hay nghị viện), cơ quan hành pháp (Chính phủ) và cơ quan tư pháp (Tòa án, viện kiểm sát, viện công tố)

Tạo điều kiện hình thành các tổ chức chính trị - xã hội (đoàn thể nhân dân ở các nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, các nhóm lợi ích chính trị ở các nước tư bản chủ nghĩa); ngoài ra còn bộ máy truyền thông đại chúng.

- Về cách thức tổ chức và phương thức vận hành:

+ Đảng cầm quyền thực thi quyền lực chính trị thể hiện qua việc xác định quan điểm, chủ trương, đường lối chính trị của đảng cầm quyền. Thông qua các quyết sách chính trị của mình, đảng cầm quyền xác định mục tiêu mà đảng hướng đến trong quá trình lãnh đạo đất nước trong những giai đoạn lịch sử nhất định nào đó. Các quyết sách chính trị này được cụ thể hóa bằng cương lĩnh, nghị quyết của đảng.

+ Nhà nước cụ thể hóa chủ trương, đường lối của đảng cầm quyền, nhà nước thực thi quyền lực chính trị thông qua các đạo luật. Các đạo luật của nhà nước bao gồm hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp là đạo luật gốc, trên cơ sở các quy định của hiến pháp một hệ thống các ngành luật được xây dựng để quản lý và điều hành xã hội. Bên cạnh đó, nhà nước còn thực thi quyền lực bằng hệ thống chính sách tổ chức, điều hành.

+ Các tổ chức chính trị - xã hội thực thi quyền lực chính trị thông qua việc giám sát hoạt động của đảng cầm quyền, hoạt động của nhà nước trực tiếp hoặc gián tiếp. Việc giám sát nhằm nâng cao hiệu quả việc thể chế hóa, hiện thực hóa mục tiêu chính trị mà giai cấp cầm quyền nêu ra.

+ Cơ chế thực thi quyền lực chính trị còn được biểu hiện ở mối quan hệ giữa các tổ chức trong việc thực hiện quyền lực chính trị. Quan hệ này được quy định bởi hệ thống những nguyên tắc cơ bản, phương thức vận hành của các thiết chế, tổ chức của hệ thống chính trị và các thể thức kiểm tra, giám sát, kiểm soát, cơ chế điều chỉnh đường lối, điều chỉnh pháp luật.

## **2. Đối với giai cấp không cầm quyền**

Để thực thi quyền lực của mình, giai cấp không cầm quyền tiến hành xây dựng tổ chức, lực lượng và đề ra những chủ trương chính trị trên lập trường giai cấp mình và bằng mọi biện pháp như tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, để quần chúng nhân dân hiểu rõ và ủng hộ, đồng thời, từng bước đấu tranh, tổ chức cho quần chúng đấu tranh để bảo vệ, thực hiện mục tiêu kinh tế, chính trị của giai cấp mình, tiến đến lật đổ quyền lực chính trị của giai cấp cầm quyền khi có đủ điều kiện.

### **III. QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ CỦA NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

#### **1. Quan niệm về quyền lực của nhân dân**

##### **a. Khái niệm**

*Khái niệm nhân dân:* Nhân dân là bộ phận đông đảo những người thuộc nhiều giai cấp, nhiều tầng lớp xã hội khác nhau mà chủ yếu là người lao động phân biệt với bộ phận khác là tầng lớp thống trị.

Người lao động là tổng hợp các giai cấp, các tầng lớp khác nhau tương ứng với địa vị kinh tế - xã hội trong nền sản xuất. Tuy nhiên, dù khác nhau về địa vị kinh tế, địa vị chính trị nhưng các tầng lớp nhân dân đều có điểm chung là những người sống bằng chính sức lao động của mình, do đó về cơ bản họ có lợi ích tương đồng với nhau.

*Khái niệm quyền lực chính trị của nhân dân:* Quyền lực chính trị của nhân dân là nhân dân nắm lấy và sử dụng quyền lực công mà cơ bản và trực tiếp nhất là quyền lực nhà nước để làm chủ các quá trình phát triển xã hội nhằm đảm bảo lợi ích của toàn thể nhân dân trên lập trường của giai cấp công nhân.

Quyền lực chính trị của nhân dân là quyền lực thể hiện và bảo vệ ý chí chung của mọi tầng lớp lao động. Không chỉ là thể hiện ý chí chung của nhân dân mà quyền lực chính trị của nhân dân còn là sự biểu hiện cho khả năng hiện thực hóa quyền lực chính trị của nhân dân bằng năng lực thực hiện những lợi ích, bằng hoạt động của các đoàn thể quần chúng, bằng các hoạt động của nhà nước và bằng quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân.

### ***b. Quan niệm về quyền lực của nhân dân trong lịch sử***

Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin: Nhân dân là người sáng tạo nên lịch sử và là người quyết định lịch sử. Vì vậy về khách quan, nhân dân lao động có quyền quyết định vận mệnh của mình về kinh tế và về chính trị. Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: các hình thức nhà nước tự do hay

không tự do là tùy ở chỗ trong những hình thức ấy tự do của nhà nước bị hạn chế nhiều hay ít.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Quyền lực chính trị thuộc về nhân dân và phục vụ lợi ích nhân dân. Người khẳng định rõ: “*Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân*”<sup>(1)</sup>.

Chế độ của chúng ta thật sự phục vụ lợi ích của nhân dân, đảm bảo mọi quyền lợi của nhân dân, mở rộng dân chủ để nhân dân thật sự tham gia quản lý nhà nước. Vì vậy nhân dân ta đem hết khả năng làm tròn nhiệm vụ người chủ nước nhà để xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho nước ta mạnh, dân ta giàu.

*Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền lực của nhân dân:*

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng ta khẳng định chủ thể quyền lực chính trị ở nước ta là của nhân dân, vì nhân dân. Đảng ta nêu rõ: Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân.

---

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr. 232.

Chế độ mà chúng ta đang xây dựng là chế độ xã hội chủ nghĩa. Đây là chế độ làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống cuộc đời hạnh phúc, nhằm thực hiện mục tiêu *“dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”*.

Hiến pháp 1992 của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ghi rõ: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Tất cả quyền lực thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với nông dân và đội ngũ trí thức.

## **2. Cơ chế thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam hiện nay**

Cơ chế thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam được xác định là: *“Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”*. Nhân dân làm chủ là một trong ba thành tố không tách rời trong cơ chế tổng thể *“Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”*. Hơn nữa, nhân dân làm chủ vừa là một thành tố, vừa là mục tiêu cao nhất khi triển khai cơ chế đó trong thực tiễn.

Trong hệ thống chính trị ở nước ta, vai trò của các nhân tố cấu thành hệ thống chính trị có sự khác nhau trong việc thực hiện mục đích chung. Cụ thể:

*Thứ nhất, về Đảng lãnh đạo*

Với vai trò lãnh đạo, Đảng đề ra quyết sách chính trị, định hướng cho toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị.

Đảng Cộng sản Việt Nam “là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”. Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người. Do đó xét về bản chất, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội không có mục đích nào khác là để đem lại quyền làm chủ cho nhân dân, đảm bảo tất cả quyền lực thuộc về nhân dân.

#### *Thứ hai, về Nhà nước quản lý*

Vai trò của Nhà nước là yếu tố quyết định trực tiếp sự thành công trong vận hành cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Nhà nước của chúng ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hoạt động quản lý của nhà nước là hình thức hoạt động được thực hiện trước hết và chủ yếu bởi các cơ quan hành chính nhà nước, có nội dung là bảo đảm sự chấp hành luật, pháp lệnh và các nghị quyết của cơ quan quyền lực nhà nước, nhằm tổ chức và chỉ đạo thực hiện một cách trực tiếp và thường xuyên công cuộc xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội và hành chính - chính trị của nước ta.

Xác định vai trò quản lý của Nhà nước trong thời gian tới, Đảng ta khẳng định: “Nhà nước thể chế hóa nghị quyết của Đảng, xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách,

*bảo đảm các loại thị trường ngày càng hoàn thiện và vận hành thông suốt, cạnh tranh công bằng, bình đẳng và kiểm soát độc quyền kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh”<sup>(1)</sup>.*

### *Thứ ba, về nhân dân làm chủ*

Vai trò của nhân dân là yếu tố trung tâm của cơ chế “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ*”. Trong lịch sử chính trị Việt Nam, vai trò của nhân dân luôn được đề cao. Trần Hưng Đạo đã khẳng định: “*khoan thư sức dân*” là “*kế sâu rễ bền gốc*”, Nguyễn Trãi cho rằng: chở thuyền và lật thuyền đều do dân. Các bản Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn khẳng định, nhà nước ta là nhà nước mà quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin rất quan tâm đến vai trò của quần chúng nhân dân. Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: cách mạng là sự nghiệp chung của cả dân chúng Việt Nam và Đảng Cộng sản Việt Nam là do dân lập nên để phục vụ nhân dân. Năm 1946, khi trả lời các nhà báo nước ngoài về chức vụ Chủ tịch của mình, Hồ Chí Minh khẳng định: “*Tôi tuyệt*

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 112.

*nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi vui lòng lui”<sup>(1)</sup>.*

Trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực thuộc về nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam kể từ khi ra đời, tồn tại và phát triển luôn xác định mục đích của Đảng là vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Điều này được thể hiện rõ trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng. Tại Đại hội XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: *“Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”<sup>(2)</sup>.*

### **3. Những điều kiện đảm bảo thực hiện quyền lực chính trị của nhân dân ở Việt Nam hiện nay**

*Thứ nhất, về cơ sở kinh tế:*

Xác định mối quan hệ giữa chế độ kinh tế và chế độ chính trị, Lênin nhấn mạnh: *“pháp quyền không bao giờ có thể cao hơn chế độ kinh tế và trình độ phát triển văn hóa của*

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 187.

<sup>(2)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 130.

*xã hội do chế độ kinh tế quyết định*"<sup>(1)</sup>. Nhân dân lao động chỉ có thể có quyền lực chính trị khi nắm quyền lực về kinh tế. Vì vậy, để thực hiện quyền lực chính trị của nhân dân ở nước ta cần phát triển lực lượng sản xuất đạt tính chất, trình độ cao và xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu. Do điều kiện kinh tế ở Việt Nam còn lạc hậu, chậm phát triển nên mô hình phát triển kinh tế trong giai đoạn hiện nay cần phù hợp với điều kiện nền kinh tế. Đó là mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng mô hình này nhằm phát triển lực lượng sản xuất đạt tính chất, trình độ cao và từng bước xác lập quan hệ sản xuất, chế độ kinh tế phù hợp mà trong đó nhân dân có quyền quyết định, chi phối đối với tư liệu sản xuất chủ yếu.

#### *Thứ hai, về hệ thống chính trị*

Đảng Cộng sản Việt Nam thực sự là chính đảng của giai cấp công nhân, Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, các tổ chức chính trị - xã hội thực sự là tổ chức của quần chúng.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, vì vậy, để thực thi quyền lực chính trị của nhân dân, Đảng thật sự là Đảng của giai cấp công nhân, thực sự là đại biểu cho lợi ích của nhân dân. Với tư cách là người lãnh đạo nhân dân, Đảng phải lấy dân làm gốc, phải đảm bảo bao nhiêu lợi ích đều vì dân, ngoài lợi ích của nhân dân, của dân tộc, Đảng không

---

<sup>(1)</sup> V. I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, 1976, Tập 33, tr. 23, 223.

có một lợi ích nào khác. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ sống còn để đảm bảo quyền lực chính trị của nhân dân lao động. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn về sự cần thiết phải xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh. Người viết: *“Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phải giữ gìn Đảng ta thật sự trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”*<sup>(1)</sup>.

Xây dựng Nhà nước thật sự *“của dân, do dân, vì dân”*, là Nhà nước của chính người lao động, do chính những người lao động cử ra và hoạt động của Nhà nước nhằm đảm bảo lợi ích của những người lao động, phục vụ cho nhân dân lao động; các cơ quan quyền lực nhà nước do nhân dân bầu ra phải chịu trách nhiệm trước nhân dân. Để thực hiện được điều đó phụ thuộc rất lớn vào vai trò của hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, công chức. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định cần: *“Quy định nhiệm vụ cho tất cả các cơ quan nhà nước là phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân”*<sup>(2)</sup>. Điều này đòi hỏi người cán bộ cách mạng phải hết lòng vì nhân dân, là *“công bộc”* của nhân dân. Người cán bộ cách mạng phải thật sự giữ được phẩm chất trong sạch, không tham ô, tham nhũng, quan liêu, hách dịch, sách nhiễu nhân dân, biết lắng nghe ý kiến của nhân dân.

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 611-612.

<sup>(2)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr. 375.

Xây dựng được các đoàn thể quần chúng ngày càng lớn mạnh, thực sự là tổ chức quần chúng, chăm lo cho lợi ích của nhân dân. Hiện nay ở nước ta, người dân có nhiều điều kiện để tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội. Vì vậy, để phát huy vai trò của nhân dân cần phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức chính trị - xã hội để các tổ chức này thật sự là đại diện cho nhân dân.

Hoạt động của hệ thống chính trị theo hướng đẩy mạnh mở rộng dân chủ hóa. Thực chất của việc dân chủ hóa là tạo ra môi trường cho người dân có điều kiện để thực hiện quyền làm chủ của mình. Quá trình dân chủ hóa đòi hỏi phải làm một cách có hiệu quả, tránh các cách làm hình thức, lợi dụng dân chủ để thực hiện các mục đích phi dân chủ. Thực hành dân chủ đi đôi với thực hiện kỷ cương, pháp luật. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng đã khẳng định: *“Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống của mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật đảm bảo. Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của*

*công dân không tách khỏi nghĩa vụ của công dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện”<sup>(1)</sup>.*

#### *Thứ ba, về bản thân người dân*

Người dân cần có nhận thức đúng đắn, có ý thức và năng lực thực hiện quyền lực của mình bởi vì người dân chỉ thật sự là người chủ đất nước khi họ ý thức được rằng mình là chủ đất nước, các tổ chức quyền lực chỉ là đại diện cho họ thực hiện quyền lực công. Chính vì vậy, cần không ngừng nâng cao trình độ dân trí, trình độ lý luận chính trị cho nhân dân. Để thực hiện điều đó cần phát triển giáo dục, thực hiện “*giáo dục là quốc sách hàng đầu*”. Đồng thời, đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị theo hướng dễ hiểu, dễ đi vào lòng người. Bên cạnh đó, cần coi trọng phát triển hệ thống thông tin xã hội, nhất là các phương tiện thông tin đại chúng để cung cấp thông tin cho người dân một cách đầy đủ, minh bạch thông tin về hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là của bộ máy Nhà nước.

#### **4. Những vấn đề đặt ra về quyền lực chính trị của nhân dân ở Việt Nam hiện nay**

Thực tiễn hơn 30 năm đổi mới đất nước đã khẳng định những thành tựu quan trọng trong việc tổ chức và thực thi quyền lực chính trị của nhân dân ở Việt Nam.

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 84-85.

- *Về mặt kinh tế:* Hiện nay Việt Nam đang xây dựng một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, định hướng xã hội chủ nghĩa, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất cơ bản của xã hội. Nền kinh tế thị trường tạo ra những điều kiện thuận lợi cho người dân phát triển sản xuất, bên cạnh đó, mặt trái của nền kinh tế thị trường cũng tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt trong sản xuất và sự phân hóa giàu nghèo diễn ra mạnh mẽ hơn.

- *Về dân chủ và thực hiện dân chủ:* Quá trình thực hiện dân chủ ở nước ta hiện nay đã đạt được những thành tựu to lớn như: khối đại đoàn kết được phát huy và ngày càng được mở rộng, nhân dân ngày càng được tạo điều kiện tham gia đóng góp vào các vấn đề của đất nước, hệ thống quyền lực đại diện như Đoàn đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị của Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... không ngừng được củng cố và đóng vai trò là nơi thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Bên cạnh những mặt tích cực, quá trình thực hiện dân chủ ở nước ta cũng có tồn tại nhiều hạn chế, đặt ra nhiều vấn đề cần được quan tâm giải quyết để đảm bảo quyền lực chính trị thực sự thuộc về nhân dân.

*Thứ nhất,* về kinh tế, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay chưa đảm bảo cơ sở kinh tế vững chắc để thực hiện quyền lực chính trị của người lao động. Trình độ, tính chất của lực lượng sản xuất còn hạn chế. Nền sản xuất công

ngành của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, những ngành công nghiệp chế tạo chưa thực sự phát triển, những ngành công nghiệp lắp ráp mới phát triển chủ yếu theo dây chuyền công nghệ của nước ngoài, mức độ hiện đại hóa trong các ngành công nghiệp chưa đồng đều giữa các ngành và giữa các địa phương trong cả nước, tính cạnh tranh của các mặt hàng sản xuất công nghiệp nhìn chung còn thấp nên giá thành không cao, nhất là những ngành vốn là thế mạnh của nước ta như dệt may, da giày, khoáng sản... Trình độ cơ khí hóa, tự động hóa và tin học hóa của nhiều ngành kinh tế nhìn chung còn nhiều hạn chế. Từ đó chưa tạo điều kiện về lực lượng sản xuất vững chắc cho việc thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đó là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu mà trong đó quyền lực kinh tế thực sự thuộc về nhân dân. Quản lý tài sản công chưa chặt chẽ dẫn đến tổn thất tài sản công.

Vấn đề đặt ra là phải tiếp tục phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó kinh tế nhà nước phải nắm vai trò chủ đạo. Định hướng vững chắc là xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu; đẩy mạnh hơn nữa quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp làm cho nhân dân có nhiều điều kiện hơn nữa tham gia vào các hoạt động kinh tế; kiểm soát chặt chẽ tài sản công, tránh thất thoát tài sản nhà nước mà thực chất là tài sản của nhân dân.

*Thứ hai, về thể chế thực thi quyền lực chính trị của nhân dân*

Việc xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân còn tồn tại một số bất cập. Hệ thống quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, của Nhà nước thiếu hoàn chỉnh. Vấn đề thủ tục hành chính và những vấn đề liên quan đến Nhà nước vẫn là một rào cản đối với nhân dân. Người dân có tâm lý sợ, ngại đến làm việc với cơ quan nhà nước; một bộ phận cán bộ trách nhiệm ở các địa phương có dấu hiệu thoái hóa, biến chất làm cho nhân dân mất dần niềm tin vào Nhà nước, từ đó tạo những mâu thuẫn xã hội làm cho quá trình thực hiện dân chủ trở nên gặp nhiều khó khăn; việc thực hiện dân chủ trong một số trường hợp vẫn còn mang nặng tính hình thức...

Hơn nữa, việc kiểm soát lẫn nhau một cách hiệu quả giữa Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội để đảm bảo quyền lực của nhân dân chưa có cơ chế chặt chẽ dẫn đến những hạn chế trong thực tế. Đánh giá những hạn chế trong việc thực hiện dân chủ ở nước ta, trong Văn kiện Đại hội XII, Đảng ta xác định: *“Nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, pháp luật còn tồn tại ở nhiều nơi. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực còn vi phạm. Có lúc, có nơi, việc thực hiện dân chủ còn hạn chế hoặc mang tính hình thức; có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất*

đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến an ninh quốc tế, trật tự, an toàn xã hội”<sup>(1)</sup>.

Để đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân lao động, trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta xác định: *“Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền lợi và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để tất cả nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân”*<sup>(2)</sup>.

Để thực hiện chủ trương đó cần tiếp tục phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan dân cử trong việc thực hiện dân chủ; xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa chính quyền với nhân dân, làm cho mối quan hệ này trở nên gắn bó hơn. Nhân dân tin tưởng vào Nhà nước, Nhà nước dựa vào dân để hoàn thành trách nhiệm của mình.

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 168.

<sup>(2)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 169.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với những nội dung:

- + Chủ quyền Nhà nước thuộc về nhân dân.
- + Các cơ quan quyền lực Nhà nước được tổ chức và hoạt động công cộng và công khai.
- + Pháp luật mang tính dân chủ và nhân dân, phản ánh xu hướng tiến bộ của nhân loại.
- + Các cơ quan quyền lực Nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc: Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Đảng chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực của cán bộ đảng viên; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc phê bình và tự phê bình; kiên quyết đấu tranh chống lại những hành vi vi phạm dân chủ, đấu tranh đẩy lùi âm mưu của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, đấu tranh không khoan nhượng, loại bỏ những thành phần suy thoái ra khỏi Đảng.

Các tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho quyền lợi của nhân dân; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức chính trị - xã hội.

*Thứ ba, về trình độ thực thi quyền lực chính trị của nhân dân*

Trình độ lý luận chính trị của cán bộ và người dân từng bước được nâng lên, tuy nhiên, vẫn còn hạn chế; sự am hiểu pháp luật còn ít; chưa hiểu đầy đủ quyền và nghĩa vụ của công dân và của nhà nước.

Vấn đề đặt ra là cần quan tâm và có những biện pháp cụ thể để nâng cao dân trí, dân quyền, dân sinh cho từng người dân, nâng cao trình độ lý luận chính trị và kiến thức pháp luật cho từng người dân làm cho tính tích cực chính trị trở thành phổ biến trong đời sống xã hội của các tầng lớp nhân dân.

## CHƯƠNG 4

# CHỦ THỂ CỦA CHÍNH TRỊ

### I. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI CHỦ THỂ CỦA CHÍNH TRỊ

#### 1. Khái niệm chủ thể của chính trị

Chủ thể của chính trị không chỉ là một phạm trù cơ bản của khoa học chính trị, mà trong thực tế nó còn là một thực thể vô cùng quan trọng đối với đời sống chính trị. Bàn đến khái niệm chủ thể của chính trị, có rất nhiều quan niệm:

*Chủ thể của chính trị là tổng thể những tổ chức thực hiện quyền lực chính trị được xã hội chính thức thừa nhận.*

Khái niệm này nhấn mạnh đến chức năng chủ thể của chính trị là việc thực thi quyền lực chính trị. Tuy nhiên, khái niệm không lột tả hết nội hàm khái niệm chủ thể của chính trị, đồng thời không chỉ được mục tiêu và bản chất của quá trình hình thành các chủ thể của chính trị.

*Chủ thể của chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị trong xã hội bao gồm các đảng chính trị, nhà nước và các*

*tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức nhằm tác động vào các quá trình của đời sống xã hội, để củng cố, duy trì và phát triển chế độ đương thời phù hợp với lợi ích của chủ thể giai cấp cầm quyền.*

Khái niệm này đã có hướng liệt kê đúng đắn các yếu tố cấu thành chủ thể của chính trị, tuy nhiên chưa nêu được khía cạnh là thiết chế quyền lực của các chủ thể của chính trị.

Từ những khái niệm trên, chủ thể của chính trị được khái quát như sau: *Chủ thể của chính trị là cá nhân và tổ chức đóng vai trò chính trong tham gia các quan hệ và thực hiện hoạt động giành, giữ, thực thi quyền lực nhà nước.*

## **2. Phân loại chủ thể của chính trị**

### **a. Tổ chức chính trị**

*- Đảng chính trị*

Đảng là một tổ chức xã hội tự nguyện, tập hợp những người có những đặc điểm chung nhất định, tuân thủ theo những quy tắc nhất định, cùng thực hiện những nhiệm vụ nhất định nhằm thỏa mãn mục tiêu nào đó. Với ý nghĩa như vậy, đảng được hiểu là một tổ chức xã hội, một loại hình thiết chế xã hội và có thể được tổ chức ra vì bất cứ mục tiêu gì.

Khi một đảng có mục tiêu chính trị, tập hợp những người có chung một đặc điểm là cùng một giai cấp, cùng có mong muốn đấu tranh giành quyền lực chính trị, thì đảng đó là đảng chính trị.

Các đảng chính trị xuất hiện ngay từ những giai đoạn phát triển đầu tiên của xã hội có giai cấp, gắn liền với những sự khác nhau về lợi ích của các giai cấp và của các tập đoàn hợp thành giai cấp. Nhưng lịch sử thực sự của các Đảng chính trị chỉ bắt đầu từ thời kỳ Đại cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỷ XVIII). Trong xã hội hiện đại, tương ứng với cơ cấu giai cấp của nó, các Đảng chính trị có thể là đảng tư sản, đảng vô sản, đảng địa chủ, đảng nông dân, đảng tiểu tư sản... Có những đảng phản ánh lợi ích của một liên minh giai cấp (như đảng tư sản - địa chủ...). Đôi khi (ở các quốc gia nhiều dân tộc) các đảng có màu sắc dân tộc và đưa ra những mục tiêu dân tộc. Nhưng ngay cả trong trường hợp này thì cơ sở của các đảng đó vẫn là lợi ích giai cấp.

Đảng chính trị là một tổ chức xã hội tự nguyện, liên minh của những người cùng tư tưởng, theo đuổi những mục đích chính trị nhất định; cố gắng giành ảnh hưởng lãnh đạo đối với đời sống chính trị và tổ chức xã hội, ra sức giành và giữ chính quyền để thực hiện đường lối của mình. Là một bộ phận cấu thành của kiến trúc thượng tầng, đảng chính trị hành động bằng thuyết phục, truyền bá các quan điểm tư tưởng, bằng cách tập hợp những người cùng chí hướng. Đảng chính trị có những phương tiện vật chất như các cơ quan báo chí, thông tin và xuất bản. Đảng thu hút vào hàng ngũ của mình bộ phận tích cực nhất của giai cấp, chứ không bao giờ là toàn bộ giai cấp. Tùy theo giai cấp đóng vai trò như thế nào trong đời sống và trong sự phát triển

xã hội (vai trò cách mạng tiến bộ, bảo thủ, phản động) mà đảng của nó thể hiện vai trò đại diện cho lợi ích của giai cấp.

Đảng chính trị ngày nay thường có mục tiêu nhất định được thể hiện trong cương lĩnh hoặc tuyên ngôn có tính chất cương lĩnh, tiến hành một chính sách nhất định, có những nguyên tắc tổ chức nhất định và có một tổ chức nội bộ tương ứng với những nguyên tắc đó. Đảng Cộng sản Việt Nam là một Đảng chính trị, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

- *Nhà nước*

Nhà nước là một thiết chế quyền lực đặc biệt, là một công cụ do đảng chính trị và giai cấp thống trị lập ra nhằm duy trì sự thống trị và đảm bảo quyền lợi của giai cấp đó, đồng thời trấn áp giai cấp, tầng lớp khác.

Về hình thức, tùy vào từng quan hệ sản xuất xã hội khác nhau trong lịch sử mà tồn tại các kiểu và các hình thức nhà nước khác nhau. Ở xã hội chiếm hữu nô lệ, có bốn phương thức hình thành nhà nước gồm: Phương thức Aten, Phương thức Roma cổ đại, phương thức Giéc-manh và phương thức phương Đông cổ đại. Ở xã hội phong kiến, quyền lực tập trung mạnh mẽ vào một vị vua được gọi là "*thiên tử*". Do đó, vua là người đứng đầu nắm toàn bộ quyền hành điều khiển Nhà nước, tiếp đến là hệ thống quan lại, quý tộc từ trung ương đến địa phương. Sang chế độ tư bản chủ nghĩa

nhà nước được tổ chức theo học thuyết Tam quyền phân lập với nhiều hình thức khác nhau: Chính thể quân chủ lập hiến, chính thể cộng hòa tổng thống, chính thể cộng hòa đại nghị.

Đặc điểm chung của Nhà nước tư sản là sự phân chia quyền lực nhà nước thành các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Các quyền này độc lập, đối trọng, kiểm chế và kiểm soát lẫn nhau. Nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền tảng quyền lực Nhà nước là thống nhất thuộc về nhân dân, nhưng có sự phân chia với nhau trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhà nước có vai trò vô cùng quan trọng, là trụ cột của hệ thống chính trị. Thông qua các cơ chế quyền lực, Nhà nước quản lý toàn bộ các mặt của đời sống xã hội: Quyền lập pháp giúp Nhà nước ban hành pháp luật, quyền hành pháp giúp Nhà nước tổ chức và thực thi pháp luật, quản lý nền sản xuất, quản lý đời sống xã hội, quyền tư pháp giúp Nhà nước kiểm sát và xét xử các hành vi vi phạm pháp luật, chống lại chế độ kinh tế, chính trị của quốc gia, dân tộc. Hoạt động của Nhà nước chính là trung tâm của sự vận hành hệ thống chính trị.

*- Các tổ chức liên minh, liên kết, đại diện cho các lực lượng khác nhau trong xã hội*

Đó là các tổ chức đoàn kết toàn dân tộc, các tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích của các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội. Các tổ chức này góp phần tham gia vào hoạt động của hệ thống chính trị trong việc tạo ra khối đại đoàn kết

toàn dân tộc, bảo vệ lợi ích cho các giai tầng xã hội trước giai cấp thống trị.

Một mặt, các tổ chức này đóng vai trò lớn trong hệ thống chính trị, góp phần xây dựng và hoàn thiện hệ thống này; mặt khác, trong nhiều trường hợp chính các tổ chức này lại là nguyên nhân phá vỡ hệ thống chính trị hiện thời. Đó là khi một giai cấp tiến bộ trong lịch sử ra đời, có tổ chức tiên phong, đại diện xong chưa nắm được quyền lực chính trị.

Khi đó, thông qua con đường bạo lực cách mạng, nó sẽ lật đổ chính quyền của giai cấp thống trị lỗi thời, lạc hậu, cũng tức là đập đổ hệ thống chính trị hiện thời để xây dựng lên một hệ thống chính trị mới mang bản chất giai cấp của chính nó.

### ***b. Con người chính trị***

Có nhiều quan điểm về con người chính trị: Thời kỳ cổ đại, Aristotốt cho rằng con người là động vật chính trị, nhưng thực chất đó là những quan niệm về những con người làm việc trong bộ máy cai trị của nhà nước, là những người ưu tú trong xã hội, những người thông thái có đạo đức và phẩm hạnh, có trách nhiệm trong đời sống cộng đồng.

Trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông thì con người chính trị là những bậc đế vương, những người quân tử, còn những thần dân, tầng lớp tiểu dân thì là đối tượng bị cai trị.

Theo S. Ôguyxtanh và Tômát Đacanh thì con người chính trị là con người cầm quyền. Bốn phận của họ là phục vụ nhân dân, chỉ huy theo pháp luật, lấy đạo đức, lấy công bằng làm gốc, từ thiện làm ngọn. Thời kỳ phục hưng: trước hết đó là nhân dân - người vừa là quốc vương (thể hiện qua quyền bỏ phiếu), vừa là bề tôi (tuân thủ những pháp quan mà nhân dân bổ sung). Sau đó là các quan chức được bổ sung qua tuyển cử. Đó là những người có đức hạnh, có trí tuệ và tình yêu tổ quốc, đặt lợi ích công lên trên lợi ích riêng.

Chính trị tự do tư sản hiện đại có những bước tiến về chính trị, hành vi chính trị, nhưng những giá trị về nhân văn, tính hoàn chỉnh về quan niệm dường như bị thụt lùi so với thời kỳ cận đại. Về con người chính trị, đã tuyệt đối hóa vai trò của thủ lĩnh, của những người siêu việt, tuyệt đối hóa con người trí tuệ, con người cá nhân. Họ quan niệm con người chính trị chỉ là những nhà chính trị đảm nhận những chức vụ quan trọng trong đảng, nhà nước và đoàn thể.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã xuất phát từ con người xã hội, con người là chủ thể sáng tạo của lịch sử, trong xã hội có sự phân chia giai cấp thì hoạt động của mỗi người đều gắn với một giai cấp. Con người chính trị trước hết là con người giai cấp, bất cứ một nhà chính trị nào cũng là đại biểu của một giai cấp, một lực lượng, một dân tộc nhất định.

*Như vậy, con người chính trị là con người xã hội, con người giai cấp, có vị thế khác nhau trong hệ thống tổ chức*

*quyền lực xã hội, hoạt động của họ gắn liền với mục tiêu giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị của một giai cấp, một dân tộc, một lực lượng xã hội nhất định.*

## **II. ĐẶC ĐIỂM VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC CHỦ THỂ CỦA CHÍNH TRỊ**

### **1. Đặc điểm của các chủ thể của chính trị**

*- Những đặc điểm của đảng chính trị*

+ Thứ nhất, Đảng chính trị là đội quân tiên phong của một giai cấp. Điều này là hiển nhiên đúng, vì bất cứ một đảng chính trị nào lập ra cũng là được thành lập bởi một giai cấp, hoặc một liên minh giai cấp. Đảng đó mang bản chất của chính giai cấp sản sinh ra nó, và đến lượt mình đảng đó bảo vệ cho lợi ích của giai cấp mà nó được sinh ra.

+ Thứ hai, Đảng chính trị bao giờ cũng là công cụ thực hiện mục tiêu chính trị của một giai cấp. Điều đó có nghĩa, mục tiêu cao nhất của đảng chính trị luôn luôn là đấu tranh giành vị trí thống trị.

+ Thứ ba, Đảng chính trị bao giờ cũng cần và phải có một học thuyết làm nền tảng tư tưởng. Đó chính là hệ tư tưởng của giai cấp sản sinh ra đảng đó.

+ Thứ tư, Đảng chính trị là thiết chế quyền lực thuộc kiến trúc thượng tầng xã hội. Vì vậy, nó bị quyết định bởi cơ sở hạ tầng hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội đó. Tuy nhiên, trong chừng mực, đảng chính trị cũng có tác động

trở lại làm thay đổi quan hệ sản xuất xã hội theo hai hướng - tích cực và tiêu cực. Nhất là khi đảng chính trị với vị trí là đảng cầm quyền, nó sẽ có tác động to lớn tới cơ sở hạ tầng của một xã hội. Thậm chí có thể làm thay đổi nền sản xuất xã hội thông qua các cuộc cách mạng xã hội mà nó vận động quần chúng nhân dân thực hiện.

+ Thứ năm, Đảng chính trị luôn luôn có hệ thống tổ chức chặt chẽ thông qua Điều lệ, đồng thời đảng chính trị tác động tới quần chúng, tới xã hội thông qua con đường tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục. Đảng chính trị khi trở thành đảng cầm quyền cũng sử dụng các công cụ như Cương lĩnh chính trị, Nghị quyết, chỉ thị... để lãnh đạo và định hướng xã hội.

Ngoài ra, đảng chính trị còn mang bản chất của lịch sử và thời đại, thông qua sự vận dụng và phát triển tri thức tinh hoa của nhân loại về chính trị, nó áp dụng vào hoạt động thực tiễn của chính nó để hoàn bị mục tiêu và nhiệm vụ chính trị của mình.

*- Đặc điểm của nhà nước*

Bộ máy nhà nước được tổ chức thành hệ thống các cơ quan nhằm thực hiện các chức năng thống trị chính trị và chức năng công quyền. Bất kỳ một nhà nước nào cũng phải thành lập một hệ thống cơ quan nhà nước, tùy thuộc vào tính chất và nội dung nhiệm vụ mà các cơ quan nhà nước có hình thức và hoạt động khác nhau. So với các

tổ chức chính trị - xã hội khác, các cơ quan nhà nước có những đặc điểm chung sau:

+ Thay mặt nhà nước và nhân danh nhà nước để tiến hành các hoạt động trên nhiều lĩnh vực và ngành nghề khác nhau;

+ Các cơ quan nhà nước bao giờ cũng có quyền lực nhà nước, thể hiện trong việc ban hành các quy định trên cơ sở ý chí của nhà nước, thể hiện trong các văn bản pháp luật hiện hành;

+ Thực hiện hoạt động của mình trên cơ sở pháp luật và trong phạm vi thẩm quyền do luật định;

+ Các cơ quan nhà nước thực hiện sự quản lý đối với con người, tổ chức hoạt động vật chất và tinh thần cho con người.

*- Đặc điểm các tổ chức liên minh, liên kết, đại diện cho các lực lượng khác nhau trong xã hội (tổ chức chính trị - xã hội)*

+ Các đoàn thể nhân dân (tổ chức chính trị - xã hội) bao gồm các tổ chức mà hoạt động của chúng vừa mang tính chính trị, vừa mang tính xã hội.

Tùy theo điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở mỗi nước; các đoàn thể nhân dân có đặc điểm riêng về tổ chức và phương thức hoạt động. Thông thường các đoàn thể nhân dân không đặt ra mục tiêu giành hoặc tham gia chính quyền; mà thường vì lợi ích của các thành viên trong

tổ chức của mình tìm cách tác động, gây ảnh hưởng đối với chính quyền và đảng phái chính trị.

+ Ở các nước tư bản chủ nghĩa, trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị bên cạnh đảng cầm quyền, nhà nước, còn có các nhóm lợi ích chính trị:

- *Nhóm lợi ích chính trị* là tổ chức bao gồm nhiều thành viên của một xã hội có cùng quan điểm, cùng nhu cầu lợi ích chung liên kết với nhau theo một chế độ tự nguyện, hoạt động ảnh hưởng ở mức độ nhất định, phương thức nhất định tác động đến quyền lực nhà nước vì lợi ích, nhu cầu các thành viên của nhóm.

- Các nhóm lợi ích chính trị đấu tranh cho lợi ích của nhóm mình bằng cách tác động vào việc hoạch định chính sách của các đảng chính trị và của chính quyền. Đây là các nhóm của những người có cùng lợi ích liên kết với nhau nhằm gây ảnh hưởng tới các quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện quyết sách chính trị của đảng cầm quyền, việc thực thi pháp luật và các chính sách kinh tế xã hội của nhà nước. Các nhóm lợi ích chính trị, ở một khía cạnh nào đó có thể hiểu là các đoàn thể nhân dân (các tổ chức chính trị - xã hội).

Tuy nhiên, các đoàn thể nhân dân (các tổ chức chính trị xã hội) là các tổ chức nằm ngoài nhà nước; còn nhóm lợi ích chính trị thì có thể tồn tại ngay bên trong nhà nước. Các nhóm lợi ích chính trị là một loại thể chế chính trị (tổ chức)

không thể thiếu trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị ở các nước tư bản.

Về mặt lý thuyết, các nhóm lợi ích chính trị có vai trò trong việc đấu tranh để đảm bảo lợi ích của quần chúng; nhưng trên thực tế, nó cũng chỉ là thiết chế của tầng lớp thượng lưu và trung lưu có xu hướng thỏa hiệp với nhà nước vì lợi ích của giới thượng lưu và nội bộ giai cấp tư sản. Do đó, nó cũng chỉ là công cụ để giai cấp tư sản thực hiện quyền lực chính trị của mình.

- *Những đặc điểm của con người chính trị*

+ Con người chính trị là những người có ý thức về sứ mệnh chính trị, có tri thức, kinh nghiệm chính trị và nghệ thuật hoạt động chính trị.

Có tổ chất chính trị, trí tuệ chính trị, trực giác chính trị, ý thức về sứ mệnh chính trị.

Có kinh nghiệm chính trị

Có tài tổ chức và nghệ thuật chính trị

Có đạo đức văn hóa

Có quan hệ mật thiết với quần chúng và có sức truyền cảm chính trị trong quần chúng.

+ Những cán bộ lãnh đạo của giai cấp công nhân cũng có những đặc trưng của những người hoạt động chính trị nói chung nhưng cũng có những đặc thù riêng.

Là những người có tri thức văn hóa, những người tiên phong trong sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội phải là người đại diện cho văn hóa, khoa học tiên tiến, hiện đại.

Người cán bộ lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân phải đặt lợi ích của giai cấp, dân tộc, nhân loại lên trên lợi ích cá nhân mình, tiêu biểu cho lẽ phải, công bằng trong đời sống xã hội.

Có bản lĩnh chính trị, trung thành với Chủ nghĩa xã hội, có tài tổ chức thực tiễn.

Có kinh nghiệm chính trị, nghệ thuật trong hoạt động chính trị.

Trung thực với đồng chí, với nhân dân và với chính bản thân mình.

## **2. Mối quan hệ giữa các chủ thể của chính trị**

*- Mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền với Nhà nước*

+ Đảng chính trị là bộ phận tích cực nhất và có tổ chức của một giai cấp, làm công cụ đấu tranh cho lợi ích của giai cấp đó. Đảng chính trị là một tổ chức xã hội tự nguyện, liên minh của những người cùng tư tưởng, theo đuổi những mục đích chính trị nhất định; cố gắng giành ảnh hưởng lãnh đạo đối với đời sống chính trị và tổ chức xã hội, ra sức giành và giữ chính quyền để thực hiện đường lối của mình.

Về vai trò, Đảng chính trị là hạt nhân lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị. Thông qua các cương lĩnh, điều lệ,

chủ trương, nghị quyết... Đảng chính trị chỉ ra đường lối, phương hướng để Nhà nước và xã hội hướng tới. Đảng chính trị có ảnh hưởng rất lớn đối với đời sống chính trị, xã hội của một quốc gia một khi nó trở thành Đảng cầm quyền.

+ Mỗi quan hệ giữa Nhà nước với Đảng cầm quyền là mối quan hệ vừa mang tính phụ thuộc, vừa mang tính độc lập. Tính phụ thuộc được xác định bởi vai trò lãnh đạo và địa vị cầm quyền của Đảng. Đảng lãnh đạo Nhà nước, định hướng chính trị cho tổ chức và hoạt động của Nhà nước, kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước ở các cấp, các ngành. Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là sự lãnh đạo chính trị, được thực hiện bằng phương thức đã xác định trong Cương lĩnh của Đảng. Tính độc lập của Nhà nước trong mối quan hệ với Đảng được xác định bởi rất nhiều yếu tố.

*Một là*, Nhà nước không chỉ là tổ chức do Đảng sáng lập, là công cụ của Đảng, mà trong bản chất sâu xa, Nhà nước là một tổ chức công quyền, với ý nghĩa là một hình thức tổ chức quyền lực của nhân dân, do nhân dân tự tổ chức, hoạt động vì lợi ích của nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

*Hai là*, để lãnh đạo và quản lý, Đảng và Nhà nước đều phải có quyền lực. Quyền lực của Đảng và quyền lực Nhà nước tuy có mối quan hệ hữu cơ, đều bắt nguồn từ sự ủy quyền của nhân dân, nhưng là hai loại quyền lực khác nhau, được vận hành bởi những phương thức khác nhau.

Đảng thực hiện chức năng lãnh đạo chính trị bằng quyền lực chính trị theo phương thức được quy định trong Cương lĩnh và Điều lệ Đảng. Quyền lực nhà nước được quy định trong Hiến pháp và pháp luật do bộ máy nhà nước thực hiện trên cơ sở phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp.

+ Trong điều kiện của chế độ dân chủ và Nhà nước pháp quyền, toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị đều phải triệt để tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật. Do vậy, tổ chức và hoạt động của Đảng cũng phải trong khuôn khổ, tuân thủ và tôn trọng Hiến pháp và pháp luật liên thân Nhà nước thực hiện việc quản lý, điều hành đất nước bằng luật pháp cũng phải trong khuôn khổ của luật pháp quy định. Vì vậy, Đảng không thực hiện quyền lực nhà nước, không làm thay Nhà nước, không áp đặt nguyên tắc hoạt động của mình cho Nhà nước trái với những quy định của pháp luật. Phân biệt rõ vấn đề này sẽ góp phần đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, khắc phục tình trạng chòng chẹo chức năng, nhiệm vụ, lẫn lộn, bao biện làm thay, áp đặt, mất dân chủ, làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng và làm giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước như trong các nghị quyết, văn kiện của Đảng đã từng chỉ ra. Nguyên tắc tập trung dân chủ với tư cách là nguyên tắc cơ bản của quản lý nhà nước thể hiện ở các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước Trung ương và địa phương;

quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới; giữa thủ trưởng cơ quan, đơn vị với cán bộ, nhân viên; ở chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; ở chế độ ban hành các quy định của các cơ quan nhà nước; ở cơ chế kiểm tra, giám sát và xử lý các công việc trong bộ máy nhà nước; ở mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân... Nguyên tắc này cần được quán triệt trong việc xây dựng pháp luật, trong quy chế tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, đặc biệt là trong việc kết hợp sự lãnh đạo và điều hành tập trung thống nhất của Trung ương với phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo của địa phương, cơ sở, khắc phục cả hai khuynh hướng phân tán cục bộ và tập trung quan liêu đang diễn ra hiện nay.

***- Mối quan hệ giữa Nhà nước với Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội***

Về mối quan hệ giữa Nhà nước với Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân cần nhận thức rõ: đây là quan hệ giữa những tổ chức, bộ phận cấu thành hệ thống chính trị, cùng thực thi đường lối, chủ trương của Đảng, thi hành Hiến pháp, pháp luật bằng những phương thức khác nhau, đều là công cụ để đảm bảo quyền lực của nhân dân. Tuy nhiên, Nhà nước là tổ chức công quyền, được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thống nhất quyền lực; đồng thời có sự phân công, phối hợp trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ tuân theo Hiến pháp

và pháp luật. Nhà nước không phải là một thành viên của Mặt trận.

Quan hệ chính trị giữa Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội là quan hệ giữa các chủ thể ở cùng một cấp độ. Cùng tồn tại trong một hệ thống chính trị thống nhất, cùng chịu sự lãnh đạo của Đảng, nhưng các thiết chế chính trị này lại độc lập với nhau. Chúng khác nhau về nguồn gốc, bản chất, nhiệm vụ, chức năng và các hình thức, phương pháp hoạt động. Mỗi quan hệ giữa các chủ thể này phải là các mối quan hệ bình đẳng, không phải là mối quan hệ lãnh đạo và bị lãnh đạo. Trước đây, trong cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong một mức độ nào đó đã bị "*hành chính hóa*". Nhà nước chi phối cả về tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội thông qua việc cung cấp cán bộ, kinh phí, tạo mọi điều kiện để các tổ chức này hoạt động. Thực tế cho thấy, do hoạt động trong sự bao cấp tuyệt đối, sự quản lý "*toàn diện*" của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội trở nên thụ động, ỷ lại, giảm đi tính độc lập, sáng tạo của mình, trở thành cái "*bóng*" của Nhà nước, tính quần chúng bị hạn chế. Để khắc phục tình trạng này, đòi hỏi phải xác định rõ ràng về mặt luật pháp mối quan hệ bình đẳng giữa Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Mặt khác, Nhà nước phải đổi mới cơ chế phân bổ và quản lý ngân sách, công tác cán bộ đối với tất cả các tổ chức chính trị - xã hội, đảm bảo các tổ chức này có vị trí độc lập tương đối. Các tổ chức chính trị - xã hội cũng phải

vươn lên, đổi mới về tổ chức và hoạt động cho phù hợp với cơ chế mới, tăng cường tính tự chủ về các phương diện, trước hết là tự chủ đề tài chính và đội ngũ cán bộ. Về phần mình, Nhà nước thông qua việc ban hành các văn bản pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tạo ra các cơ sở và điều kiện pháp lý đảm bảo cho các tổ chức này thật sự là các tổ chức tự nguyện của quần chúng, hoạt động phục vụ lợi ích hợp pháp của quần chúng, thực hiện quyền dân chủ của nhân dân.

### **III. CHỦ THỂ CỦA CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

#### **1. Chủ thể của chính trị ở nước ta**

Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thể hiện bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, theo cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Đảng Cộng sản, với tư cách là đội tiên phong của giai cấp công nhân và đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc, có sứ mạng lãnh đạo toàn bộ xã hội thông qua nhà nước và các đoàn thể nhân dân; bộ máy nhà nước có chức năng quản lý mọi mặt đời sống xã hội; các đoàn thể nhân dân có chức năng tập hợp các giai cấp, tầng lớp xã hội tham gia việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Cũng giống như các chủ thể của chính trị nói chung, chủ thể của chính trị nước ta được kết cấu từ các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội khác nhau, gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các đoàn thể quần chúng là thành viên của Mặt trận. Mỗi tổ chức có vị trí, vai trò khác nhau do chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, nhưng cùng tác động vào các quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo quyền lực của nhân dân

## **2. Vai trò của các chủ thể của chính trị ở nước ta**

***a. Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành với lợi ích giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc***

Đảng là một bộ phận của hệ thống chính trị nhưng lại là hạt nhân lãnh đạo của toàn bộ hệ thống chính trị. Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện trên những nội dung chủ yếu sau:

Đảng đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối, chiến lược, những quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời Đảng là người lãnh đạo và tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo xã hội chủ yếu thông qua Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng được Nhà nước tiếp nhận, thể chế hóa cụ thể bằng pháp luật và những chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình cụ thể. Vì vậy, Đảng luôn quan tâm đến việc xây dựng Nhà nước và bộ máy của Nhà nước, đồng thời kiểm tra việc Nhà nước thực hiện các Nghị quyết của Đảng.

Đảng lãnh đạo xã hội thông qua hệ thống tổ chức Đảng các cấp và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Đảng lãnh đạo

công tác cán bộ bằng việc xác định đường lối, chính sách cán bộ, lựa chọn, bố trí, giới thiệu cán bộ có đủ tiêu chuẩn vào các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng và các tổ chức chính trị - xã hội. Ngoài ra, Đảng lãnh đạo bằng phương pháp giáo dục, thuyết phục và nêu gương, làm công tác vận động quần chúng, lãnh đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ...

### ***b. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị ở nước ta, là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân để quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội. Đó chính là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Mặt khác, Nhà nước chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Đảng lãnh đạo Nhà nước thực hiện và đảm bảo đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Như vậy, Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là cơ quan quyền lực, vừa là bộ máy chính trị, hành chính, vừa là tổ chức quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân.

Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc thực hiện các lập hiến, lập pháp, hành chính, kiểm sát và xét xử.

Quốc hội là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội do nhân dân trực tiếp

bầu ra, Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập ra Hiến pháp và Pháp luật (lập hiến và lập pháp). Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội, đối ngoại, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Nhà nước. Chính phủ là cơ quan chấp hành, chịu trách nhiệm trước Quốc hội và phải báo cáo công tác với Quốc hội.

Cơ quan kiểm sát và xét xử gồm: Tòa án, Viện kiểm sát và các cơ quan điều tra. Đây là những cơ quan được lập ra trong hệ thống tổ chức Nhà nước để xử lý những tổ chức và cá nhân vi phạm pháp luật, đảm bảo việc thực thi pháp luật một cách nghiêm minh, chính xác. Tòa án các cấp là cơ quan nhân danh Nhà nước, thể hiện thái độ và ý chí của Nhà nước trước các vụ án thông qua hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền áp dụng chế tài hình sự, không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Để đảm bảo pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh, đảm bảo việc xét xử đúng người đúng tội,

Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức thành hệ thống, tập trung thống nhất và độc lập thực hiện thẩm quyền của mình đối với các cơ quan khác của Nhà nước. Thực hiện các quyền khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra, truy tố... Nhà nước thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân. Vì vậy, cần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

***c. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội***

Đây là những tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp được tổ chức để tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản đại diện cho lợi ích của nhân dân, tham gia vào hệ thống chính trị, tùy theo tính chất, tôn chỉ, mục đích của mình nhằm bảo vệ quyền lợi dân chủ của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ đất nước; phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của các hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí và nguyện vọng; phát huy khả năng tham gia bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân; tuyên truyền vận động

nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; thực hiện giám sát của nhân dân với cán bộ, công chức và giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Các tổ chức chính trị - xã hội của nhân dân có nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng, động viên và phát huy tính tích cực xã hội của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị; chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của nhân dân; tham gia vào công việc quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, giữ vững và tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, góp phần thực hiện và thúc đẩy quá trình dân chủ hóa và đổi mới xã hội, thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Hệ thống chính trị ở nước ta được tổ chức theo một hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Cơ sở phân cấp theo quản lý hành chính gồm có xã, phường, thị trấn. Hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm: Tổ chức cơ sở Đảng, Hội đồng nhân dân xã, phường; Ủy ban nhân dân xã, phường; Mặt trận Tổ quốc xã, phường và các tổ chức chính trị - xã hội khác như: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã, phường, thị trấn...

Tất cả các tổ chức trên đều có vị trí, vai trò và nhiệm vụ được quy định trong Luật Tổ chức của hệ thống chính trị ở nước ta. Hệ thống chính trị ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước,

tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư.

### **3. Những vấn đề đặt ra để hoàn thiện các chủ thể của chính trị Việt Nam**

*- Một là, xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị*

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng đã xác định rõ bản chất của Đảng: *“Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”.*

Về vị trí, vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị, Cương lĩnh chỉ rõ: *“Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”.* Điều đó là cơ sở của sự gắn bó giữa xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị.

Đảng ta đã chỉ rõ các chủ trương, giải pháp giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và

toàn xã hội, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong xã hội; làm cho nước ta phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tiến hành đồng bộ với đổi mới các mặt của công tác xây dựng Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội, đẩy nhanh phân cấp, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là cá nhân người đứng đầu.

*- Hai là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

Chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là sự khẳng định và thừa nhận nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử. Nó không phải là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản mà là sản phẩm phát triển của loài người, của nền văn minh nhân loại. Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo năm đặc điểm sau đây:

- Đó là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do một đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận.

Để xây dựng nhà nước pháp quyền cần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật; xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

- *Ba là, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị.* Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích

hợp pháp của nhân dân, đề xuất các chủ trương, chính sách về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng...

Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Thanh niên, Luật Công đoàn..., quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị; thực hiện *“dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”* và dân thụ hưởng những thành quả của sự nghiệp đổi mới.

Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội khắc phục tình trạng hành chính hóa, nhà nước hóa, phô trương, hình thức để nâng cao chất lượng hoạt động, làm tốt công tác dân vận theo phong cách *“trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”*, *“nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”*.

## CHƯƠNG 5

# CÁC NHÂN TỐ CHỦ QUAN TRONG CHÍNH TRỊ

### I. NHẬN DIỆN CÁC NHÂN TỐ CHỦ QUAN TRONG CHÍNH TRỊ

#### 1. Quan niệm của các nhà tư tưởng phương Tây về các nhân tố chủ quan trong chính trị

Vai trò của chủ thể chính trị, ngay từ thời cổ đại đã được các nhà tư tưởng chính trị phương Tây đề cao. Họ đã quan tâm nghiên cứu và đặt ra những yêu cầu cơ bản đối với chủ thể chính trị. Mặc dù có khác biệt về văn hóa, lịch sử cũng như không gian, thời gian, song các nhà tư tưởng chính trị phương Tây tiêu biểu đều có những quan niệm tương đối giống nhau về những nhân tố chủ quan, những chuẩn mực cơ bản của chủ thể chính trị. Khái quát nhất là những tiêu chí về đạo đức phẩm hạnh, trí tuệ và sức khỏe. Đó là những đòi hỏi quan trọng để chủ thể chính trị có thể phát huy và khơi dậy sức mạnh cộng đồng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được trao.

Các nhà tư tưởng chính trị phương Tây đều đánh giá cao phẩm chất đạo đức của chủ thể chính trị. Đạo đức của chủ thể chính trị thể hiện ở sự trung thực, sẵn sàng hy sinh vì lợi ích chung, có bản lĩnh vững vàng. Platôn (428-347 trước Công nguyên) cho rằng, chủ thể chính trị phải là người có phẩm chất đạo đức trong sạch, có lý trí, biết kiềm chế, ôn hòa. Người lãnh đạo muốn giành được quyền lực thì phải đại diện cho lợi ích và mục tiêu của số đông thì mới được số đông bảo vệ chống lại những kẻ thù còn lại.

Đối với Xenôphan (khoảng 570 - 475 trước Công nguyên, nhà triết học, thần học, nhà thơ, nhà phê bình tôn giáo và xã hội Hy Lạp), chủ thể chính trị phải là người biết hy sinh vì lợi ích chung. Chủ thể chính trị phải biết hy sinh lợi ích của mình vì mọi người, không ích kỷ, tư lợi cá nhân. Trong khi đó, Xixêrôn (106 - 43 trước Công nguyên, triết gia La Mã theo chủ nghĩa chiết trung) coi đạo đức là sự hướng thiện, luôn tránh làm điều ác, hoạt động vì lợi ích chung, chịu đựng nguy hiểm và chấp nhận rủi ro.

Nhà thần học thời trung cổ, S. Ôguyxtanh (357 - 430) lại đề cao bản lĩnh của chủ thể chính trị. Đó là tính quyết đoán vì lợi ích chung, không chạy theo tính kiêu ngạo và hám quyền, phải thấy trước và đề phòng những thói hư tật xấu, biết xa lánh đồng thời bắt mọi người xa lánh việc ăn chơi xa xỉ, biết điều độ và biết giới hạn khát vọng, không sống buông trôi hay để nhân dân buông trôi theo lạc thú bởi đó là nguyên nhân dẫn đến thoái hóa, làm đổ vỡ nhà nước.

Các nhà tư tưởng thời kỳ Khai sáng cũng bàn đến phẩm chất của chủ thể chính trị. Theo J. Rút-xô (1712 - 1778), con người, đặc biệt là người thủ lĩnh cần phải biết hy sinh lợi ích riêng, đặt mong muốn cá nhân dưới nguyện vọng của tập thể, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân.

S. L. Môngtexkiơ (1689 - 1755) coi đạo đức là vấn đề rất quan trọng. Ông còn ủng hộ và cho rằng phụ nữ cầm quyền có khi còn tốt hơn nam giới cầm quyền, bởi ông nhìn thấy ở phụ nữ đức tính dịu dàng và mức độ vừa phải khiến cho việc cai trị tốt hơn so với đàn ông với tính cứng rắn và hung bạo.

Cùng với phẩm chất đạo đức, các nhà tư tưởng chính trị phương Tây cũng đặt ra những yêu cầu về phẩm chất năng lực, khả năng chỉ huy, học vấn của chủ thể chính trị. Chủ thể chính trị theo Xê-nôphan là người biết chỉ huy, người có khả năng cao hơn, giỏi kỹ thuật, giỏi thuyết phục. Platôn tin tưởng rằng phẩm chất hàng đầu của con người là tri thức, ông cho rằng chỉ khi các nhà triết học thông thái nắm quyền cai trị thì các vấn đề của thế giới mới được giải quyết. Đó là những người được giáo dục và đào tạo toàn diện, nắm được khoa học chính trị, thông thái, có học vấn uyên bác, nắm vững lý thuyết và có kinh nghiệm thực tiễn. Platôn ví người cai trị là người “lái tàu thực sự”, được trang bị đầy đủ tri thức và kỹ năng cần thiết để vận hành tốt con tàu, xứng đáng có quyền cai trị một cách chính thống.

Xixêrôn rất coi trọng tri thức khoa học chính trị của người lãnh đạo. Tri thức đó có được nhờ sự rèn luyện trong hoạt động chính trị và nghiên cứu các vấn đề gây tranh cãi. Người lãnh đạo phải thông thái, có khả năng giao tiếp. Đối với S. L. Môngtexkiơ, người cai trị phải là những người ưu tú, có đủ năng lực, có tài mới có thể tham gia vào quản lý nhà nước. Những người này có thể được lựa chọn thông qua bầu cử, ứng cử.

Trong tư tưởng của J. Rút-xô, người cầm quyền do nhân dân bầu ra phải là người có đức, có tài, nắm vững pháp luật và cai trị bằng pháp luật, ông cho rằng khi những nhà thông thái nhất cai trị số đông thì trật tự sẽ tốt hơn và tự nhiên hơn. Muốn vậy, con người cần phải có tri thức, cần có sự hiểu biết về xã hội. Và muốn có được một hệ thống tri thức tốt, con người cần phải được giáo dục về quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân.

Mặc dù có sự khác nhau về văn hóa, cách thức tư duy nhưng tựu chung lại tư tưởng chính trị phương Đông và phương Tây về người cai trị, lãnh đạo chính trị đều đề cập đến những phẩm chất tốt đẹp cần phải có của con người chính trị về đạo đức, năng lực, tri thức... Mặc dù những tư tưởng đó thuộc về những thể chế chính trị khác nhau trong lịch sử, có những hạn chế nhất định bởi những con người chính trị đó đại diện cho giai cấp thống trị trong xã hội, cai trị xã hội theo trật tự có lợi cho họ, hoạt động vì mục tiêu, lợi ích của họ, song nhìn chung yêu cầu đặt ra đối với mẫu

hình người cai trị đều là có đạo đức, có trí tuệ, thông thái, có khả năng tổ chức... Nghiên cứu một cách khách quan những tư tưởng trên sẽ góp phần quan trọng cho việc xây dựng chủ thể chính trị của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

## **2. Quan niệm của các nhà tư tưởng phương Đông về các nhân tố chủ quan trong chính trị**

Trong lịch sử, người lãnh đạo chính trị thường được đề cập đến như là chủ thể chính trị. Các nhà tư tưởng chính trị phương Đông mà tiêu biểu là các nhà tư tưởng chính trị của Trung Quốc cổ đại đã đưa ra một số học thuyết về chính trị xã hội rất có giá trị, chủ yếu đề cập đến thuật cai trị xã hội và người cầm quyền. Các nhà tư tưởng Trung Quốc cổ đại coi người cai trị như ngôi sao Bắc đẩu tỏa sáng cho các ngôi sao khác hướng theo, tạo ra một xã hội thái bình thịnh trị, hoặc đưa ra nhiều điểm tiến bộ về đức và tài của người cai trị.

Học thuyết Nho giáo của Khổng Tử (551-479 trước Công nguyên) đề cao phẩm chất đạo đức của người cai trị, coi đạo đức là cái gốc. Người cai trị phải là người giữ được nhân, lễ, chính danh, là bậc chính nhân quân tử. Người cai trị có đạo đức thì sẽ trở nên công bằng, độ lượng và có trách nhiệm. Họ thương dân, được dân tin, biết chăm lo giáo dục dân, thành tâm hướng dẫn cho dân tham gia vào việc nước.

Học thuyết vô vi của Lão Tử cũng rất coi trọng đạo đức của người cai trị. Lão Tử cho rằng, vua phải phục vụ dân,

hy sinh cho dân: *“Người nào coi trọng sự hy sinh mình cho thiên hạ thì có thể giao thiên hạ cho người đó. Người nào vui vẻ đem thân mình phục vụ thiên hạ thì có thể gởi thiên hạ cho người đó”*<sup>(1)</sup>. Ông cho rằng vua chúa biết theo *“đạo”* trị dân là thánh nhân. Nếu thánh nhân biết vì dân thì khi ấy *“đặt thân mình sau mà thân lại được ở trước, đặt thân mình ra ngoài mà thân mới còn được”*<sup>(2)</sup>. Bậc làm vua phải vô tư, coi ai cũng như ai. *“Thánh nhân không có thành kiến, lấy lòng thiên hạ làm lòng mình, tốt với người tốt, tốt cả với người không tốt; tin người đáng tin mà tin cả người không đáng tin”*<sup>(3)</sup>. Khi dùng người thì không bỏ ai, ở trong thiên hạ thì vô tư vô dục, trị thiên hạ thì để lòng mình hồn nhiên. Vua chúa phải có đức khiêm hạ; có công lớn không được khoe tài, cậy công, kiêu căng, tự phụ. Càng cao sang, càng phải khiêm hạ. *“Thánh nhân nuôi dưỡng vạn vật mà không chiếm làm của mình, làm mà không cậy khéo, việc thành mà không quan tâm tới, không biểu hiện “đức” của mình ra”*<sup>(4)</sup>.

Mặc Tử (479-381 trước Công nguyên) cũng có nhiều tư tưởng tiến bộ về người cai trị. Học thuyết của ông cho rằng, người cai trị phải là người biết vui với lợi ích của thiên hạ, trừ họa cho thiên hạ. ông đề cao thuyết *“thượng hiền”*, tức là trọng dụng người hiền tài. Người hiền là người biết

<sup>(1)</sup> Nguyễn Hiến Lê (1998), *Lão Tử - Đạo đức kinh*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, tr. 138.

<sup>(2)</sup> Nguyễn Hiến Lê (1998), *Lão Tử - Đạo đức kinh*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, tr. 174.

<sup>(3)</sup> Nguyễn Hiến Lê (1998), *Lão Tử - Đạo đức kinh*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, tr. 235.

<sup>(4)</sup> Nguyễn Hiến Lê (1998), *Lão Tử - Đạo đức kinh*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, tr. 166.

hiếu thuận với cha mẹ, ra ngoài thì đối xử tốt đẹp, tôn trọng người xung quanh; cư xử có phép tắc, ra vào có tiết độ.

Bên cạnh phẩm chất đạo đức, các nhà tư tưởng chính trị Trung Quốc cũng rất coi trọng năng lực của người cai trị. Phẩm chất năng lực thể hiện trí tuệ, tài năng, sự thông tuệ về mọi mặt của người cai trị. Khổng Tử cũng đặc biệt đề cao tài của kẻ trị dân. Tài của người cai trị giúp họ làm những việc sáng suốt và biết tu dưỡng đức nhân một cách tốt nhất. Người làm quan phải biết tu dưỡng phấn đấu có đủ Trí, Nhân, Trung, Nghĩa, Tín thì mới thực hiện được sứ mạng Trời giao phó là cai trị dân.

Theo Hàn Phi Tử (280-233 trước Công nguyên), người cai trị có trí và hoạt động theo cái trí đó. Người cai trị phải có tinh thần thượng tôn pháp luật. Vua phải dùng phép nước chứ không được theo ý mình. Vua dùng phép nghiêm minh thì bề tôi không thể lấn át được. Muốn cai trị giỏi thì vua phải áp dụng đúng lý thuyết pháp trị. Theo Hàn Phi, bậc minh quân khiến pháp luật chọn người chứ không tự mình tiến cử, khiến pháp luật đo lường công lao chứ không tự mình tính toán. Người cai trị phải biết dẹp bỏ riêng tư, tôn trọng sự công bằng; biết suy xét, biết dùng bề tôi, biết thuyết phục và lắng nghe. Bậc vua chúa cần nói năng cẩn thận, làm việc thận trọng, lấy tĩnh để khống chế động, lựa người để giao cho chức vụ thích hợp, tùy theo công việc mà thưởng phạt cho đúng pháp luật.

Trong quan niệm của Lão Tử, vua chúa biết theo “đạo” trị dân là thánh nhân. Bậc thánh nhân chỉ cần thỏa mãn nhu cầu tự nhiên của dân, lo cho dân đủ ăn, khỏe mạnh, thuần phác, không ham muốn (vô dục). Theo chính sách “vô vi” thì mọi việc đều trị. Bậc thánh nhân khi “không dám ở trên thiên hạ” mà nên ở dưới thiên hạ, ở chỗ thấp nhất trong thiên hạ để chịu mọi cái ô nhục, mọi tai họa, mới là khéo chỉ huy người. Lão Tử cho rằng, ông vua nào khiêm hạ, né mình tới mức dân không biết có vua, quên hẳn công của vua đi, nhờ vua mà hưởng được an lạc dẫu cứ tưởng là tự nhiên mình được. Đó mới chính là ông vua lý tưởng: “Bậc trị dân giỏi nhất thì dân không biết là có vua, thấp hơn một bậc thì dân yêu quý và khen, thấp hơn nữa thì dân sợ, thấp nhất thì bị dân khinh lờn”<sup>(1)</sup>. Lão Tử cho rằng, vua Nghiêu, vua Thuấn chỉ là hạng nhì, các vua giỏi dùng pháp thuật của Pháp gia đứng hạng ba, còn bọn hôn quân ở hạng cuối. Theo Lão Tử, người khéo dùng đạo trị nước thì không dùng mưu trí nhiều vì như vậy sẽ làm cho dân khôn lanh cơ xảo. Không dùng mưu trí thì dân sẽ đôn hậu, chất phác, dễ cai trị. Đó là cái phúc cho nước. Theo Lão Tử, “thánh nhân xử sự theo thái độ “vô vi”, dùng thuật không nói mà dạy dỗ dân”. Dạy dỗ bằng cách không nói để cho vạn vật sinh trưởng mà không can thiệp vào.

---

<sup>(1)</sup> Giang Ninh, *Mặc Tử - Ông tổ của đức kiên nhẫn*, (Lê Văn Sơn dịch), Nxb. Đồng Nai, 1995, tr. 153.

Tư tưởng của Mặc Tử trong trị nước là phải chú trọng người hiền tài. Mặc Tử đề cao thuyết “*thượng hiền*”, tức là trọng dụng người hiền tài. Theo ông, việc trị nước mà không chú trọng người hiền tài mà chú trọng những kẻ họ hàng thân thích, vây cánh thế lực, có bộ mặt dễ yêu, dễ sai khiến ắt sẽ làm cho nước nghèo, dân khổ, xã hội loạn lạc, vì những kẻ cốt nhục, phú quý, mặt mũi dễ coi đâu có phải là kẻ thông minh, tài đức đâu. Các đấng vương công, đại phu vì yêu cái vẻ của họ mà lấy làm yêu cái của mình. Thế nên kẻ không trị nổi trăm người thì khiến ở chức quan cai trị cả ngàn người, kẻ không trị nổi ngàn người thì khiến ở chức quan cai trị cả muôn người. Chế độ cai trị theo huyết thống, không trọng dụng người hiền tài, theo Mặc Tử, còn mang lại nhiều tai họa sâu xa khác cho xã hội mà người ta không thể lường trước được. Ông cho rằng không có mệnh làm vua cha truyền con nối, cũng không có mệnh làm nô lệ, tôi tớ mãi, hay con nhà nông cứ làm nông, con nhà thương cứ làm thương mãi. Người hiền, tài đều có thể đứng ra cáng đáng việc nước, không phân biệt sang hèn, thứ bậc.

### **3. Các nhân tố chủ quan trong chính trị hiện nay**

Có thể khái quát về các nhân tố chủ quan của chủ thể chính trị hiện nay thành 5 nhóm cơ bản sau:

*Thứ nhất, về trình độ hiểu biết:* chủ thể chính trị nhất thiết phải là người thông minh, hiểu biết sâu rộng các lĩnh vực; có tư duy khoa học; nắm vững được quy luật phát triển theo hướng vận động của quá trình chính trị; có khả năng

dự đoán được tình hình; làm chủ được khoa học và công nghệ lãnh đạo, quản lý.

*Thứ hai, về phẩm chất chính trị:* chủ thể chính trị phải là người giác ngộ lợi ích giai cấp; đại diện tiêu biểu cho lợi ích giai cấp; trung thành với mục tiêu lý tưởng đã chọn; dũng cảm đấu tranh bảo vệ lợi ích giai cấp, có bản lĩnh chính trị vững vàng trước những diễn biến phức tạp của lịch sử.

*Thứ ba, về năng lực tổ chức:* chủ thể chính trị là người có khả năng về công tác tổ chức, nghĩa là biết đề ra mục tiêu đúng; phân công nhiệm vụ đúng chức năng cho cấp dưới và cho từng người; biết tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị; có khả năng động viên, cổ vũ, khích lệ mọi người hoạt động; có khả năng kiểm soát, kiểm tra công việc.

*Thứ tư, về đạo đức, tác phong:* chủ thể chính trị phải là người có tính trung thực, công bằng, không tham lam, vụ lợi; cởi mở và cương quyết; có lối sống giản dị; có khả năng giao tiếp và có quan hệ tốt với mọi người; biết lắng nghe ý kiến của người khác; có lòng tin vào chính bản thân mình; có khả năng tự kiểm tra bản thân, khả năng giữ gìn và bảo vệ ý kiến của mình; có lòng say mê công việc và lòng tin vào cấp dưới.

*Thứ năm, về khả năng làm việc:* có sức khỏe tốt, khả năng làm việc với cường độ cao, có khả năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, những lúc phong trào, tổ chức lâm vào khó khăn, chủ thể chính trị có thể đưa ra được những quyết định sáng suốt; nhạy cảm và năng động; biết cảm nhận cái mới và đấu tranh vì cái mới.

## II. ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC NHÂN TỐ CHỦ QUAN TRONG CHÍNH TRỊ

### 1. Đặc điểm của các nhân tố chủ quan trong chính trị

#### a. Tính giai cấp

Tính giai cấp của các nhân tố chủ quan trong chính trị thể hiện ở chỗ, mỗi chủ thể chính trị, mỗi một giai cấp, tầng lớp sẽ xây dựng cho mình một đường lối chính trị quản lý xã hội phù hợp. Trong đó, cốt lõi là hệ tư tưởng chính trị của giai cấp. Từ hệ tư tưởng chính trị, nền tảng pháp lý, quan điểm chính trị, thế giới quan cũng được xây dựng sao cho phù hợp với lợi ích của chủ thể chính trị, của giai cấp, của xã hội.

Trong lịch sử loài người, ứng với mỗi giai cấp thống trị xã hội, mỗi chủ thể chính trị sẽ có những nhân tố chủ quan chính trị không giống nhau. Trong chính trị phong kiến thể hiện ở tư tưởng vua là tối cao, quyền lực tuyệt đối. Các thiết chế, rường cột của xã hội là đạo Nho với tam cương, ngũ thường, tam tông, tứ đức. Các nhân tố chủ quan chính trị tư sản, một sản phẩm của quá trình phát triển lịch sử nhân loại, do bị chi phối bởi hệ tư tưởng tư sản nên không tránh khỏi bản chất của tư tưởng nô dịch, thực dân đế quốc, để củng cố, duy trì sự thống trị của giai cấp tư sản và chế độ sở hữu tư nhân. Các nhân tố chủ quan chính trị vô sản, một mặt khẳng định hệ tư tưởng, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản là bộ phận cốt lõi, mặt khác cũng thừa nhận

quy luật giao lưu, tiếp thu những tinh hoa nhân loại để làm giàu thêm và hoàn thiện không ngừng.

Trong khi khẳng định tính giai cấp, cần nhấn mạnh thêm rằng, các nhân tố chủ quan trong chính trị cũng có cái chung, cái phổ biến của toàn dân tộc và nhân loại. Đối với các chủ thể chính trị của giai cấp công nhân, việc phát hiện và kế thừa những giá trị chung của nhân loại là điều kiện quan trọng để phát triển giá trị của nền chính trị vô sản. V. I. Lênin đã từng lưu ý rằng, người cộng sản chỉ có thể làm giàu tri thức của mình bằng việc tiếp thu tất cả những giá trị văn hóa của nhân loại. Ph. Ăngghen cũng nhấn mạnh rằng, chỉ giai cấp công nhân mới là người kế thừa thật sự những giá trị phổ biến của thời đại và nhân loại.

### ***b. Tính lịch sử***

Tính lịch sử của các nhân tố chủ quan trong chính trị thể hiện sự gắn bó chặt chẽ với một giai cấp, một chủ thể và với một thời kỳ lịch sử xác định. Trải qua quá trình phát triển của lịch sử, các chủ thể chính trị thay đổi, các nhân tố chủ quan trong chính trị cũng có những biến đổi cho phù hợp với điều kiện lịch sử ở từng giai đoạn nhất định. Tuy nhiên, trong từng dấu mốc lịch sử ta có thể chỉ ra những lát cắt, những phẩm chất chủ đạo hướng đến các giá trị tốt đẹp của nhân loại của các nhân tố chủ quan trong chính trị xác định.

Các nhân tố chủ quan trong chính trị luôn bị quy định, tác động bởi một loạt các yếu tố chủ quan và khách quan;

mà các yếu tố đó lại thường xuyên vận động và biến đổi; do vậy, các nhân tố chủ quan của mỗi chủ thể chính trị, của mỗi con người chính trị và mỗi giai cấp luôn có sự thay đổi tùy theo điều kiện lịch sử cụ thể.

Hơn nữa, ở các nền chính trị khác nhau, hệ tư tưởng, văn hóa chính trị của giai cấp nắm quyền lực nhà nước bao giờ cũng là đặc trưng cho nền chính trị đó. Bản thân sự tồn tại của mỗi nền chính trị nhất định luôn luôn biến đổi, thay thế nối tiếp nhau trong lịch sử. Sự thay thế đó dẫn đến sự thay đổi của các yếu tố bên trong của chủ thể chính trị. Với ý nghĩa ấy, chủ thể chính trị, lịch sử chính trị của loài người đã và đang trải qua các nền chính trị đặc trưng của giai cấp chủ nô quý tộc, của giai cấp địa chủ phong kiến, của giai cấp tư sản và của giai cấp vô sản.

### ***c. Tính kế thừa***

Tính kế thừa của các nhân tố chủ quan trong chính trị biểu hiện ở chỗ: thứ nhất, các chế độ chính trị, các chủ thể chính trị ra đời sau sẽ nối tiếp những giá trị tiến bộ của các chế độ chính trị, các chủ thể chính trị ra đời trước; thứ hai, sự kế thừa không phải và không bao giờ là nguyên thủy, mà có sự chọn lọc phù hợp với điều kiện chính trị, xã hội đương đại, phù hợp với chuẩn mực đạo đức của cộng đồng, dân tộc, quốc gia và quốc tế.

### ***d. Tính đa dạng***

Tính đa dạng của các nhân tố chủ quan trong chính trị thể hiện ở chính sự đa dạng về chủ thể chính trị, đa dạng về

giai cấp thống trị, đa dạng về các hình thái kinh tế - xã hội, đa dạng về chế độ chính trị, hình thức nhà nước và đa dạng cả về các giá trị, chuẩn mực, các quy định...

Các nhân tố chủ quan của chủ thể chính trị ngoài việc bị chi phối bởi hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền; còn chịu sự chi phối, tác động bởi các nhân tố kinh tế, lịch sử, văn hóa, tâm lý, truyền thống, tập quán, tín ngưỡng trong xã hội. Vì thế, mỗi nền chính trị cũng biểu hiện sự phong phú ở các loại hình chính trị tương ứng với từng giai tầng xã hội, từng chủ thể chính trị khác nhau. Đó là chưa kể đến sự khác biệt về trình độ và hình thức biểu hiện của những cá nhân chủ thể do có sự khác nhau về lý tưởng, niềm tin, đặc điểm nghề nghiệp, về nhu cầu và lợi ích, về môi trường và phạm vi hoạt động... Tất cả những điều đó đã làm nên sự đa dạng của các nhân tố chủ quan trong chính trị.

## **2. Vai trò của các nhân tố chủ quan trong chính trị**

Vai trò cơ bản và bao trùm của các nhân tố chủ quan trong chính trị là khoa học hóa, nhân đạo hóa và thẩm mỹ hóa toàn bộ hoạt động chính trị của chủ thể; là nhân tố cực kỳ quan trọng trong việc tích cực hóa các hoạt động chính trị của chủ thể; được thể hiện ở những phương diện khác nhau. Có thể khái quát ở các vai trò cơ bản sau đây:

*- Định hướng, chi phối hoạt động của chủ thể chính trị*

Các nhân tố chủ quan trong chính trị là điều kiện tiên quyết để chủ thể nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn lợi ích

và quyền lực của giai cấp và dân tộc, nhận thức sâu sắc quy luật, giá trị chính trị để vận dụng vào thực tiễn. Tạo ra tiền đề để nhận thức đúng đắn và đầy đủ các vấn đề chính trị cần giải quyết. Từ đó, hình thành động lực trực tiếp cho hành động chính trị của chủ thể chính trị.

Các nhân tố chủ quan trong chính trị hướng chủ thể chính trị lựa chọn con đường và phương thức chính trị; xác định đối tượng, lực lượng tập hợp và lựa chọn phương pháp, thủ thuật, công cụ... hoạt động chính trị. Các nhân tố chủ quan trong chính trị góp phần điều chỉnh các mối quan hệ giữa các chủ thể chính trị, các lĩnh vực chính trị, các loại hoạt động chính trị... một cách nhân văn và khoa học.

Sự thấm thấu các nhân tố chủ quan trong chính trị ở từng cá nhân là điều kiện tiên quyết để hình thành và phát triển bản lĩnh chính trị: phẩm hạnh, năng lực và nghệ thuật chính trị. Tích lũy được các nhân tố chủ quan trong chính trị cao, chủ thể sẽ thúc đẩy sự phát triển những phẩm chất cá nhân, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Từ đó, các nhân tố chủ quan trong chính trị là nhân tố nội sinh một nhân cách chính trị nhân văn.

*- Nâng cao chất lượng lãnh đạo và quản lý của chủ thể chính trị, góp phần điều chỉnh các quan hệ xã hội - chính trị hiệu quả hơn*

Hoạt động chính trị là một dạng hoạt động phức tạp, tinh vi, liên quan đến số phận của hàng triệu con người. Sự vận động của đời sống chính trị là sự tác động qua lại của

nhiều mối quan hệ phức tạp, nhất là khi những quan hệ đó có liên quan đến quan hệ quyền lực, thể chế, tổ chức. Chính trị lúc này được xem là nghệ thuật vận dụng những khả năng của các chủ thể lãnh đạo, quản lý, đó là việc kịp thời phát hiện ra mâu thuẫn trong các quan hệ xã hội - chính trị và lựa chọn những giải pháp hữu hiệu trong việc hiện thực hóa mục tiêu chính trị đã đề ra; đó là sự kiên định mục tiêu nhưng rất mềm dẻo về sách lược và phương pháp.

Các nhân tố chủ quan trong chính trị còn góp phần nâng cao năng lực, trình độ và những kỹ năng cần thiết trong việc quản lý, điều hành của các chủ thể chính trị. Góp phần giúp cho chủ thể có được sự nhạy bén, sáng tạo với những cái mới trong chính trị, hiểu được nguyên nhân sâu xa của các hiện tượng chính trị - xã hội; phát hiện ra những mâu thuẫn cùng với những động lực của sự phát triển xã hội; giúp chủ thể chính trị giải quyết một cách khoa học mối quan hệ giữa mục tiêu và phương tiện, giữa tính nguyên tắc với chủ nghĩa giáo điều và bệnh rập khuôn máy móc, giữa tính linh hoạt cách mạng với chủ nghĩa cơ hội xét lại, giữa cái phổ biến với cái đặc thù...

Các nhân tố chủ quan trong chính trị góp phần giúp chủ thể chính trị điều chỉnh các quan hệ xã hội - chính trị, góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo và quản lý của các chủ thể chính trị; nhờ đó mà quyền lực chính trị được thực thi một cách có hiệu lực và hiệu quả hơn với những

phương thức sáng tạo, uyển chuyển, tinh tế. Các nhân tố chủ quan trong chính trị là công cụ nội sinh, trực tiếp để chủ thể tiến hành hoạt động chính trị; công cụ xác lập tổ chức và chế độ chính trị, giải phóng con người khỏi áp bức giai cấp, áp bức xã hội.

Các nhân tố chủ quan của chủ thể chính trị, của giai cấp và dân tộc ngự trị trong toàn bộ đời sống tinh thần trở thành tư tưởng chủ đạo trong đời sống chính trị của chủ thể. Quy định toàn bộ hoạt động sinh động của lực lượng chính trị theo lập trường và giá trị của giai cấp và dân tộc. Các nhân tố chủ quan trong chính trị của giai cấp cầm quyền đóng vai trò chỉ đạo trong toàn bộ nền chính trị xã hội và quy định đến xu hướng phát triển của xã hội nói chung.

*- Góp phần định hướng phẩm chất chính trị của công dân, nhằm phát huy tính tích cực chính trị của công dân trong tham gia các hoạt động với chủ thể chính trị*

Sự thâm nhập của các nhân tố chủ quan trong chính trị vào trong đời sống xã hội sẽ làm cho mỗi công dân thấy được rằng, trong xã hội có giai cấp không ai có thể đứng ngoài chính trị; dù trực tiếp hay gián tiếp, họ đều phải tham gia hay bị chi phối bởi đời sống chính trị. Mỗi công dân trong quan hệ với nhà nước, thì công dân đó là một con người chính trị. Khi hiểu được như vậy, họ sẽ ý thức được vị trí của mình trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị

của xã hội; ngược lại, nhà nước cũng phải luôn hoàn thiện cơ chế để mỗi công dân có thể chủ động tham gia tích cực vào công việc của nhà nước và xã hội. Thực hiện tốt điều này sẽ khắc phục được tình trạng thờ ơ, lãnh đạm của công dân đối với các vấn đề chính trị và đó cũng là áp lực để các cơ quan trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị phải luôn chủ động đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của mình nhằm tạo ra môi trường tự do, dân chủ để cho công dân được đóng góp, sáng tạo, từng bước xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền - xã hội công dân.

Các nhân tố chủ quan của chủ thể chính trị góp phần định hướng phẩm hạnh chính trị của con người vào những hoạt động tích cực, sáng tạo để thực hiện các giá trị, lý tưởng cao đẹp mà họ đã lựa chọn. Với trình độ văn hóa chính trị cao, với niềm tin sâu sắc dựa trên cơ sở khoa học và lý tưởng chính trị đã chọn lựa; mỗi con người chính trị có thể vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thậm chí có thể hy sinh để thực hiện lý tưởng chính trị cao đẹp đã được lựa chọn. Các nhân tố chủ quan trong chính trị khi xâm nhập sâu rộng vào đời sống chính trị sẽ góp phần đẩy mạnh việc xã hội hóa hoạt động chính trị, làm cho mọi công dân đều trở thành những con người chính trị, phát huy tính tích cực chính trị của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động của nhà nước.

### III. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÁC NHÂN TỐ CHỦ QUAN TRONG CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY

#### 1. Đặc điểm của các nhân tố chủ quan trong chính trị ở Việt Nam

Do tính đặc thù trong sự phát triển của dân tộc, của các điều kiện về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Việt Nam, các nhân tố chủ quan trong chính trị ở Việt Nam có những đặc điểm cơ bản sau đây:

- *Sự kế thừa và phát huy những giá trị chính trị của dân tộc.* Với mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã hình thành những giá trị chính trị truyền thống độc đáo. Đó là ý thức về độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, sánh vai cùng các cường quốc; là chí anh hùng, bất khuất, vượt khó khăn gian khổ, dám đương đầu với thách thức. Tư duy chính trị mềm dẻo sáng tạo, ung dung thư thái trên cơ sở biết người biết ta, biết thời biết thế. Đó cũng còn là đường lối chính trị “khoan dân” và “nhân bản”, lấy dân làm gốc, “lấy chí nhân thay cường bạo” và “đem đại nghĩa để thắng hung tàn”, xử lý các vấn đề chính trị có trước có sau, thấu lý mà đạt tình với lòng nhân từ, độ lượng, khoan dung... Những giá trị này vừa là nền tảng vừa là nhân tố cơ bản của chỉnh thể các giá trị văn hóa chính trị, nhân tố chủ quan cơ bản trong chính trị Việt Nam.

- *Sự kết hợp giữa các giá trị chính trị của dân tộc với các giá trị chính trị của nhân loại.* Sự kết hợp giữa giá trị

chính trị của dân tộc với các giá trị chính trị của nhân loại là quy luật sinh tồn của nền chính trị Việt Nam. Lịch sử mấy ngàn năm phát triển chính trị Việt Nam luôn diễn ra các quá trình giao thoa, tương tác và hội nhập giữa các giá trị chính trị tốt đẹp của dân tộc với các giá trị tiên tiến của các quốc gia lân bang và các cường quốc văn hóa, chính trị của các thời đại. Quá trình đó, dân tộc Việt Nam không chỉ tự mình tạo ra nền chính trị riêng tỏa bản sắc vào nền chính trị nhân loại mà còn biết tiếp thu những giá trị chính trị của nhân loại, nội sinh ra những giá trị chính trị mới độc đáo theo nhu cầu tồn tại và phát triển của nước nhà. Dù bị cưỡng bức hay tự nguyện, lịch sử dựng nước và giữ nước đã tạo nên sự đan kết và thẩm thấu giữa những giá trị chính trị của dân tộc với những giá trị chính trị của nhân loại. Dù tự phát hay tự giác, sự nội sinh ra giá trị mới luôn giữ vai trò chủ đạo và là xu hướng chính yếu trong toàn bộ sự phát triển của nền chính trị nước nhà. Sự kết hợp này trở nên tất yếu và diễn ra sâu rộng ở nước ta trong xu thế hội nhập của nền chính trị thế giới đương đại.

*- Sự thống nhất giữa giá trị của chủ nghĩa yêu nước và giá trị của chủ nghĩa xã hội.* Bước ngoặt của sự kết hợp này được bắt đầu từ việc Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam. Sự tiếp nhận những giá trị của chủ nghĩa xã hội trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa

nhân đạo làm cho nền chính trị nước nhà vừa mang đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam vừa mang bản chất khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân. Đó là sự thống nhất về quyền lực và lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động cùng ý chí và nguyện vọng dân tộc; là độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, tự do dân chủ, ấm no hạnh phúc của nhân dân và chủ nghĩa xã hội chỉ là một. Và sự lãnh đạo Đảng, sự quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân là một chỉnh thể quyền lực chính trị và lợi ích của nhân dân, của con người.

## **2. Quá trình phát huy các nhân tố chủ quan trong chính trị ở Việt Nam hiện nay**

Cùng với sự phát triển của đất nước, các giá trị chính trị Việt Nam đã được nâng lên tầm tư duy lý luận - thực tiễn, tạo ra sự độc lập về tư duy lý luận của Đảng và Nhà nước, là cơ sở lý luận và phương pháp luận trực tiếp của công cuộc đổi mới.

Đã hình thành được một hệ thống tri thức lý luận chính trị khá hoàn chỉnh về xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới; đã đúc kết khá sâu sắc những bài học kinh nghiệm về cách mạng giải phóng dân tộc, về thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội nước nhà cùng những thành tựu và tổn thất của cách mạng thế giới; đặc biệt là tri thức lý luận và kinh nghiệm về đảng

cầm quyền, nhà nước pháp quyền, xã hội công dân và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thể chế chính trị xã hội với hệ thống những định chế, thiết chế tổ chức và phương thức vận hành từ trung ương đến cơ sở ngày càng đậm chất nhân văn, tạo ra khả năng to lớn cho việc phát huy cao hơn quyền lực chính trị của các tầng lớp nhân dân và lợi ích cả dân tộc. Từ đó, hoạt động chính trị của các chủ thể đem lại hiệu quả ngày một cao hơn trong giải quyết các vấn đề chính trị của quốc gia cũng như những vấn đề chính trị quốc tế có liên quan.

Trình độ văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ ngày càng được mở rộng, trình độ học vấn ngày một cao, trình độ lý luận chính trị được nâng lên một cách rõ rệt làm cho việc nắm bắt yêu cầu phát triển của đất nước ngày càng đúng đắn và đầy đủ hơn. Nhiều cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị trong giải quyết những vấn đề chính trị gay gắt của đất nước, đưa công cuộc đổi mới vượt qua những khó khăn, thử thách. Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý ngày càng theo những tiêu chí khoa học, hiện đại và nhân bản; phong cách làm việc và giao tiếp ứng xử ngày càng văn minh và hiện đại hơn.

Trình độ làm chủ đời sống chính trị ở đại đa số nhân dân được nâng lên. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ cơ sở, công dân đã tích cực tham gia vào quá trình lập hiến và lập pháp mà đặc biệt là đóng góp xây dựng Đảng và

chính quyền Nhà nước, đấu tranh chống tiêu cực, bước đầu tham gia cơ chế phản biện và giám sát nhân dân.

Mặc dù vậy, khoa học nói chung, nhất là khoa học xã hội nhân văn mà trực tiếp là khoa học chính trị còn chưa tương xứng với yêu cầu hoạt động chính trị thực tiễn của đất nước. Sự phát triển tri thức kinh tế - chính trị - xã hội chưa đủ sức làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật, chính sách của Nhà nước; chưa tạo được đầy đủ những luận cứ khoa học và kinh nghiệm vững chắc cho việc xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách đối với sự phát triển từng lĩnh vực của đời sống xã hội đang diễn biến sinh động và phức tạp; nhiều vấn đề thực tiễn bức xúc chưa được lý giải thấu đáo về mặt lý luận và chưa có sự nhất trí cao về mặt tổ chức thực hiện.

Một bộ phận cán bộ lãnh đạo chưa được đào tạo một cách căn bản cả chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, một số cán bộ trực tiếp làm công tác chính trị thiếu tính chuyên nghiệp, có quá ít chuyên gia đầu ngành, nhà chính trị tầm cỡ. Một số cán bộ có phong thái làm việc theo kiểu “quan cách mạng”, nhiều công chức chưa thật sự là công bộc của nhân dân. Trình độ dân trí chưa ngang tầm với yêu cầu dân chủ hóa ngày một cao của đời sống xã hội. Một số giá trị chính trị truyền thống có nguy cơ bị mai một dần, các giá trị mới được xác lập chưa thật sự vững chắc.

### **3. Những vấn đề cần chú ý trong quá trình phát huy vai trò của các nhân tố chủ quan trong chính trị ở Việt Nam hiện nay**

Trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, để phát huy vai trò của các nhân tố chủ quan trong chính trị cần tập trung thực hiện một số vấn đề cơ bản sau:

*Một là, cần kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội*

Trên cơ sở đó, vận dụng và phát triển thành hệ thống lý luận chính trị sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; không dao động trong bất kỳ tình huống nào. Kiên định đường lối đổi mới, chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan, nóng vội, đổi mới vô nguyên tắc.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng, tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền, cổ vũ, động viên các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục công dân trong hệ thống các trường chính trị, các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Mỗi cán bộ, đảng viên đều phải học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị. Xây dựng và thực hiện quy định mọi đảng viên có trách nhiệm trực tiếp làm công tác tư tưởng. Cán bộ chủ chốt, cấp ủy đảng phải thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, chủ động nắm bắt, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và có biện pháp giải quyết kịp thời.

Bảo đảm vai trò lãnh đạo chính trị duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, vai trò trụ cột của Nhà nước trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị. Thực hiện tốt chức năng quản lý xã hội, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc lôi cuốn nhân dân tích cực tham gia vào các hoạt động chính trị. Từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân, thực hành văn hóa tranh luận, văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp trong thực tiễn chính trị, góp phần hình thành nhân cách văn hóa công dân và nhân cách văn hóa của các chủ thể chính trị.

*Hai là, tiếp tục xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhất là văn hóa chính trị làm nền tảng để phát huy và hoàn thiện các nhân tố chủ quan trong chính trị ở Việt Nam hiện nay*

- Phát triển toàn diện nền văn hóa dân tộc. “Phương hướng chung của sự nghiệp văn hóa nước ta là phát huy

chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”<sup>(1)</sup>.

- *Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo.* Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp thi, kiểm tra theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội. Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Đề cao trách nhiệm của gia đình và xã hội, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong giáo dục

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, 1998, tr. 54.

thế hệ trẻ. Tiếp tục phát triển và nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Đầu tư hợp lý, có hiệu quả, xây dựng một số cơ sở giáo dục, đào tạo đạt trình độ quốc tế.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi; đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, văn hóa hàng đầu; đội ngũ doanh nhân và lao động lành nghề. Đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu phát triển của xã hội; có cơ chế và chính sách thiết lập mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp với cơ sở đào tạo. Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, đồng thời chú trọng đào tạo nghề cho nông dân, đặc biệt đối với người bị thu hồi đất; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo. Quan tâm hơn tới phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục; thực hiện tốt chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với người và gia đình có công, đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh giỏi, học sinh nghèo, học sinh khuyết tật, giáo viên công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, đào tạo trên tinh thần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Thực hiện hợp lý cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo gắn với đổi mới cơ chế tài chính. Làm tốt công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển, quản lý mục tiêu, chất lượng giáo dục, đào tạo.

Phát triển hệ thống kiểm định và công bố công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo; tổ chức xếp hạng cơ sở giáo dục, đào tạo một cách khoa học, thực chất. Tăng cường công tác thanh tra; kiên quyết khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục, đào tạo. Hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục, đào tạo trên cả ba phương diện: động viên các nguồn lực trong xã hội; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để người dân được học tập suốt đời. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

*- Củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng.* Đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả; xây dựng nếp sống văn hóa trong các gia đình, khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu vào mọi mặt đời sống, được thể hiện cụ thể trong sinh hoạt, công tác, quan hệ hàng ngày của cộng đồng và từng con người, tạo sức đề kháng đối với các sản phẩm độc hại. Tiếp tục đẩy mạnh việc giáo dục, bồi dưỡng đạo đức, lối sống có văn hóa; xây dựng nếp sống văn minh.

*Thứ ba, nâng cao vai trò của các chủ thể chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên, từng bước nâng cao dân trí đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.*

Đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên lãnh đạo quản lý là lực lượng tham mưu cho Đảng, Nhà nước

trong hoạch định chiến lược, kế hoạch, chủ trương, chính sách, bước đi, giải pháp thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Đồng thời, đây cũng là lực lượng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đội ngũ lãnh đạo, quản lý nhà nước lại càng có vai trò quan trọng để xây dựng thể chế, cơ chế và tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước. Do đó, cần phải nâng cao vai trò đội ngũ này, muốn vậy, cần chú ý một số nội dung, yêu cầu cơ bản sau:

- Nâng cao năng lực tham mưu, đề xuất về chủ trương, đường lối, chính sách, chế độ ở tầm chiến lược.

- Nâng cao năng lực, trình độ thể chế hóa các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng thành hệ thống thể chế, chế độ, chính sách của Nhà nước, các chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể.

- Nâng cao năng lực, trình độ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các thể chế, chế độ, chính sách, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao năng lực, trình độ giám sát kiểm tra việc thực hiện các thể chế, chế độ, chính sách, các chương trình, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội.

- Nâng cao trách nhiệm và trình độ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý kế cận, bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Trong giai đoạn hiện nay, giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời. Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính.

Muốn nâng cao vai trò của các chủ thể chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên, từng bước nâng cao dân trí, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới cần phải tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cán bộ, đảng viên, của các chi bộ, tổ chức đảng và các tầng lớp nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thực sự là một tấm gương về phẩm chất đạo đức, lối sống. Cán bộ cấp trên phải gương mẫu trước cán bộ cấp dưới, đảng viên và nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Tổ quốc, trước Đảng và nhân dân, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

*Thứ tư, đẩy mạnh công tác tư tưởng và lý luận, hình thành những giá trị chính trị cơ bản theo yêu cầu phát triển đất nước, đấu tranh với những quan điểm thù địch, sai trái.*

Muốn vậy, cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- *Tập trung nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.* Làm sáng tỏ hơn những vấn đề căn bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Làm rõ những vấn đề cơ bản của việc đổi mới và hoàn thiện hệ thống thể chế chính trị ở nước ta, đổi mới và chỉnh đốn Đảng trong điều kiện tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; đặc trưng, nguyên tắc, các giải pháp cơ bản để xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đặc trưng và phương thức đặc thù trong xây dựng và phát triển xã hội dân sự Việt Nam. Xây dựng các

đường lối chính trị phù hợp để phát triển kinh tế xã hội, để phát huy vai trò quyết định của nhân tố con người, để tạo ra nguồn nhân lực dồi dào với chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; những vấn đề lý luận phục vụ chiến lược và công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại; những phương thức đấu tranh và hợp tác quốc tế, nhất là đối với các siêu cường... Đặc biệt là xây dựng nội dung, phương thức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt đường lối chính trị phù hợp để các giá trị chính trị tốt đẹp của dân tộc, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối và chủ trương của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước trở thành chuẩn mực trong đời sống chính trị xã hội.

- *Đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng, bảo vệ các giá trị của chế độ, đấu tranh chống lại các quan điểm thù địch, sai trái.* Tổ chức học tập một cách nghiêm túc, có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối và chủ trương của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà Nước; giáo dục chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng của dân tộc và của Đảng để mọi người nói và làm đúng. Trên cơ sở kết hợp xây với chống, trong đó xây là chính, cổ vũ mạnh mẽ các nhân tố tích cực, động viên và hướng dẫn phong trào tự học tập, tự rèn luyện; làm lành mạnh hóa các mối quan hệ và đời sống xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc trong cộng đồng thế giới; tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí; phòng ngừa, đấu tranh,

phê phán những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ta; khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội. Chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng và lý luận, đấu tranh với những quan điểm thù địch, sai trái, làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc và bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Tập trung tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, thực hiện nghị quyết của Đảng, hoàn thành kế hoạch của Nhà nước, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## CHƯƠNG 6

# TIẾN TRÌNH CHÍNH TRỊ

### I. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÚNG ĐẾN TIẾN TRÌNH CHÍNH TRỊ CỦA THẾ GIỚI

#### 1. Đặc điểm của thời đại hiện nay

##### *a. Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế tất yếu*

Toàn cầu hóa kinh tế là kết quả của sự phát triển lực lượng sản xuất hiện đại và phân công lao động quốc tế, tạo nên sự liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế quốc gia hướng tới một nền kinh tế toàn cầu thống nhất, trong đó hàng hóa, dịch vụ và các yếu tố sản xuất được tự do di chuyển và được phân bổ tối ưu trên phạm vi toàn cầu được sự điều chỉnh, quản lý bởi các quy tắc chung và một cơ cấu tổ chức có tính chất toàn cầu.

Toàn cầu hóa là một quá trình mà thông qua đó thị trường và sản xuất ở nhiều nước khác nhau đang ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn nhau. Nó là hệ quả tất yếu của sự

phát triển lực lượng sản xuất ngày càng cao, tính chất xã hội hóa của sản xuất ngày càng tăng lên và sự phân công hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng. Toàn cầu hóa có vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy sự tăng trưởng cao của nền kinh tế thế giới góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới; tạo điều kiện cho các nước tham gia quá trình này mở rộng thị trường; tạo cơ hội cho các quốc gia tham gia vào quá trình này tiếp cận được với các nguồn vốn, kỹ thuật, công nghệ hiện đại cũng như tri thức quản lý tiên tiến, nhờ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh; mở ra khả năng cho các nước đang phát triển tham gia nhanh chóng vào hệ thống phân công lao động quốc tế, nhờ đó hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả; toàn cầu hóa, tự do hóa thương mại sẽ xóa bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan, thúc đẩy tăng trưởng thương mại, do đó làm tăng thu nhập quốc dân và thu nhập cá nhân, từng bước làm thay đổi sâu sắc toàn bộ cơ sở hạ tầng và do đó tác động làm thay đổi ở những mức độ khác nhau kiến trúc thượng tầng của mỗi quốc gia từ dân tộc, văn hóa, tôn giáo đến chính trị; nó mang lại những nguồn lực quan trọng và cần thiết cho các nước đang phát triển, tạo khả năng cho các nước này có thể phát triển rút ngắn.

Ngày nay, sự gia tăng với quy mô ngày càng lớn về trao đổi hàng hóa, công nghệ, dịch vụ, tài chính, vốn, sức lao động giữa các quốc gia dẫn đến việc các quốc gia liên kết với nhau chặt chẽ hơn về kinh tế. Một quốc gia dù có

hùng mạnh đến mấy cũng khó tự mình phát triển một cách mạnh mẽ mà không cần đến sự gắn kết với quốc gia khác về trao đổi hàng hóa, công nghệ, dịch vụ, tài chính, vốn, sức lao động... từ đó dẫn đến sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia và sự khủng hoảng của một quốc gia sẽ kéo theo nhiều quốc gia liên quan.

Toàn cầu hóa với sự phát triển của các công ty xuyên quốc gia (Transational Corporations - TNCs) phát triển thành mạng lưới rộng khắp toàn cầu có vai trò ngày càng tăng đối với nền kinh tế ở các quốc gia và quan hệ kinh tế quốc tế. Hiện nay trên thế giới có khoảng 60.000 công ty xuyên quốc gia và gần 500.000 công ty con ở các nước. Các công ty xuyên quốc gia nắm giữ 90% FDI và các kết quả nghiên cứu chuyển giao công nghệ (tạo ra 80% bản quyền kỹ thuật), tạo ra hơn 1/3 tổng số GDP của các nước và kiểm soát 60% tổng mậu dịch của thế giới. Những năm gần đây nhiều công ty xuyên quốc gia đã tiến hành mua, bán và sáp nhập trên phạm vi quốc tế, tổng giá trị các vụ mua bán, sáp nhập đã lên đến gần 20.000 tỷ USD.

Tuy nhiên, bên cạnh tác động tích cực nói trên, quá trình toàn cầu hóa cũng tạo ra những thách thức nguy cơ không nhỏ đối với các nước nhất là các nước đang phát triển, đặt ra những thách thức đối với vấn đề an ninh quốc gia như: vấn đề giữ gìn truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc vì nền văn hóa dân tộc của mỗi nước có thể bị chèn ép,

lấn át bởi văn hóa nước ngoài; vấn đề lợi dụng đầu tư để thực hiện các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia; vấn đề ô nhiễm môi trường; vấn đề thực hiện âm mưu “*diễn biến hòa bình*”; vấn đề phụ thuộc kinh tế, phụ thuộc về chính trị.

***b. Khoa học, công nghệ tiếp tục có những bước tiến đột phá và được ứng dụng rộng rãi, thúc đẩy quá trình trí tuệ hóa lao động***

Cách mạng khoa học và công nghệ là quá trình biến đổi có tính nhảy vọt của những yếu tố chủ yếu trong lực lượng sản xuất của xã hội được thúc đẩy nhờ vai trò dẫn đường của khoa học, tạo ra một chu trình vận động kinh tế xã hội và tự nhiên khép kín “*khoa học - công nghệ - sản xuất xã hội - con người - môi trường*”. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra mạnh mẽ đã tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở mỗi quốc gia và trong quan hệ quốc tế đương đại.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ xét dưới góc độ là động lực cho sự phát triển lực lượng sản xuất và thúc đẩy tiến bộ xã hội, thì nó là quá trình năng động nhất hiện nay, lực lượng sản xuất được trí tuệ hóa với những đặc điểm căn bản là con người với tri thức của mình đóng vai trò trung tâm của sự phát triển; các ngành dịch vụ ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm quốc dân; các ngành kinh tế có hàm lượng khoa học và công nghệ cao (các ngành sản xuất mới như: vi điện tử, vi sinh học, năng lượng mới, vật

liệu mới, công nghệ gen và tái tạo gen di truyền...) ngày càng tăng; thế giới đang chuyển từ kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức mà cốt lõi là kinh tế thông tin ra đời và đang từng bước thay thế các nền kinh tế truyền thống.

Sự tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã làm cho năng suất lao động xã hội nhất là ở các nước đang phát triển tăng lên nhanh chóng.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã thúc đẩy tiến trình toàn cầu hóa và khu vực hóa nền kinh tế thế giới; nó làm biến đổi việc tổ chức quản lý sản xuất và các hoạt động kinh tế ở tầm vi mô; nó làm biến đổi các hình thức của các quan hệ sở hữu trong chủ nghĩa tư bản (xuất hiện các hình thức sở hữu mới gắn với khoa học công nghệ như sở hữu kinh tế, sở hữu trí tuệ, sở hữu hỗn hợp của các chủ thể độc quyền quốc gia, sở hữu độc quyền nhà nước tư sản...).

Sản xuất và lao động ngày càng trí tuệ hóa đã tạo ra những thay đổi có tính cách mạng trong lĩnh vực quản lý, trong cải cách thể chế chính trị hiện hành: Đó là các cuộc đấu tranh về việc xây dựng một môi trường xã hội tạo ra động lực cho lao động sáng tạo trí tuệ ngày càng trở nên phổ biến và cấp bách; đồng thời là yêu cầu cơ bản của việc xây dựng những thể chế chính trị đáp ứng yêu cầu thời đại phải là chính trị trí tuệ hóa, chính trị phát triển. Có thể thấy tác động của xu hướng này đối với chính trị trên những khía cạnh sau đây:

*Một là*, trí tuệ hóa lực lượng sản xuất đặt ra yêu cầu làm thay đổi căn bản mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất và do đó, làm thay đổi tính chất, nội dung và hình thức của chính trị, hướng đến một nền chính trị của đa số, do đa số và vì đa số người trong xã hội.

*Hai là*, trí tuệ hóa lực lượng sản xuất, trí tuệ hóa lao động đặt ra yêu cầu trí tuệ hóa chính trị. Hơn bao giờ hết chính trị ngày nay phải là chính trị có trí tuệ, chính trị của sự phát triển. Chính trị nói chung, nhà nước nói riêng phải tập trung được trí tuệ của dân tộc, của thời đại, phải trong sạch vững mạnh đáp ứng yêu cầu phát triển của kinh tế, xã hội.

Thế giới đã đạt được những bước tiến lớn về khoa học kỹ thuật và công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực về năng lượng, vật liệu mới, kỹ thuật quân sự, thông tin... các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật quân sự đã giúp các nước lớn tăng cường năng lực tác chiến và khả năng răn đe quân sự. Công nghệ thông tin phát triển nhảy vọt và phổ cập với tốc độ chóng mặt đã tác động trực tiếp đến nhiều mặt đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới, đem lại một cuộc cách mạng mới về thông tin liên lạc, thu hẹp khoảng cách địa lý, thúc đẩy hoạt động liên kết cộng đồng, tập hợp lực lượng xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ giao thương toàn cầu và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

***c. Cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp***

Sau sự kiện Liên Xô, Đông Âu tan rã, mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc càng phức tạp, đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc trên thế giới tiếp tục diễn ra gay gắt với những hình thức mới: Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Tình hình đó tạo thời cơ phát triển, đồng thời đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước đang và kém phát triển,... Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới,

giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục. Tuy nhiên, các nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và cánh tả còn gặp nhiều khó khăn, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, tìm cách xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản. Các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, dân tộc.

*Hiện nay, vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên... vẫn đang diễn ra phức tạp.*

Vấn đề Biển Đông: Trung Quốc đẩy mạnh thực hiện chiến lược “*cường quốc biển*” quyết tâm bảo vệ “*lợi ích cốt lõi*”, độc chiếm Biển Đông. Trên thực địa, Trung Quốc triển khai nhiều cuộc diễn tập quân sự, nhiều “*tàu chấp pháp*”

lưu phiên tuần tra, kiểm soát, xua đuổi tàu cá Việt Nam; cơ bản hoàn thành cải tạo và đang quân sự hóa các đảo, đá chiếm đóng trái phép... Duy trì, mở rộng hoạt động khảo sát khoa học, khai thác dầu khí, đánh bắt hải sản ở những đảo tranh chấp, đang phân định trên Biển Đông, thậm chí nhiều lần đi sâu vào lãnh hải, nội thủy của Việt Nam. Mặc dù giảm về số lượng tàu thuyền tuần tra, kiểm soát và tuần suất, thời gian diễn tập trên thực địa, nhưng Trung Quốc mở rộng về phạm vi, quy mô; đặc biệt lần đầu tiên tập trận chung với Nga trên biển và triển khai nhiều trang, thiết bị vũ khí quân sự hiện đại ra các đảo, đá chiếm đóng trái phép. Tăng cường triển khai chiến dịch tuyên truyền, đẩy mạnh ngoại giao, pháp lý theo hướng phô trương sức mạnh quân sự; lên án, phản đối Mỹ và một số nước can thiệp vào vấn đề Biển Đông; mua chuộc, lôi kéo, phân hóa, gây sức ép, ngăn chặn các nước ủng hộ phán quyết của PCA, không đưa phán quyết vào nội dung các diễn đàn, hội nghị quốc tế, khu vực; song tránh đối đầu căng thẳng, “*giảm nhiệt*” tình hình Biển Đông và “*làm chìm*” phán quyết của PCA. Đối với Việt Nam, Trung Quốc tỏ thái độ kiên quyết và cứng rắn trong giao thiệp, đàm phán, với phương châm “*vừa đàm, vừa lấn*”, “*gác tranh chấp, cùng khai thác*”, vu cáo Việt Nam phức tạp hóa vấn đề, yêu cầu không phản đối, kiểm soát phản ứng dư luận đề cập vấn đề Biển Đông tại các hội nghị quốc tế.

Mỹ và các nước Nhật Bản, Úc, Ấn Độ: Công khai thể hiện quan điểm, thái độ quyết liệt hơn trong phản đối các hoạt

động của Trung Quốc trên Biển Đông; gây áp lực ngoại giao, lên án, yêu cầu Trung Quốc tuân thủ các phán quyết của PCA; tăng cường hiện diện, tuần tra, kiểm soát trên biển và hợp tác biển và hợp tác, cung cấp trang thiết bị quân sự cho các nước có tranh chấp chủ quyền trực tiếp với Trung Quốc, tạo thành vành đai bao vây, ngăn chặn sự trỗi dậy của Trung Quốc và can dự sâu vào vấn đề Biển Đông. Song các nước đều điều chỉnh theo hướng ôn hòa, hạn chế công kích, tránh đối đầu, giảm xung đột, không loại trừ khả năng “*thỏa hiệp*” trong vấn đề Biển Đông giữa Mỹ và Trung Quốc.

Các nước ASEAN: Thiếu sự đồng thuận, đoàn kết trong vấn đề Biển Đông trước tác động của các nước lớn, đặc biệt là sự phân hóa, gây sức ép, sử dụng lợi ích kinh tế từ Trung Quốc. Một số nước chỉ bày tỏ quan điểm ở mức độ “*xử lý ổn thỏa vấn đề Biển Đông, không làm ảnh hưởng đến quan hệ Trung Quốc - ASEAN*”, chủ động hợp tác với các nước ngoài khu vực để củng cố tiềm lực quốc phòng, bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ.

***d. Nhân loại đang đứng trước những vấn đề toàn cầu: vấn đề bất bình đẳng, giàu nghèo, vấn đề dân số, vấn đề bảo vệ bản sắc văn hóa, vấn đề môi trường sống và các bệnh dịch, tệ nạn xã hội đòi hỏi phải có sự hợp tác đa phương để giải quyết về vấn đề này***

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng đã khái quát: “*Nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến*

*vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo,... Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các quốc gia, dân tộc”<sup>(1)</sup>.*

Thật vậy, hiện nay nhân loại đang sống trong một thế giới hiện thực đầy nghịch lý, tăng trưởng kinh tế diễn ra mạnh mẽ nhưng lại không đồng hành với công bằng, tiến bộ xã hội, của cải làm ra ngày càng nhiều nhưng sự phân tầng xã hội ngày càng mạnh. Sự phân hóa giàu - nghèo giữa các giai tầng xã hội trong các nước tư bản, khoảng cách giàu nghèo giữa một số các nước tư bản phát triển và đa số các nước nghèo là cực kỳ lớn: Trên toàn cầu từ những nền kinh tế phát triển nhất như Mỹ và Hồng Kông, đến những nền kinh tế đang phát triển, sự bất bình đẳng về thu nhập đang không ngừng tăng. Thomas Piketty, giáo sư Trường Kinh tế Paris và là đồng tác giả một cuốn sách mới viết về sự bất bình đẳng trong thu nhập, nhận xét: Người dân vẫn còn đang quá độ ra khỏi cảnh nghèo khổ. Theo Ngân hàng Thế giới, tỷ lệ dân số trên phạm vi toàn cầu đang sống ở mức dưới 2 USD/ngày đã giảm từ 67% năm 1981 xuống còn 47% năm 2004, nhưng vẫn còn một con số kỷ lục về tổng số người nghèo ở châu Á là khoảng 1,9 tỷ người. Theo báo cáo về sự giàu có trên thế giới của tổ chức Capgemini,

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr. 11.

hiện số những người giàu có cũng nhiều hơn bao giờ hết: số người có tài sản trên một triệu USD (không tính đến dinh thự chính của họ) đã tăng 8,3% trong năm 2006, lên tới 9,5 triệu người, Sự phân chia giàu nghèo nổi bật nhất ở những nơi kiên quyết bám chặt lấy mô hình đại tư bản, chẳng hạn như Mỹ và Trung Quốc. Theo một nghiên cứu của Ngân hàng Phát triển châu Á công bố trong tháng 8/2007, sự phân chia giàu nghèo ở Trung Quốc hiện tương tự như khu vực Mỹ Latinh. Ở Trung Quốc, các số liệu thống kê cho thấy sự chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp, giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn ngày càng lớn: năm 2005 thu nhập bình quân đầu người của cư dân thành thị là 10.493 NDT và của cư dân nông thôn chưa bằng 1/3 (3.255 NDT). Xét về mọi phương diện thì Thượng Hải (vùng ven biển phía Đông) phát triển hơn vùng Quý Châu (vùng Tây nội địa) 10 lần.

Sự bùng nổ dân số hiện nay ở các nước đang phát triển cũng đã và đang trở thành vấn đề liên quan đến sự phát triển của từng quốc gia, dân tộc. Dân số tăng nhanh đã dẫn đến hệ lụy là làm giảm thu nhập bình quân đầu người, gây khó khăn trong giải quyết việc làm và cải thiện dịch vụ đời sống (nhà ở, nước, điện, hệ thống nước thải, giáo dục và y tế, làm ô nhiễm môi trường, khủng hoảng sinh thái và gây nên những biến động về khí hậu thời tiết toàn cầu, gia tăng các loại bệnh lây nhiễm như HIV - AIDS, SARS, dịch cúm gia cầm và các tệ nạn ma túy, mại dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em.

Tăng trưởng kinh tế nhanh trong điều kiện kinh tế thị trường nhiều khi đã giảm giá trị xã hội trong một số trường hợp, biến động theo chiều hướng tiêu cực như những chuẩn mực hóa đạo đức xã hội bị đảo lộn (lối sống thực dụng, một số hành vi phản văn hóa...), bản sắc dân tộc bị xói mòn.

## **2. Các xu hướng chính trị chủ yếu của thế giới**

***a. Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, vì lợi ích quốc gia, dân tộc***

*“Hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”<sup>(1)</sup>* là nhu cầu khách quan và đang trở thành đòi hỏi bức xúc của các quốc gia dân tộc trên thế giới. Đó là điều kiện để mỗi quốc gia dân tộc mở rộng giao lưu quốc tế trên tinh thần độc lập tự chủ và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh xu thế hòa bình, hợp tác; những

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2016, tr. 68.

xung đột sắc tộc và tôn giáo, tranh giành tài nguyên và lãnh thổ, nạn khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia có thể gia tăng... buộc các quốc gia phải có chính sách đối phó và phối hợp hành động: Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động và đang hình thành nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng hơn. Tuy vậy, vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định nhất là tranh giành ảnh hưởng, tranh chấp chủ quyền biển, đảo, tài nguyên... Toàn cầu hóa kinh tế tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen rất phức tạp. Sự phụ thuộc lẫn nhau, hội nhập, cạnh tranh và hợp tác giữa các nước ngày càng trở thành phổ biến.

***b. Các quốc gia dân tộc luôn nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực, tự cường; đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài để bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc***

Trước bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, phức tạp và khó lường, các quốc gia dân tộc trên thế giới đều “*chủ động và tích cực hội nhập quốc tế là bạn đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia dân tộc tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu*”<sup>(1)</sup>, nhưng nó cũng đòi hỏi mỗi quốc gia, dân tộc phải giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực,

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr. 235-236.

giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế đặc biệt là chủ động kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị, đây là vấn đề sống còn đối với mỗi quốc gia dân tộc.

***c. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội***

Ngày nay, trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp phong trào cách mạng thế giới tạm thời lâm vào thoái trào; cuộc đấu tranh của nhân dân các nước (đặc biệt là các nước đang phát triển) vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức. Đối với các nước đang phát triển: Trước hết, là khó khăn, thách thức về kinh tế, đại bộ phận các nước đang phát triển vẫn là những nước nghèo, kinh tế lạc hậu, bị lệ thuộc nặng nề vào hệ thống kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa và các nước lớn. Thứ hai, là khó khăn, thách thức về chính trị: một bộ phận không nhỏ các nước đang phát triển đối mặt với tình trạng bất ổn về chính trị xã hội (xung đột sắc tộc, tôn giáo, dân tộc, nội chiến,...) do sự can thiệp của các nước đế quốc, do chịu hậu quả chính sách chia rẽ,

hận thù dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, phân chia lãnh thổ do chủ nghĩa thực dân để lại, do tình trạng mất dân chủ,... Thứ ba, là tình trạng thấp kém về trình độ dân trí, văn hóa dân chủ, văn hóa pháp quyền, văn hóa chính trị. Đối với các nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và cánh tả cũng còn gặp nhiều khó khăn do các thế lực thù địch tiếp tục chống phá và tìm cách xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, đa số các nước đang phát triển trên thế giới đều xác định rằng, vấn đề cơ bản và bức xúc nhất hiện nay là vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc trước chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa thực dân mới và những tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa. Song song với việc giữ vững độc lập về chính trị là cuộc tranh giành, củng cố vị trí độc lập về kinh tế (như chống chủ nghĩa thực dân mới về kinh tế dưới mọi hình thức; xây dựng được một chiến lược phát triển kinh tế đúng đắn và một nền kinh tế độc lập, tự chủ, hội nhập kinh tế) và đấu tranh thiết lập một thế giới mới công bằng dân chủ, tham gia hội nhập thế giới sâu rộng.

## **II. TIẾN TRÌNH CHÍNH TRỊ CỦA THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI**

### **1. Các xu hướng chính trị ở các nước tư bản chủ nghĩa**

Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển

Xã hội tư bản là một cơ thể có khả năng thay đổi và hiện đang không ngừng thay đổi. Động lực của những thay đổi đó là sự phát triển của lực lượng sản xuất được thúc

đẩy bởi các cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra liên tục trong lịch sử. Đó là dự báo của C. Mác khi phân tích bản chất và các quy luật chi phối xu hướng vận động và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Thật vậy, cuộc cách mạng khoa học công nghệ đã tạo nên sự phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất làm cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa có những thay đổi những thuộc tính vốn có của nó không còn như thời kỳ tự do cạnh tranh và độc quyền, mà trở nên tinh vi và thích nghi hơn với những hoàn cảnh mới, với sự nảy sinh ngày càng nhiều nhân tố đối lập với nó. Những xu hướng phát triển đó của chủ nghĩa tư bản thể hiện ở các mặt cơ bản sau: Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đã có bước nhảy vọt về chất từ đó đang ra đời và phát triển một nền kinh tế mới nền kinh tế tri thức. Sự biến đổi đó thể hiện ở chỗ trong nền sản xuất đang diễn ra sự chuyển biến từ sử dụng phổ biến các công cụ sản xuất bán tự động trong cơ sở cơ khí hóa, điện khí hóa, sang sử dụng các máy móc thiết bị tự động hóa; lao động sản xuất từ hoạt động cơ bắp, tiếp xúc trực tiếp với đối tượng lao động là chủ yếu sang hoạt động trí tuệ, phi tiếp xúc là cơ bản; khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, trình độ xã hội hóa được thể hiện ở sự phân công lao động mở rộng và chuyên môn hóa sản xuất ngày càng sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mà mũi nhọn là cuộc cách mạng thông tin đã tạo ra bước nhảy vọt trong phân công lao động xã hội: từ phân công theo chiều dọc chuyển sang phân công theo

chiều ngang dựa trên trình độ công nghệ làm cho quá trình phân công lao động xã hội trong phạm vi quốc gia mở rộng ra toàn thế giới, làm cho cơ cấu ngành sản xuất của các nước hòa nhập vào nhau tạo ra một nền kinh tế quốc tế có mối liên hệ chặt chẽ như một chỉnh thể.

Chủ nghĩa tư bản hiện nay đang quá độ từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức: Đó là nền kinh tế mà kiến thức và tri thức đang trở thành nội dung chủ yếu của sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng; đó là nền kinh tế lấy công nghệ thông tin làm hạ tầng cơ sở và các dịch vụ liên quan ngày càng chiếm vị trí quan trọng nhất trong nền kinh tế quốc dân; đó là nền kinh tế lấy thị trường toàn cầu làm phạm vi hoạt động, lấy mạng lưới hóa các xí nghiệp làm phương tiện để chuyển tải; nền kinh tế có xu hướng phát triển bền vững, thân thiện hơn với môi trường.

***b. Sự vận động của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và những biến đổi ngày càng sâu sắc, tinh vi hơn các mâu thuẫn cơ bản của nó***

Với tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, lực lượng sản xuất ở các nước tư bản đã có sự phát triển nhảy vọt. Trên cơ sở của những bước tiến bộ nhảy vọt đó của lực lượng sản xuất, những quan hệ sản xuất dựa trên những trình độ mới của lực lượng sản xuất có những thay đổi nhằm “thích nghi” với sự biến đổi đó: Đó là sự biến đổi từ hình thức sở hữu thuần túy... tư nhân trở thành sở hữu cổ phần (của một nhóm các nhà tư bản độc quyền);

từ độc quyền nhóm sang độc quyền nhà nước. Thực tế đã chỉ rõ, tất cả những “*thích ứng*” đó của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa luôn gắn liền với sự suy thoái, khủng hoảng kinh tế, chiến tranh và sự bùng nổ cách mạng của các cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Khách quan mà xét, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng đã có những sự thay đổi về lượng, tuy nó chưa thể làm thay đổi về chất nhưng với lượng mới đó, nó vẫn “*phù hợp*” với trình độ hiện có của lực lượng sản xuất. Đóng vị trí quan trọng về sự thích ứng của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với sự phát triển nhảy vọt về trình độ của lực lượng sản xuất, vai trò điều tiết kinh tế của nhà nước với tư cách là nhân tố tích cực và chủ động của kiến trúc thượng tầng đối với hạ tầng cơ sở.

Tuy có những biến đổi to lớn cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, song những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Trong giai đoạn hiện nay, mâu thuẫn cơ bản nói trên biểu hiện ra thành những mâu thuẫn cụ thể sau đây: Một là, mâu thuẫn giữa tư bản và lao động: sự phân cực giàu nghèo và tình trạng bất công xã hội tăng lên; bản chất bóc lột giá trị thặng dư vẫn tồn tại và được che đậy dưới những hình thức tinh vi; tình trạng thất nghiệp và sự bần cùng hóa tuyệt đối lẫn tương đối của giai cấp công nhân vẫn đang tồn tại. Hai là, sự

bất bình đẳng và các tệ nạn xã hội vẫn tồn tại một cách phổ biến: sự suy đồi về xã hội, văn hóa và đạo đức ngày càng trầm trọng, tệ phân biệt chủng tộc vẫn tồn tại ngang nhiên; tội ác và bạo lực tràn lan,... Ba là, thuẫn giữa các nước chậm phát triển với các nước phát triển (mâu thuẫn giữa các nước và tầng lớp thượng lưu giàu có phương Bắc với các nước và tầng lớp nghèo khổ ở phương Nam). Bốn là, mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau, chủ yếu là giữa ba trung tâm kinh tế, chính trị hàng đầu của thế giới tư bản (Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu), giữa các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia và các trung tâm kinh tế mới nổi lên (Trung Quốc, Nga)... có chiều hướng diễn biến phức tạp sau khi chiến tranh lạnh kết thúc. Biểu hiện của mâu thuẫn giữa các nước ấy trước hết là các cuộc chiến tranh thương mại, chiến tranh về đầu tư, kỹ thuật, tài chính và cạnh tranh giữa công ty xuyên quốc gia dưới nhiều hình thức. Năm là, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Mâu thuẫn này là mâu thuẫn xuyên suốt thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới nhưng bản chất thời đại không hề thay đổi. Thời đại hiện nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, là thời đại đấu tranh cho thắng lợi của hòa bình, độc lập dân tộc,

dân chủ và chủ nghĩa xã hội gắn liền với cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại tạo ra những tiền đề vật chất, kỹ thuật xã hội ngày càng đầy đủ cho việc chuyển lên chủ nghĩa xã hội. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội vẫn tồn tại một cách khách quan. Trong thực tế, mâu thuẫn này biểu hiện trong mưu đồ của thế lực đế quốc lợi dụng sự thất bại của chủ nghĩa xã hội ở một số nước để đẩy mạnh cuộc phản kích quyết liệt bằng mọi thủ đoạn (không loại trừ can thiệp bằng quân sự) nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Tuy nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người và việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các quốc gia, dân tộc, nhưng xét về mặt bản chất, cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn là cuộc đấu tranh rất quyết liệt. Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội vẫn phải được thực hiện thông qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, tất nhiên cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ diễn ra bằng phương pháp nào, hòa bình hay bạo lực, điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào những hoàn cảnh lịch sử cụ thể của từng nước và bối cảnh quốc tế chung trong từng thời điểm, vào sự lựa chọn của các lực lượng cách mạng. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đã nói trên và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

***c. Đặc trưng của thể chế chính trị ở các nước tư bản phát triển***

*- Quyền lực chính trị được phân bố thông qua hệ thống tổ chức quyền lực chính trị nhằm đảm bảo quyền lực thống trị thuộc về giai cấp tư sản cầm quyền.*

Về phương diện thể chế chính trị tổ chức mà xét thì hệ thống tổ chức quyền lực chính trị ở các nước tư bản chủ nghĩa là khái niệm dùng để chỉ một chính thể (hệ thống) các thiết chế mang tính hiến định (Đảng chính trị tư sản, Nhà nước tư sản, Các nhóm lợi ích chính trị...) và không hiến định (phương tiện thông tin đại chúng, công nghệ bầu cử, thể chế tôn giáo...) cùng với những quan hệ tác động qua lại giữa các yếu tố đó nhằm tham gia vào các quá trình hình thành các quyết sách nhà nước, thực thi quyền lực chính trị bảo đảm quyền thống trị của giai cấp tư sản cầm quyền, đồng thời đáp ứng nhu cầu ổn định và phát triển xã hội.

Các đảng chính trị tư sản tồn tại trong hệ thống đa đảng và đảng đối lập trong khuôn khổ quy định của pháp luật tư sản. Các đảng chính trị tư sản ra đời từ quyền tồn tại của các nhóm xã hội, từ yêu cầu kiểm tra, giám sát lẫn nhau của các lực lượng xã hội đại diện cho các tập đoàn tư bản, các nhóm xã hội nhất định. Các đảng tư sản hợp tác và đấu tranh với nhau để giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước. Một đảng hoặc liên minh đảng khi thắng cử chỉ trở thành lực lượng cầm quyền, khi thất cử thì trở thành lực lượng đối lập trung thành trong giới hạn

bảo vệ và củng cố các hệ giá trị của chính trị, kinh tế và xã hội tư bản. Các đảng chính trị tư sản đương đại chia thành nhiều khuynh hướng tả, hữu, trung tả, trung hữu hay dưới các hình thức tự do, dân chủ, bảo thủ, xã hội dân chủ, dân chủ Thiên Chúa giáo, dân tộc, tôn giáo, lãnh thổ, sinh thái,... Các đảng chính trị tư sản được thể chế hóa thành những bộ phận cấu thành của các thiết chế chính trị tư sản,... Ngoài ra, tham gia vào đời sống chính trị ở các nước tư bản phát triển còn có các đảng cộng sản và công nhân. Đây là lực lượng nòng cốt trong các lực lượng cách mạng, dân chủ và cánh tả trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tùy theo điều kiện ở mỗi quốc gia và giai đoạn lịch sử mà các chính đảng này tham gia vào cuộc đấu tranh để giành chính quyền với những nội dung và hình thức khác nhau.

Nhà nước tư sản đề cao vị trí tối thượng của pháp luật, pháp chế hóa đời sống xã hội và nhà nước, tổ chức quyền lực nhà nước thành ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ba nhánh quyền lực này, về nguyên tắc, là cân bằng quyền lực với nhau, có khả năng và các điều kiện kiểm chế, kiểm tra, giám sát lẫn nhau. Trong đó, nghị viện với hình thức hai viện (cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ, chức năng, nhiệm vụ) có khác nhau, là cơ quan có các chức năng đại diện, lập pháp, quyết định và giám sát. Trong đó, chức năng lập pháp giữ vị trí chủ yếu trong hoạt động của nghị viện. Chính phủ là cơ quan hành pháp có chức năng tổ chức thực hiện hiến pháp,

pháp luật, xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Quyền lực của bộ máy công chức là kết cấu hạ tầng hành chính của chính phủ các nước tư bản. Tòa án là cơ quan thực hiện chức năng tư pháp, xét xử độc lập theo pháp luật như là một nguyên tắc tối cao của quá trình thực thi quyền lực chính trị trong xã hội tư bản. Hệ thống hiến pháp, pháp luật trở thành nền tảng pháp lý cho sự tồn tại và phát triển của chế độ tư bản, của nền dân chủ và xã hội tư bản; là công cụ thể chế hóa đường lối của đảng cầm quyền, công cụ quản lý nhà nước, quản lý xã hội; là phương tiện thực hiện các quyền, nghĩa vụ công dân và là tiền đề chính trị - pháp lý nhất định để nhân dân lao động tiến hành cuộc đấu tranh vì các mục tiêu dân sinh, dân chủ, công bằng và tiến bộ xã hội. Không gian chính trị được mở rộng với việc ghi nhận và thực hiện ở mức độ nhất định trong khuôn khổ kinh tế, pháp lý tư sản các quyền tự do, quyền công dân và quyền con người. Các nhóm lợi ích (hay các nhóm áp lực chính trị) là những nhóm xã hội đấu tranh cho lợi ích của mình bằng cách tác động vào việc hoạch định chính sách của các đảng chính trị và của chính quyền. Đây là các nhóm của những người có cùng lợi ích liên kết với nhau nhằm gây ảnh hưởng tới các quá trình xây dựng và thực thi pháp luật cũng như các chính sách kinh tế - xã hội. Tổ chức và hoạt động các nhóm lợi ích được pháp luật thừa nhận, bảo hộ mặc dù không phải ai và nhóm người nào cũng có thể trở thành nhóm lợi ích. Chỉ có các nhóm lợi ích có thể lực với những thiết chế của tầng lớp thượng lưu và trung lưu, có

ngành nghiệp ổn định, có trình độ, có giáo dục mới có khả năng tác động vào các quá trình chính trị. Các nhóm lợi ích là hình thức bổ sung cho quyền đại diện ở nghị viện, là một mắt xích quan trọng trong cơ chế thực hiện và chuyển hóa quyền lực chính trị, giữ vai trò trung gian giữa chính quyền và công dân, phản ánh thái độ của các nhóm người khác nhau trong xã hội đối với nhà nước. Ngoài ra, trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa, truyền thông đại chúng từ lâu đã được quan niệm là quyền lực thứ tư (fourth power) hay cấp thứ tư của chính quyền (fourth branch of government). Nó có mối quan hệ khăng khít với chính trị và các tổ chức trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị. Quyền lực thứ tư này, tuy là quyền lực không chính thống, quyền lực phi thiết chế nhưng nó có vai trò rất lớn trong việc kiểm chế, giám sát đối với ba nhánh quyền lực nhà nước lập pháp, hành pháp, tư pháp, đã hỗ trợ đắc lực cho hoạt động của các tổ chức trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị ở các nước tư bản chủ nghĩa. Trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị, các tổ chức đều sử dụng truyền thông đại chúng để phục vụ những mục tiêu chính trị của mình. Trước hết, truyền thông đại chúng giúp cho các đảng chính trị tuyên truyền quảng cáo về đường lối, chương trình chính trị trong các cuộc bầu cử, nhất là đối với các nước đa đảng, nghĩa là đảng cầm quyền thường sử dụng nó để khuếch trương cho thành tích trong quá trình cầm quyền của mình còn đảng đối lập thì lại sử dụng nó để chỉ trích, phê phán những hạn chế, bất cập trong đường lối,

chính sách của đảng cầm quyền và của các chính khách, các ứng cử viên của đảng cầm quyền tranh cử. Đối với cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, truyền thông đại chúng là nguồn cung cấp thông tin quan trọng cho các nghị sĩ quốc hội trước khi đưa ra các quyết định chính trị, góp phần xác lập thứ tự ưu tiên trong chương trình nghị sự của quốc hội; định hướng dư luận xã hội và trực tiếp tác động đến quá trình lập pháp của quốc hội; giúp người dân kiểm soát các hoạt động của quốc hội. Truyền thông đại chúng là phương tiện tạo dựng hình ảnh của chính phủ, các thành viên trong chính phủ trước công chúng; cung cấp thông tin nhằm phục vụ các hoạt động của chính phủ; sắp đặt các chương trình hoạch định chính sách và thực thi chính sách của chính phủ; tuyên truyền quan điểm chính sách của chính phủ và phản bác các quan điểm đối lập; góp phần kiểm soát hoạt động của chính phủ. Đối với cơ quan tư pháp, truyền thông đại chúng cung cấp thông tin và tạo tiền đề cho cơ quan tư pháp tiến hành các hoạt động tố tụng; tham gia theo dõi, hỗ trợ các cơ quan tư pháp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp để bảo vệ pháp luật và quyền tự do dân chủ của công dân,... Đối với các nhóm lợi ích, truyền thông đại chúng được sử dụng để trao đổi thông tin, duy trì mối quan hệ giữa các thành viên trong nhóm; giúp nhóm lợi ích tăng cường quan hệ với công chúng. Truyền thông đại chúng là một phương thức quan trọng trong hoạt động vận động

hành lang (lobby) nó thúc đẩy các nhóm lợi ích tham gia tuyên truyền, vận động trong hoạt động bầu cử (trong việc giúp các đảng phái chính trị và cá nhân ứng cử viên thông qua các hoạt động quảng cáo, phát biểu trước các nhóm lợi ích nhằm tranh thủ sự ủng hộ của cử tri,...); giúp các nhóm lợi ích tác động đến cơ quan nhà nước trong quá trình hoạch định chính sách. Tóm lại, sức mạnh của thể chế chính trị ở các nước tư bản phát triển được thể hiện qua hệ thống tổ chức bộ máy, hiến pháp, pháp luật và các công cụ quản lý của nhà nước. Hệ thống đó có cơ chế kiểm tra, giám sát, kiềm chế quyền lực và ngăn chặn tương đối có hiệu quả tình trạng tham nhũng quan liêu, đặc quyền đặc lợi của bộ máy chính quyền. Hệ thống đó cũng đã hình thành cơ chế tranh luận giữa các đảng, các nhóm lợi ích trên cơ sở đối thoại tự do, công khai, phản biện, đề xuất ý kiến và tăng tính cạnh tranh, tính hiệu quả trong hoạt động chính trị, trong việc chuyển ý chí thành hành động của hệ thống chính trị. Hệ thống chính trị đó cũng đã góp phần “dung hòa” được nhiều bất đồng và xung đột xã hội, tận dụng được nhiều tiến bộ trong kinh tế, trong khoa học công nghệ hiện đại phục vụ cho chính trị tư sản; hình thành và phát triển văn hóa chính trị bao gồm văn hóa công dân, văn hóa dân chủ, văn hóa pháp luật và văn hóa ứng xử,...

*- Về mặt bản chất, nền chính trị và dân chủ tư sản mặc dù đã có nhiều biến đổi về hình thức thể hiện nhưng vẫn không thay đổi về bản chất là một chế độ mà quyền lực vẫn*

*thuộc về giai cấp tư sản độc quyền; là một chế độ áp bức bóc lột và bất công.*

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, mặc dù hiến pháp, pháp luật (luật thành văn - written law) đều khẳng định quyền lực thuộc về nhân dân và quyền lực đó được thực hiện thông qua hệ thống tổ chức quyền lực chính trị (HTCT). Tuy vậy, trên thực tế, trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị ở các nước tư bản chủ nghĩa vẫn chỉ có đảng lớn nhất, có thế lực nhất nắm quyền quyết định (các đảng đại diện cho giới tài phiệt và quan chức tư sản, được sự hậu thuẫn của các tập đoàn tư sản có thế lực) và suy đến cùng là bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, bảo vệ chế độ tư bản chủ nghĩa. Tuy “đa đảng, đa nguyên”, nhưng về cơ bản cơ quan lập pháp và hành pháp đều nằm trong tay các đảng tư sản cầm quyền, các nghị sĩ do nhân dân bầu, với nhiều đặc quyền, đặc lợi, nhưng lại không chịu trách nhiệm trước cử tri mà chỉ biểu quyết theo chỉ thị của đảng và chịu trách nhiệm trước đảng. Về hình thức, Chính phủ được thành lập trên cơ sở Nghị viện và chịu trách nhiệm trước Nghị viện nhưng trên thực tế thì đảng cầm quyền thường đứng ra thành lập Chính phủ, thao túng toàn bộ tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Các nhóm lợi ích chính trị trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị ở các nước tư bản chủ nghĩa cũng chỉ là công cụ để giai cấp tư sản thực hiện quyền lực chính trị của mình. Về mặt lý thuyết, các nhóm lợi ích chính trị có vai trò trong việc giành quyền lực để đảm bảo lợi ích của

quần chúng; nhưng trên thực tế, nó là thiết chế của tầng lớp thượng lưu và trung lưu có xu hướng thỏa hiệp với nhà nước vì lợi ích của giới thượng lưu và nội bộ giai cấp tư sản.

Hơn thế nữa, những thách thức đối với chính trị tư sản còn thể hiện ở chỗ đó là việc thừa nhận các quyền tự do, trong đó có tự do sở hữu và tự do kinh doanh đã tập trung sở hữu và sự giàu có cho một số ít người, sự nghèo khổ cho đa số người. Thiếu số người giàu có vẫn áp bức bóc lột đa số người. Quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, tự do, dân chủ thực chất và thực tế vẫn chỉ thuộc về một số ít người. Nhiều điều kiện về pháp lý đã cho phép những điều kiện kinh tế và xã hội lại không cho phép mọi công dân có thể tham gia đầy đủ và tự giác vào đời sống chính trị, nhân dân lao động vẫn thờ ơ và cơ bản vẫn đứng ngoài các quá trình chính trị chủ yếu. Nền chính trị tư sản làm biến dạng những giá trị về quyền tự do, dân chủ, quyền công dân và quyền con người theo lợi ích của giai cấp thống trị, phổ thông đầu phiếu chỉ là sự hợp pháp hóa quyền lực của những người có quyền lực. Bình đẳng trước pháp luật tư sản là bình đẳng dưới tiền đề bình đẳng giữa người giàu và người nghèo - điều không thể có trong thực tế đời sống. Nền chính trị tư bản chủ nghĩa thể hiện những mâu thuẫn nội tại của nó giữa bình đẳng về pháp lý với bình đẳng về kinh tế và xã hội, mâu thuẫn giữa các tập đoàn tư bản... thể hiện thành mâu thuẫn giữa các đảng phái, các nhánh quyền lực trong bộ máy nhà nước; cuộc đấu tranh giữa các nhánh

quyền lực chính là sự tranh giành lợi ích giữa các tập đoàn tư bản; đa nguyên đa đảng và cạnh tranh chính trị kiểu tư sản thường dẫn đến những hậu quả tiêu cực, những rối loạn về chính trị, làm lãng phí các nguồn lực xã hội. Sự điều tiết của bộ máy hành chính khổng lồ đối với mọi lĩnh vực xã hội gây ra những hậu quả đáng lo ngại. Hàng ngàn luật lệ, quy tắc do các cơ quan hành chính ban hành đã làm tăng cái giá của sản phẩm hàng hóa. Vô số luật lệ và phí tổn là sự ngăn cản rất khó vượt qua đối với các quá trình cải cách hoặc đưa ra sản phẩm mới và không khuyến khích được phát minh. Sự can thiệp của bộ máy hành chính, thông qua việc hoạch định chính sách vào đời sống kinh tế đã ngăn cản cạnh tranh tự do và sự gia nhập đời sống kinh tế một cách bình đẳng của giới kinh doanh nhỏ.

Truyền thông đại chúng ở các nước này mặc dù hiển pháp tuyên bố tự do báo chí (không tổ chức, cá nhân nào có quyền ngăn cản quyền tự do ngôn luận; truyền thông đại chúng hoạt động độc lập, đưa tin khách quan, *“không phụ thuộc vào quan điểm của nhà nước hay đảng phái chính trị”*) tuy nhiên, trên thực tế mọi hoạt động của nó đều nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền, các tổ chức chính trị (thông qua hệ thống pháp luật và những quy định cụ thể khác). Hay nói cách khác, hầu hết các hãng thông tấn, báo chí (trừ một số cơ quan báo chí của các Đảng Cộng sản và các tổ chức tiến bộ khác) đều nhằm mục đích phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản cầm quyền trong nhiều trường hợp

nó được sử dụng để mị dân; do yếu tố thương mại hóa chi phối, trong nhiều trường hợp truyền thông đại chúng đưa tin thiếu khách quan, thiếu trung thực.

Một cách khái quát, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ “*đa nguyên chính trị*” bề ngoài thì có vẻ dân chủ các đảng đều có quyền tự do tranh cử, liên minh,... nhưng về thực chất thì đều là “*nhất nguyên chính trị*”. Ngay cả trường hợp có một số đảng liên minh cầm quyền; trong thực tế vẫn chỉ có đảng lớn nhất, có thể lực nhất nắm quyền quyết định và suy đến cùng là bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, bảo vệ chế độ tư bản chủ nghĩa.

Tóm lại, cùng với những biến đổi trong kinh tế và khoa học công nghệ, những biến đổi trong đời sống chính trị ở các nước tư bản ngày càng làm tăng các yếu tố phủ định chủ nghĩa tư bản và chuẩn bị các tiền đề nhất định cho chủ nghĩa xã hội nói chung, nền chính trị xã hội chủ nghĩa nói riêng. Về tiền đề kinh tế mà xét, chúng ta có thể thấy rằng, những thành tựu về kinh tế, khoa học công nghệ được tích lũy trong quá trình tổ chức, vận hành nền chính trị tư bản chủ nghĩa không chỉ là của riêng giai cấp tư sản mà còn là kết quả của nhân dân lao động sống và đấu tranh trong xã hội tư bản. Nhiều giá trị trong tổ chức, vận hành đời sống chính trị mà nhân loại tích lũy được trong chủ nghĩa tư bản là những cơ sở để tiếp tục phát triển tổ chức, vận hành của chính trị trong chủ nghĩa xã hội (như kinh tế thị trường với tư cách là kinh tế hàng hóa ở trình độ cao không phải là

sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại; kinh tế thị trường tồn tại và phát triển ở nhiều phương thức sản xuất khác nhau). Ngoài ra, chủ nghĩa tư bản càng phát triển càng chuẩn bị không chỉ những tiền đề kinh tế, mà còn cả những tiền đề chính trị cần thiết cho chủ nghĩa xã hội. Chính trị tư bản chủ nghĩa càng phát triển càng tự mâu thuẫn với nó và những biến đổi trong chính trị của chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày càng chứng tỏ sự thay thế nền chính trị tư bản chủ nghĩa bằng nền chính trị xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan.

***d. Một số xu hướng chính trị chủ yếu ở các nước tư bản phát triển hiện nay***

*- Xu hướng tự do:*

Tự do là một xu hướng chính trị chủ đạo, định hướng các nguyên tắc có tính chất nền tảng của nền chính trị tư bản kể từ khi nó ra đời cho đến ngày nay. Đây là xu hướng chính trị, một mặt, dựa trên cơ sở của các nền kinh tế thị trường tự do; mặt khác, thể hiện về chính trị pháp lý các nguyên tắc của thị trường tự do.

Đặc điểm lớn nhất của xu hướng này là sự thù địch với mọi chế độ chuyên chế, bảo vệ tự do cá nhân, mở rộng tự do bầu cử theo phổ thông đầu phiếu. Tư tưởng tự do gắn liền với sự ra đời của giai cấp tư sản từ trong lòng chế độ phong kiến khi giai cấp tư sản là lực lượng xã hội đại diện cho nền kinh tế thị trường tư bản, mong muốn thiết lập chế độ lập hiến, xác lập và bảo vệ về chính trị pháp lý các quyền tự do

cá nhân, quyền công dân, quyền con người và đặc biệt là quyền tự do kinh doanh và sở hữu cá nhân.

Xu hướng chính trị này đề cao các giá trị cá nhân, sở hữu tư nhân, vai trò tự điều chỉnh của thị trường; hạn chế việc mở rộng phạm vi và mức độ can thiệp của nhà nước vào mọi mặt của đời sống xã hội, mà trước hết là kinh tế. Nó phản đối nhà nước phúc lợi và hệ thống an sinh xã hội, coi thị trường và cạnh tranh là môi trường tốt nhất. Công dân là cái tối đa, nhà nước là cái tối thiểu. Nhà nước tối thiểu là nhà nước của tự do. Tự do tạo ra khả năng tự trị và hưởng thụ cá nhân. Xu hướng chính trị này ủng hộ việc tiến hành những cải cách xã hội theo hướng đề cao những giá trị cá nhân tư sản.

Tuy nhiên, đến thời kỳ của chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước, vai trò của nhà nước được nhấn mạnh trong việc can thiệp vào tất cả các lĩnh vực của đời sống. Xu hướng tự do trở thành xu hướng tự do mới đề cao vai trò, sự can thiệp, chi phối, điều tiết của một nhà nước mạnh vào việc phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội.

- *Xu hướng bảo thủ:*

Bảo thủ là một xu hướng chính trị ra đời từ đầu thế kỷ XIX nhằm chống lại xu hướng cấp tiến cực đoan của cuộc cách mạng tư sản Pháp. Xu hướng chính trị bảo thủ là tư tưởng của một bộ phận giai cấp tư sản muốn duy trì một

chế độ chính trị xã hội với nguyên tắc quyền hành, tôn ti, trật tự, khảng định sở hữu tư nhân, tôn trọng các giá trị truyền thống của chính trị tư sản, hạn chế, dè dặt với các cải cách chính trị xã hội, nhất là mở rộng phổ thông đầu phiếu.

Tuy nhiên, do sự phát triển dần dần của chủ nghĩa tư bản, xu hướng bảo thủ cũng từng bước thay đổi. Xu hướng bảo thủ hay chủ nghĩa bảo thủ trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại xác định có thể chấp nhận những thay đổi nhất định trong chính trị miễn là có lợi cho chủ nghĩa tư bản trong mọi hoàn cảnh. Chính sách của các Chính phủ Đờ Gôn và G. Đêxtailinh ở Pháp là một ví dụ.

Đến những năm 80 của thế kỷ XX, xu hướng bảo thủ chủ nghĩa bảo thủ mới do Rigân và Thatcher khởi xướng lại trở về với những tư tưởng nguồn cội của nó là ủng hộ việc thiết lập một “nhà nước cảnh sát” để đảm bảo an ninh đối nội, đối ngoại, chống lại sự can thiệp của nhà nước vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Xu hướng chính trị bảo thủ, nhất là ở giai đoạn hiện nay, chống lại xu hướng nhà nước phúc lợi và các mạng lưới an sinh xã hội, nó coi đây là những nhân tố có thể làm xói mòn các giá trị, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân. Nền tảng các giá trị cá nhân và bản thân các giá trị cá nhân (cá nhân tư sản) mà chủ nghĩa bảo thủ, cũng như chủ nghĩa tự do bảo vệ luôn là vấn đề cốt cán của chính trị ở các nước tư bản.

- Xu hướng xã hội:

Xu hướng xã hội hay xã hội dân chủ là một xu hướng chính trị cấp tiến ở các nước tư bản phát triển phương Tây. Xu hướng chính trị này chủ trương xây dựng một nền kinh tế thị trường có điều tiết của nhà nước, tham gia chính quyền bằng con đường hợp pháp là bầu cử, dành sự ủng hộ nhiều hơn đối với các giá trị xã hội. Xu hướng chính trị này ra đời từ cuộc đấu tranh hết sức phức tạp trên địa hạt lý luận trong quá trình chuyển biến của lý luận về chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học và các hình thức phái sinh sau này ở thế kỷ XIX. Một số đảng xã hội muốn là người đại diện cho giai cấp công nhân chống lại các thể chế tư sản, kêu gọi quốc hữu hóa. Tuy nhiên, các đảng, các lực lượng chính trị theo xu hướng xã hội ngày càng xa rời, ngày càng mất đi *"tính chất giai cấp công nhân"* và tuyên bố trở thành các chính đảng, các lực lượng của công dân, thậm chí còn từ chối liên minh với các đảng cộng sản và công nhân đến chỗ tuyên bố là lực lượng trung gian giữa tả và hữu.

Các đảng, các lực lượng chính trị theo xu hướng xã hội đấu tranh mạnh mẽ cho quá trình quốc hữu hóa tư liệu sản xuất, thực hiện những thỏa hiệp với chính quyền tư sản, ủng hộ cạnh tranh và tự do sáng kiến, ủng hộ nền kinh tế hỗn hợp. Theo xu hướng này, người ta chủ trương tham gia và điều hành chính quyền bằng con đường nghị viện (thông qua các cuộc bầu cử hợp pháp), chấp nhận các quy tắc chơi trong nền chính trị tư sản đương đại. Xu hướng

xã hội phát triển mạnh mẽ ở một loạt nước tư bản châu Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai với việc nhiều đảng, nhiều lực lượng theo tư tưởng này có xu hướng thắng thế, trở thành đảng cầm quyền ở nhiều nước châu Âu. Những người theo xu hướng xã hội tích cực ủng hộ một nhà nước phúc lợi. Nhà nước là người sử dụng các thể chế pháp luật để quản lý và điều hành xã hội. Đồng thời, nhà nước cũng là người bảo trợ cho một hệ thống an sinh xã hội, can thiệp ở mức độ cần thiết nhằm hạn chế những thất bại, những mặt trái của thị trường, duy trì sự công bằng xã hội, ủng hộ tái phân phối thu nhập trong xã hội. Tuy nhiên, xu hướng xã hội, xã hội dân chủ hay chủ nghĩa xã hội dân chủ ở nhiều nước tư bản, trước hết là ở Bắc và Tây Âu, sau một giai đoạn phát triển, gần đây đã lâm vào cuộc khủng hoảng sâu sắc.

*- Xu hướng dân chủ Thiên Chúa giáo:*

Dân chủ Thiên Chúa giáo là một xu hướng chính trị từ chối những gì được coi là cực đoan của cả chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, có tham vọng vượt lên trên cả chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Xu hướng này nhấn mạnh đến các giá trị của giáo dục, của nhà trường, gia đình và đạo đức theo phong cách nhà thờ, nghi ngờ bản lĩnh sáng tạo của con người, gắn bó với quyền sở hữu tư nhân, đề cao tầng lớp trung lưu, đề cao quyền uy. Dân chủ Thiên Chúa giáo là một xu hướng chính trị ra đời nhằm chống lại xu hướng tự do cấp tiến - xu hướng chống lại nhà thờ.

- Xu hướng “lãnh thổ” và “sinh thái học”:

Đây là những xu hướng chính trị hướng mục tiêu đấu tranh vào việc duy trì và bảo vệ những giá trị nền tảng của tự nhiên, của văn hóa và xã hội trước những mối đe dọa do chính sự phát triển của chủ nghĩa tư bản gây ra.

Xu hướng “lãnh thổ” đấu tranh nhằm duy trì, bảo vệ những nhóm người cùng với các lợi ích của họ trước nguy cơ bị xóa nhòa trong bản đồ địa chính trị của các khu vực và thế giới; đấu tranh cho sự độc lập của các nhóm thiểu số về lãnh thổ, văn hóa, tôn giáo và kinh tế. Xu hướng này còn hướng vào việc chống quân sự hóa, tấn công các nhóm thiểu số, bảo vệ quyền con người, chống phân biệt chủng tộc, giải phóng phụ nữ, đấu tranh bảo vệ hòa bình

Xu hướng “sinh thái” đấu tranh chống lại việc phá hoại môi trường tự nhiên, môi trường sống của con người do hậu quả của kinh tế thị trường tư bản gây ra. Xu hướng này đã và đang làm “xanh hóa” nhiều cương lĩnh, đường lối, chính sách của nhiều đảng phái, nhiều lực lượng chính trị ở các nước tư bản phát triển.

- Xu hướng “biệt lập” và chủ nghĩa quốc tế:

Xu hướng “biệt lập” là một xu hướng chính trị dựa trên lý thuyết “hiện thực chính trị”, coi quốc gia dân tộc là những chủ thể chủ yếu trong quan hệ quốc tế. Đề cao lợi ích quốc gia trên cơ sở củng cố an ninh quốc gia và xem nhẹ tính bền vững của các cơ cấu an ninh tập thể, cơ cấu an ninh

khu vực và quốc tế. Nhấn mạnh tầm quan trọng của sức mạnh quốc gia như một nhân tố chủ yếu đảm bảo tính bền vững của hòa bình.

Xu hướng của “*chủ nghĩa quốc tế*” nhấn mạnh tầm quan trọng của các cơ chế, thiết chế an ninh khu vực và toàn cầu. Ủng hộ sự cần thiết mở rộng hợp tác quốc tế, thúc đẩy tự do hóa thương mại, quốc tế hóa, toàn cầu hóa như là những nền tảng của an ninh toàn cầu.

- *Khủng bố và chống khủng bố quốc tế:*

Trong nền chính trị đương đại ở các nước tư bản phát triển, khủng bố và chống khủng bố đã trở thành một hiện tượng chính trị không còn tính cá biệt. Tính phổ biến, đa dạng, phức tạp và những nguy cơ cực kỳ nguy hiểm do cả khủng bố và chống khủng bố mang lại đang tạo ra một bầu không khí chính trị hết sức căng thẳng. Khủng bố và chống khủng bố giờ đây đã trở thành một phương thức chính trị thông qua các hoạt động có tính chất phá hoại không chỉ trên quy mô quốc gia mà còn cả quy mô quốc tế.

Khủng bố có thể nói là sự phản ứng có tính đối kháng của một nhóm người nào đó đối với những trật tự chính trị, kinh tế xã hội hiện hành mà họ cho là bất bình đẳng trong các xã hội. Khủng bố là một hoạt động nhằm gây ra sự hỗn loạn, sự bất ổn định về chính trị và xã hội, đặt ra các yêu sách đối với những lực lượng hiện cầm quyền nhằm thay đổi những đường lối, chính sách nhất định. Nó không chỉ thuần túy là những hoạt động tội phạm mà còn có những

động cơ chính trị ngày càng rõ rệt. Ngược lại, chống khủng bố và nhân danh chống khủng bố với những động cơ chính trị khác nhau cũng đang phá vỡ các trật tự chính trị quốc gia và quốc tế đã được xác lập từ trong lịch sử.

Ngoài ra, trong nền chính trị ở các nước tư bản phát triển hiện nay đang hình thành những xu hướng chính trị mới trước những yêu cầu mới của lịch sử, nhất là của toàn cầu hóa. Sự xuất hiện những xu hướng chính trị mới như là những con đường mới (con đường thứ ba với các đại biểu như T. Ble, B. Clinton, Giôxpanh và G. Stroidơ...) thể hiện tính hạn chế, tính giới hạn của các xu hướng chính trị tư sản hiện hành.

Các xu hướng chính trị chủ yếu trên đây ở các nước tư bản phát triển thể hiện ở đường lối của các đảng phái chính trị và các chính sách phát triển kinh tế xã hội của các chính quyền. Các xu hướng chính trị hiện nay, ít nhiều đều có nguồn gốc từ hiện thực lịch sử, có những khác biệt nhất định về nội dung và hình thức biểu hiện như là sự tìm tòi các mô hình phát triển của chính trị tư bản và chủ nghĩa tư bản, nhưng xét đến cùng các xu hướng chính trị này vẫn có một mục đích chung là duy trì, bảo vệ những giá trị nền tảng của chính trị, kinh tế và xã hội tư bản, đặc biệt là chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, tự do kinh doanh, lợi nhuận, tự do, dân chủ và pháp quyền tư sản.

## **2. Xu hướng chính trị xã hội chủ nghĩa - kinh nghiệm và bài học lịch sử**

### ***a. Chính trị xã hội chủ nghĩa - xu hướng phát triển tất yếu của lịch sử***

Thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới cùng với hệ thống chuyên chính vô sản, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là cơ chế để đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân lao động. Sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917), với sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới (cùng với hệ thống chuyên chính vô sản, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa) đã làm thay đổi căn bản quá trình phát triển của thế giới. Nó đã chấm dứt chế độ áp bức, bóc lột và mở ra một kỷ nguyên mới về chất trong sự phát triển của nền văn minh nhân loại - giai cấp công nhân và nhân dân lao động trở thành lực lượng trung tâm trong một chế độ xã hội mà nhân dân lao động làm chủ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự quản lý của Nhà nước kiểu mới “của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”, các tầng lớp nhân dân lao động đã ngày càng tham gia rộng rãi vào đời sống chính trị - xã hội của đất nước; quyền và nghĩa vụ của công dân trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ngày càng được thể hiện, thực hiện tốt hơn, chính trị xã hội chủ nghĩa thực sự trở thành công cụ, động lực to lớn trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước ở các nước xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến

thập kỷ 70 của thế kỷ XX. Trong quá trình hình thành và phát triển, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt nhiều thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa cho phong trào hòa bình và cách mạng thế giới, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tuy vậy, do nhiều nguyên nhân khác nhau, chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa trước cải tổ, đổi mới vẫn bộc lộ những nhược điểm, khiếm khuyết nhất định. Hệ thống chuyên chính vô sản trong chính thể của nó chưa được xây dựng một cách đầy đủ, đồng bộ; tổ chức và hoạt động còn cồng kềnh, kém hiệu lực và hiệu quả; mỗi bộ phận, mỗi tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản chưa làm tốt chức năng của mình; chế độ trách nhiệm không nghiêm, pháp chế xã hội chủ nghĩa còn nhiều thiếu sót; thiếu cơ sở pháp lý cần thiết để giải quyết những hiện tượng phi dân chủ; nhiều thiết chế chính trị mang tính hình thức; nhiều quyết định chính trị mang tính giáo điều. Nhiều nơi, nhiều lúc đã biến sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng thành sự chuyên chế Đảng; mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước bị biến dạng. Sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm những nhiệm vụ của giai đoạn mới, chưa đáp ứng được yêu cầu giải quyết nhiều vấn đề kinh tế xã hội cơ bản và cấp bách. Bộ máy Nhà nước cồng kềnh và hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả; bị quan liêu hóa, thụ động và ỷ lại vào cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội nhiều khi còn mang tính hình thức,... Đó là

những nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng, thoái trào ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Vấn đề đặt ra là chủ nghĩa xã hội phải được đổi mới, nghĩa là, những người cộng sản phải tìm ra những hình thức, những nhịp điệu, bước đi phù hợp với thực tiễn mới, không cứng nhắc, giáo điều và càng không được xem học thuyết Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội như những chân lý bất biến, vĩnh hằng, mà phải đối xử với nó thực sự như một khoa học để phát triển, phải làm cho nó phong phú, giàu sức sống hơn, có ích hơn với hoạt động thực tiễn như Lênin đã từng nhắc nhở: Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng, lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phát hiện hơn nữa về mọi mặt. Những gì đổi mới đã thể nghiệm và sự phát triển nhận thức khoa học mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã đạt được cho phép chúng ta khẳng định điều đó. Và đó cũng là những cống hiến về mặt lý luận của Đảng ta và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam trong hơn hai mươi năm qua đã bước đầu góp phần đáng kể vào đời sống tư tưởng lý luận của chủ nghĩa xã hội trên thế giới trong việc vận dụng đúng đắn, sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách,

đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục,... Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

***b. Những thành tựu và cống hiến của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong hơn bảy thập kỷ, kể từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)***

Việc đánh giá những thành tựu và cống hiến của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong hơn mười thập kỷ, kể từ sau Cách mạng Tháng Mười 1917, có ý nghĩa khoa học lý luận và thực tiễn quan trọng trong việc khẳng định sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa của các lực lượng cách mạng tiến bộ trên thế giới. Bởi vì, sau khủng hoảng và thoái trào của hệ thống xã hội chủ nghĩa, các lực lượng thù địch luôn dùng mọi thủ đoạn để xuyên tạc và phủ định những thành tựu, cống hiến của chủ nghĩa xã hội hiện thực từ Cách mạng Tháng Mười Nga đến nay. Tất nhiên, việc đánh giá đó cần đứng trên quan điểm khách quan, phát triển, lịch sử - cụ thể trong việc chỉ rõ đặc điểm ra đời của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Chủ nghĩa xã hội hiện thực ra đời là kết quả cuộc đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản và các thế lực áp bức bóc lột. Chủ nghĩa hiện thực ra đời phần lớn ở các nước có trình độ phát triển trung bình và những nước còn lạc hậu. Các nước xã hội chủ nghĩa bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đều đã từng hoặc đang phải trải qua chiến tranh với những

hậu quả nặng nề,... Những đặc điểm nêu trên phản ánh cả mặt thuận lợi và khó khăn khách quan trong quá trình xây dựng, phát triển chủ nghĩa xã hội hiện thực. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, kể từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga đã có những cống hiến cho sự phát triển của xã hội loài người trên các lĩnh vực.

- Về chính trị:

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã làm thay đổi căn bản quá trình phát triển của thế giới. Nó đã chấm dứt sự thống trị của chế độ áp bức, bóc lột và mở ra một kỷ nguyên mới về chất trong sự phát triển của nền văn minh nhân loại giai cấp công nhân và nhân dân lao động trở thành lực lượng trung tâm trong một chế độ xã hội mà nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không ngừng được củng cố, hoàn thiện, đáp ứng lợi ích chính đáng của tuyệt đại đa số nhân dân.

Và cũng không ai có thể phủ nhận được công lao vĩ đại của Liên Xô và phong trào cộng sản quốc tế đã cứu loài người thoát khỏi thảm họa phát xít trong chiến tranh thế giới lần thứ hai. Sự ra đời, phát triển của Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai không chỉ mở ra thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và cách mạng giải phóng dân tộc mà còn tạo sự thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho lực lượng cách mạng, tiến bộ, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế,

phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ và hòa bình. Năm 1919, chỉ một nước xã hội chủ nghĩa với 16% diện tích và 7,8% dân số thế giới, sau gần 70 năm đã có 15 nước xã hội chủ nghĩa, chiếm 26% lãnh thổ và 1/3 dân số thế giới. Với sự ủng hộ, giúp đỡ toàn diện của các nước xã hội chủ nghĩa, từ sau chiến tranh thế giới lần thứ II, phong trào giải phóng dân tộc đã giành được những thắng lợi to lớn. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc với 72 % diện tích và 70% dân số thế giới hầu như hoàn toàn tan rã và đã có hơn 100 quốc gia độc lập trẻ tuổi ra đời. Chủ nghĩa xã hội hiện thực cũng là lực lượng đấu tranh tích cực để bảo vệ, củng cố nền hòa bình thế giới; ngăn chặn và làm thất bại nhiều âm mưu xâm lược và gây chiến tranh hủy diệt của chủ nghĩa đế quốc. Ngoài ra, sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực với tư cách là một hệ thống xã hội đã trở thành một sự đối trọng - không chỉ buộc chủ nghĩa đế quốc thu hẹp phạm vi thống trị của mình mà còn buộc nó phải cởi bỏ bộ mặt thật và tân trang, điều chỉnh cái cách chủ nghĩa tư bản cho phù hợp với một thế giới đã đổi thay (kể cả việc vay mượn, tiếp thu nhiều giá trị nhân văn của các nước xã hội chủ nghĩa trong việc thực hiện những cải cách về mặt xã hội nhằm thoả mãn các yêu cầu về kinh tế, văn hóa, xã hội của người lao động). Hơn nữa, sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ làm thay đổi căn bản bộ mặt chính trị thế giới, thúc đẩy sự hình thành và phát triển các lực lượng cách mạng, tiến bộ, tạo ra tương quan lực lượng so sánh có

lợi cho phe hòa bình, dân chủ, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; mà còn thay đổi căn bản tư duy tư tưởng chính trị của thế giới (chủ nghĩa xã hội trở thành trào lưu tư tưởng chính trị chủ đạo).

- Về kinh tế và khoa học kỹ thuật:

Trong lĩnh vực kinh tế, các nước xã hội chủ nghĩa cũng đạt được những thành tựu to lớn. Trước thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đều là những nước nông nghiệp lạc hậu; nhưng chỉ cần sau hai mươi năm, Liên Xô và các nước Đông Âu đều trở thành những nước công nghiệp hóa và có tốc độ phát triển kinh tế cao. Bảy mươi năm sau Cách mạng Tháng Mười, thu nhập quốc dân của Liên Xô tăng 150 lần từ một nước nông nghiệp lạc hậu, lại bị tàn phá trong chiến tranh, Liên Xô chỉ cần hai mươi năm để trở thành một nước siêu cường công nghiệp đứng đầu châu Âu và đứng thứ nhì thế giới trong suốt hơn 40 năm. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, tỷ trọng của Liên Xô trong nền sản xuất thế giới không ngừng tăng lên nhanh chóng, chiếm 20% sản xuất công nghiệp thế giới vào năm 1985. Trong suốt 70 năm sau Cách mạng Tháng Mười Nga, nhịp độ tăng trưởng kinh tế của Liên Xô luôn gấp đôi Mỹ. Tuy xuất phát từ một nền kinh tế lạc hậu nhưng Liên Xô vẫn không ngừng thu hẹp khoảng cách với Mỹ trong thu nhập quốc dân, sản xuất công nghiệp, năng suất lao động. Năm 1950, thu nhập quốc dân của Liên Xô bằng 31% của Mỹ, sản xuất công nghiệp bằng 30%, năng suất lao động

bằng 30 %; thì đến năm 1985, tỷ lệ tương ứng là 66 %, 85 %, 55 %. Thu nhập bình quân theo đầu người của Liên Xô và các nước Đông Âu vào những năm 1970 - 1980 tương đương với các nước tư bản chủ nghĩa trung bình ở Tây Âu.

*Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật:* Trước đổi mới, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũng đã có những bước tiến dài trong việc chiếm lĩnh những đỉnh cao của khoa học - kỹ thuật thế giới như: năm 1949, Liên Xô đã chế tạo thành công vũ khí nguyên tử, năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên và lần đầu tiên trong lịch sử đưa con người (nhà du hành vũ trụ Gagarin) bay vòng quanh Trái Đất vào năm 1961... Ngay cả khi nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung cao độ của các nước xã hội chủ nghĩa vào những năm 1980 có lâm vào khủng hoảng và thành tựu kinh tế của nó có bị lu mờ, nhưng những thay đổi trên các lĩnh vực trong cải cách đổi mới của Trung Quốc và Việt Nam cũng rất nổi bật: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc trong những năm gần đây cao nhất thế giới (trung bình trên 8%/năm); giá trị tổng sản phẩm quốc dân tăng nhanh đã đưa Trung Quốc vào vị trí siêu cường kinh tế thứ hai thế giới (năm 2006, GDP đạt 2.681,2 tỷ USD, 2016: 11.940 tỷ USD); thu nhập bình quân đầu người năm 2006 là 2.040 USD; 2016: 8.580 USD (năm 2002 chỉ có 131 USD); thu nhập trung bình của nông dân Trung Quốc đạt trung bình 2.042 NDT/tháng; đời sống của nhân dân ngày càng được nâng cao (cuối năm 2006 đã có 49,85 triệu ô tô

dân dụng). Với 35 triệu người hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ, Trung Quốc cũng đang đứng đầu thế giới về nhân lực khoa học công nghệ trong đó thành tựu vĩ đại nhất là lần đầu tiên Trung Quốc phóng thành công tàu vũ trụ Thần Châu 5 đưa người vào vũ trụ năm 2003. Việt Nam cũng đạt được những thành quả to lớn trong quá trình đổi mới, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm trên 7%/năm, trong hơn 10 năm - giai đoạn 2001-2010, Việt Nam đã đạt bước phát triển mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,26%/năm, năm 2010, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người đạt 1.168 USD; giai đoạn 2011-2015 đạt 5,6%/năm, 2015: 6,68%, 2016: 6,21%, năm 2016 GDP đạt 216 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt 2.310 USD.

Như vậy, không thể vì sự sụp đổ của mô hình kế hoạch hóa tập trung ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trong những năm gần đây để phủ nhận những thành quả kinh tế của chủ nghĩa xã hội hiện thực từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga đến nay. Khách quan mà xét, mô hình đó cũng đã giúp Liên Xô huy động được mọi lực lượng để bảo vệ nước Nga Xô Viết trong hoàn cảnh cấm vận, bao vây, phá hoại của các lực lượng thù địch trong và ngoài nước; phục vụ chiến tranh bảo vệ tổ quốc, khôi phục kinh tế sau chiến tranh, phát triển một số ngành công nghiệp cần thiết, thực hiện những bước nhảy vọt trong công nghiệp vũ khí và vũ trụ.

- Về mặt văn hóa, giáo dục:

Chủ nghĩa xã hội hiện thực sau Cách mạng Tháng Mười Nga đã giải phóng hàng trăm triệu con người thoát khỏi tình cảnh nô lệ, phụ thuộc; xóa bỏ giai cấp bóc lột và khắc phục mọi sự khác biệt về giai cấp; tạo ra các giá trị cơ bản của một xã hội nhân đạo, công bằng và bình đẳng. Trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục, các nước xã hội chủ nghĩa đã thanh toán nạn mù chữ cho toàn thể dân cư chỉ trong vòng 20 năm sau cách mạng (trong khi đó để xóa mù chữ, chủ nghĩa tư bản đã mất 180 năm đối với nam giới và 280 năm đối với nữ giới). Liên Xô, năm 1917, từ một đất nước có 3/4 dân số mù chữ, thì đến năm 1987 trở thành đất nước có trình độ học vấn cao nhất thế giới (78% dân cư có trình độ trung học và đại học, chiếm 1/4 số lượng các nhà khoa học và 1/5 phát minh khoa học trên thế giới). Hệ thống y tế và bảo vệ sức khỏe nhân dân được phát triển rộng rãi.

Tóm lại: những thành tựu và cống hiến của chủ nghĩa xã hội hiện thực sau Cách mạng Tháng Mười Nga cho đến nay là rất đáng tự hào. Những thành tựu đó thể hiện sức sống mạnh mẽ của chủ nghĩa xã hội bất chấp những điều kiện, hoàn cảnh có tính ngặt nghèo, bất lợi; bất chấp những mặt hạn chế, sai lầm, khuyết tật trong giai đoạn mở đầu và sự chưa hoàn thiện trong việc lựa chọn mô hình đi lên chủ nghĩa xã hội từ những xã hội còn nghèo nàn, lạc hậu. Tuy nhiên, từ những năm 70 của thế kỷ XX trở đi, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nhiều nước đã quá "tự mãn" với những

thành tựu đã đạt được, không phát huy hết tiềm năng to lớn của mình; chậm sửa chữa các sai lầm, khuyết tật; chậm cải cách, đổi mới,... nên đã lâm vào trì trệ và khủng hoảng. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu chìm trong sự khủng hoảng, thoái trào sâu sắc và sụp đổ; trong khi đó các nước cải cách, đổi mới kịp thời và đúng đắn không chỉ thoát khỏi khủng hoảng, mà còn đạt được những thành tựu to lớn (Trung Quốc, Việt Nam). Đi tìm nguyên nhân khủng hoảng, sụp đổ, phân tích đánh giá những khuyết tật, sai lầm của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô, Đông Âu trước và trong cải tổ thực sự có một ý nghĩa quan trọng (mặc dù đây là vấn đề tế nhị và đang có nhiều ý kiến khác nhau).

***c. Những hạn chế, sai lầm và nguyên nhân khủng hoảng, thoái trào của các nước xã hội chủ nghĩa***

Trước đổi mới, sự trì trệ trong nhận thức lý luận và việc không tính đến một cách đầy đủ các quy luật khách quan đã khiến cho không ít Đảng cộng sản cầm quyền rơi vào tình trạng giáo điều, chủ quan, duy ý chí, nóng vội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong đó, mô hình Chủ nghĩa xã hội nhà nước là một trong những biến dạng của chủ nghĩa xã hội, mô hình này có những khuyết tật, sai lầm là:

***- Về chính trị:***

Sai lầm cơ bản của Chủ nghĩa xã hội nhà nước về phương diện chính trị là nhiều khi biến sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng thành sự chuyên chế đảng, đây là cơ cấu

quản lý hình chóp, trong đó Đảng là nấc thang quyền lực cao nhất, là sự phình to của bộ máy nhà nước quan liêu, với sự phổ biến của biện pháp hành chính, mệnh lệnh. Biểu hiện cụ thể của biện pháp hành chính, mệnh lệnh là: thứ nhất, mối quan hệ giữa đảng và nhà nước bị biến dạng. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân: *"nhà nước của dân, do dân và vì dân"* nhiều khi chỉ còn là một khẩu hiệu có tính hình thức; hệ thống chính trị với hạt nhân là nhà nước pháp quyền bị biến thành hệ thống chuyên chế đảng ở mọi cấp với tình trạng *"nhà nước hóa"* Đảng (thiên về mệnh lệnh hành chính) và *"Đảng hóa"* nhà nước (Đảng bao biện làm thay nhà nước). Thứ hai, quan liêu hóa bộ máy nhà nước và sự hạn chế dân chủ: vai trò của pháp luật bị hạn chế, pháp chế xã hội chủ nghĩa không được tăng cường, vì vậy, xã hội thiếu một cơ chế kiểm soát quyền lực một cách hiệu quả. Sự thay thế quản lý đất nước theo pháp luật bằng các phương pháp hành chính - mệnh lệnh và sự tuyệt đối hóa sở hữu nhà nước đã dẫn đến sự phình to của bộ máy quan liêu (ở Liên Xô, số lượng các bộ dân ủy cấp liên bang đã tăng dần như sau: năm 1924 là 11 bộ, năm 1936 là 18 bộ, năm 1940 là 40 bộ, năm 1974 là 60 bộ, năm 1977 là 80 bộ và năm 1987 là 100 bộ và tổng cục cấp liên bang hoạt động,... Tới cuối những năm 80 thế kỷ XX, có tới gần 18 triệu người trong bộ máy quản lý nhà nước; năm 1986, tổng số nhân viên thuộc các cơ quan trung ương liên bang lên đến 2,4 triệu người. Ở Trung Quốc trước cải cách, bộ máy hành chính có trên 100 bộ và cơ quan ngang bộ).

Hệ thống hành chính mệnh lệnh đó còn tạo ra kiểu phân phối theo quan hệ thứ bậc và nó trở thành môi trường thuận lợi cho vấn nạn tham nhũng. Sự tha hóa các mối quan hệ xã hội đó đã làm méo mó bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa, tạo ra các yếu tố làm cho một số công dân “*lãnh cảm chính trị*” và xa lánh chính quyền. Thứ ba, các tổ chức chính trị xã hội còn mang tính hình thức,... Thứ tư, sai lầm về đường lối cán bộ thể hiện trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên quan liêu, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi, độc đoán chuyên quyền và xa rời quần chúng; một số cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng rơi vào chủ nghĩa xét lại, cơ hội hữu khuynh, mắc phải sai lầm về đường lối, thậm chí phản bội lại lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Qua phân tích trên cho thấy, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở một số nước trong giai đoạn này chưa được xây dựng một cách đầy đủ, đồng bộ; tổ chức và hoạt động còn cồng kềnh, kém hiệu lực và hiệu quả... thiếu cơ sở pháp lý cần thiết để giải quyết những hiện tượng phi dân chủ; nhiều thiết chế chính trị mang tính hình thức; nhiều quyết sách chính trị còn mang tính giáo điều. Hệ quả của tình trạng đó là làm cho xã hội bị phân tán, nhân dân giảm sút lòng tin đối với Đảng, đối với chế độ, tính tích cực của công dân bị suy giảm nghiêm trọng.

- Về chế độ kinh tế:

Phương thức tác động của chính trị vào kinh tế bằng kế hoạch hóa tập trung, quan liêu; lấy cái chủ quan duy

ý chí thay cho quy luật kinh tế khách quan. Cụ thể: cơ chế tập trung, quan liêu, mệnh lệnh hành chính và bao cấp đã trở thành vật cản của quá trình sản xuất. Tình trạng lẫn lộn chức năng quản lý nhà nước với quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp khiến bộ máy nhà nước ngày càng cồng kềnh, triệt tiêu tính sáng tạo của các doanh nghiệp. Việc xây dựng một nền kinh tế thuần nhất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, vận động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu; không chấp nhận kinh tế thị trường và sự cạnh tranh; việc sản xuất do nhà nước chỉ huy, kiểm soát bằng kế hoạch, việc thực hiện chính sách phân phối còn bình quân, bao cấp tràn lan, đã không tạo điều kiện, môi trường, những hình thức kinh tế thích hợp để khơi dậy nguồn lực vật chất, động lực lợi ích và năng lực sáng tạo của người lao động với tư cách là người chủ tư liệu sản xuất đề cao lợi ích xã hội và lợi ích giai cấp nhưng không tác động đồng thuận với việc phát huy động lực cá nhân; hoặc động lực tinh thần không gắn liền với động lực khuyến khích lợi ích vật chất.

Nhiều nước xã hội chủ nghĩa duy trì quá lâu chiến lược phát triển kinh tế theo chiều rộng; thực hiện chính sách kinh tế hướng nội, khép kín, đóng cửa với bên ngoài, trái với xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hóa và xu thế phát triển chung của nền kinh tế thế giới.

- Về văn hóa - xã hội:

Hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa đều nhấn mạnh việc phát triển nghiên cứu khoa học cơ bản, nhưng lại chưa

chú trọng đến việc tiếp cận và ứng dụng kịp thời các thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại vào quá trình sản xuất nhằm phát triển nền kinh tế theo chiều sâu và do đó chưa tạo ra được năng suất lao động hiệu quả kinh tế cao. Hệ quả của vấn đề này là mức sống của người dân vào những năm 80 của thế kỷ XX bị sa sút nghiêm trọng; đời sống văn hóa xã hội nghèo nàn đơn điệu; niềm tin của nhân dân đối với Đảng cộng sản và bộ máy nhà nước bị giảm sút; thậm chí còn có sự hoài nghi nhất định về chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chính trị trong thời gian này đã vận động theo chiều hướng không bao hàm trong nó thực trạng, yêu cầu và tính quy định về sự vận động khách quan của kinh tế; chính trị can thiệp quá sâu và áp đặt trên nhiều phương diện của đời sống xã hội. Chính trị đã không tạo ra được sự ổn định và những nhân tố bền vững lâu dài cho sự phát triển làm cho nhiệt tình cách mạng và niềm tin của nhân dân giảm dần.

#### ***d. Những bài học kinh nghiệm đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay***

Từ thực tiễn của hệ thống chủ nghĩa xã hội sau Cách mạng Tháng Mười Nga, từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời gian qua, những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong công cuộc đổi mới hiện nay như sau:

*Thứ nhất, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh*

đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

*Thứ hai, trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới, một vấn đề có tính nguyên tắc là phải luôn luôn kiên định vai trò lãnh đạo, vị thế cầm quyền của Đảng; đồng thời làm tốt công tác xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới và chỉnh đốn Đảng: “Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn, sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên”<sup>(1)</sup>.*

Phải phát huy truyền thống tốt đẹp, giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của Đảng. Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thật sự trong sạch, vững mạnh, thật sự vì lợi ích

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr. 660.

của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, phấn đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Mỗi đảng viên là một chiến sĩ trung thành, tận tụy đấu tranh không mệt mỏi cho lý tưởng cộng sản, phải một lòng một dạ phục vụ nhân dân, xứng đáng vừa là người lãnh đạo và là người “đầy tớ” trung thành của nhân dân.

Để xứng đáng là “*đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc*”<sup>(1)</sup> cả về trí tuệ và năng lực; đòi hỏi Đảng phải thường xuyên nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và chất lượng công tác lý luận của Đảng để hoạch định được những quyết sách chính trị đúng đắn, khoa học. Các quyết sách chính trị đó phải phản ánh đúng quy luật khách quan và yêu cầu của thực tiễn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, chỉ ra được phương hướng và giải pháp cơ bản của cách mạng; trên cơ sở đó “*Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội*”<sup>(2)</sup>.

Không ngừng nâng cao trình độ dân trí đặc biệt là trình độ văn hóa pháp lý, văn hóa dân chủ, văn hóa chính trị cho

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr. 88.

<sup>(2)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr. 87.

nhân dân lao động nhằm làm cho nhân dân lao động hiểu biết và sử dụng quyền dân chủ, thực hành dân chủ một cách đúng đắn.

*Thứ ba*, hoàn thiện một bước thể chế chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa - tạo môi trường pháp lý cho sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà nội dung của nó bao gồm: xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm. Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện<sup>(1)</sup>. Điều quan trọng là ở chỗ bố trí quyền lực, cơ chế vận hành, phương thức hoạt động phản ánh rõ mối quan hệ - sự tác động giữa Đảng và Nhà nước sao cho hợp lý, khoa học thể hiện đầy đủ hơn nữa bản chất của một thể chế dân chủ xã hội chủ nghĩa.

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr. 84-85.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản), nhà nước phải thực sự là công cụ chủ yếu để thực hiện các quyền làm chủ của công dân: *“Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương”*<sup>(1)</sup>.

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr. 85-86.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước. Các đoàn thể nhân dân tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

*Thứ tư*, không ngừng mở rộng sự giám sát dân chủ của quần chúng nhân dân đối với mọi tổ chức, mọi cá nhân đang làm việc trong bộ máy quyền lực: Giám sát dân chủ phải được xem là cách thức để duy trì chế độ dân chủ, uốn nắn sự lệch lạc, giữ gìn cân bằng, thực hiện sự kết hợp dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp theo hướng mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp. Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế là con đường, cách thức và cũng là nguyên tắc để hoàn thiện nền chính trị xã hội chủ nghĩa. Cần phải phát huy vai trò của các phương tiện thông tin báo chí, truyền thông và các cuộc điều tra xã hội học

để tăng cường sự giám sát, sự góp ý, sự thẩm định, phản biện của quần chúng nhân dân đối với các nhân tố trong hệ thống chính trị. Phát huy dân chủ ở cơ sở để dân chủ xã hội chủ nghĩa trở thành hiện thực sinh động rộng lớn: Cơ sở (xã, phường, các cơ quan, doanh nghiệp,...) là nơi trực tiếp thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước; là địa bàn mà nhân dân sinh sống, lao động sản xuất, công tác; là nơi diễn ra sự tiếp xúc và các mối quan hệ nhiều mặt giữa các tầng lớp nhân dân với tổ chức Đảng, chính quyền, cán bộ công chức điều hành xử lý các công việc thường ngày. Vì vậy, cơ sở chính là địa bàn cần quan tâm nhất để thực hiện tận gốc, toàn diện nội dung dân chủ xã hội chủ nghĩa.

*Thứ năm*, phát huy dân chủ trong Đảng: chính trị dân chủ trong xã hội hiện đại thường được biểu hiện bởi dân chủ trong Đảng. Đảng ta là đảng cầm quyền tức là đảng nắm lấy cơ quan quyền lực công và mở rộng sử dụng quyền lực ấy để lãnh đạo xã hội. Vì thế, tình trạng dân chủ trong Đảng trực tiếp ảnh hưởng đến trình độ phát triển của nền dân chủ xã hội. Dân chủ trong Đảng được thể hiện từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy cơ sở đến Ban Chấp hành Trung ương; dân chủ trong xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng lẫn trong công tác cán bộ. Có thể nói, đổi mới, dân chủ hóa đời sống sinh hoạt Đảng được xem là điều kiện đảm bảo cho Đảng thực sự xứng đáng là người lãnh đạo trong quá trình đổi mới, dân chủ hóa (đã và đang diễn ra trong xã hội ta hiện nay).

*Thứ sáu*, nâng cao trình độ văn hóa chính trị, văn hóa dân chủ cho các tầng lớp nhân dân: xây dựng và hoàn thiện nền chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa đòi hỏi công dân phải có được các tố chất dân chủ tương ứng, đồng thời nhờ đó mà tạo lập được bầu không khí văn hóa chính trị dân chủ trong một lĩnh vực của đời sống xã hội. Để làm được điều đó, trước hết phải nâng cao trình độ học vấn, trình độ dân trí, phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng phù hợp với đặc trưng của nền kinh tế thị trường, kinh tế tri thức. Trên nền tảng đó, bồi dưỡng ý thức dân chủ, nâng cao năng lực, bản lĩnh làm chủ của công dân. Mỗi khi quan niệm về sự bình đẳng, tinh thần pháp trị của công dân được nâng cao, tăng cường; thì văn hóa chính trị (xã hội chủ nghĩa) sẽ được củng cố ngay từ lòng người và nhờ đó trở nên bền chặt.

Đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, nên không thể phủ nhận một thực tế là sự tồn tại của những loại hình chủ nghĩa xã hội biến dạng, chủ nghĩa xã hội chịu ảnh hưởng của tính chất đẳng cấp phong kiến tiểu nông, quan liêu, bao cấp vẫn là những nét tiêu cực và là lực cản rất lớn trong việc xây dựng nền văn hóa chính trị Việt Nam khoa học cách mạng, nhân văn theo mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh”. Đó là sự yếu kém trong văn hóa dân chủ, văn hóa pháp quyền, văn hóa tranh luận với tư cách là những bộ phận có quan hệ chặt chẽ với văn hóa chính trị; đó là bệnh quan liêu hóa trong tư duy, trong

tổ chức bộ máy, trong phong cách lãnh đạo và phương pháp hoạt động của các nhân tố cấu thành hệ thống chính trị còn chưa được khắc phục tới mức cần thiết; năng lực, kỹ năng lãnh đạo chính trị và phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ lãnh đạo quản lý chưa ngang tầm với yêu cầu của quá trình đổi mới; tình trạng xuống cấp về đạo đức nói chung và về đạo đức chính trị nói riêng trong một bộ phận nhân dân... Việc khắc phục những hạn chế nói trên nhằm nâng cao văn hóa chính trị trong xã hội là một vấn đề chính trị thực tiễn cấp bách.

Nâng cao văn hóa chính trị còn góp phần nâng cao năng lực, trình độ và những kỹ năng cần thiết trong việc quản lý, điều hành của các chủ thể lãnh đạo. Nó góp phần giúp cho họ sự khẩn cảm, nhạy bén, sáng tạo với những cái mới trong chính trị. Nó giúp cho họ hiểu được nguyên nhân sâu xa của các hiện tượng chính trị xã hội; phát hiện ra những mâu thuẫn cùng với những động lực của sự phát triển xã hội; giúp họ giải quyết một cách khoa học mối quan hệ giữa mục tiêu và phương tiện, giữa tính nguyên tắc với chủ nghĩa giáo điều và bệnh rập khuôn máy móc, giữa tính linh hoạt cách mạng với chủ nghĩa cơ hội xét lại, giữa cái phổ biến và cái đặc thù.

Nâng cao văn hóa chính trị góp phần định hướng phẩm hạnh chính trị của con người vào những hoạt động tích cực, sáng tạo để thực hiện các giá trị lý tưởng cao đẹp mà họ

đã lựa chọn. Với trình độ văn hóa chính trị cao, với niềm tin sâu sắc dựa trên cơ sở khoa học vào lý tưởng chính trị đã chọn lựa; mỗi con người chính trị có thể vượt qua mọi khó khăn, thử thách thậm chí có thể hy sinh để thực hiện lý tưởng chính trị cao đẹp. Văn hóa chính trị góp phần đẩy mạnh việc xã hội hóa hoạt động chính trị, làm cho mọi công dân đều trở thành những con người chính trị nhằm phát huy tính tích cực chính trị của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động của nhà nước. Sự thâm nhập của văn hóa chính trị vào trong đời sống xã hội sẽ làm cho mỗi công dân thấy được rằng trong xã hội có giai cấp không ai có thể đứng ngoài chính trị; dù trực tiếp hay gián tiếp họ đều phải tham gia hay bị chi phối bởi đời sống chính trị. Mỗi công dân trong quan hệ với nhà nước thì công dân đó là một con người chính trị. Khi hiểu được như vậy, họ sẽ ý thức được vị trí của mình trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị của xã hội; và ngược lại, nhà nước cũng phải luôn hoàn thiện cơ chế để mỗi công dân có thể chủ động tham gia tích cực, vào công việc của nhà nước và xã hội. Thực hiện tốt điều này sẽ khắc phục được tình trạng thờ ơ, lãnh đạm của công dân đối với các vấn đề chính trị và đó cũng là áp lực để các cơ quan trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị phải luôn chủ động đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của mình nhằm tạo ra môi trường tự do dân chủ để cho công dân được đóng góp, sáng tạo (đó là một nhà nước pháp quyền xã hội công dân).

*Thứ bảy*, thực hiện tốt các chính sách xã hội: chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

Do đó, bài học kinh nghiệm là cần phải kiên trì mục tiêu của cải cách, đổi mới chính trị xã hội chủ nghĩa là kiên trì chủ nghĩa xã hội, xây dựng và thực hiện quyền làm chủ thật sự của nhân dân lao động, xây dựng và hoàn thiện cho được nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Giữ vững nguyên tắc của cải cách, đổi mới chính trị là kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, giữ vững sự ổn định chính trị, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, chống đa nguyên, đa đảng. Nắm vững phương châm của cải cách, đổi mới chính trị là đổi mới toàn diện và triệt để. Cải cách, đổi mới đồng bộ tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

Cải cách, đổi mới Nhà nước là nhiệm vụ trung tâm của đổi mới chính trị với khâu đột phá là cải cách nền hành chính quốc gia. Đổi mới, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt và có ý nghĩa quyết định. Cải cách, đổi mới chính trị xã hội chủ nghĩa cần được đặt trong sự tìm kiếm thường xuyên những phương thức mới, những hình thức mới nhằm giải quyết những mâu thuẫn, những khó khăn, thử thách đặt ra. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa cải cách, đổi mới chính trị và cải cách, đổi mới kinh tế. Đổi mới chính trị phải trên cơ sở đổi mới kinh tế, gắn liền với đổi mới kinh tế, thay đổi cả thể chế kinh tế và thể chế nhà nước. Cải cách, đổi mới hệ thống chính trị là nhằm phát triển kinh tế - xã hội, dựa trên tiền đề phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ thành quả của phát triển kinh tế - xã hội. Bước đi của cải cách, đổi mới chính trị là lựa chọn những khâu đột phá, chú ý những thời điểm có tính bước ngoặt, bước đi vừa khẩn trương vừa vững chắc trong hiện thực.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS. Nguyễn Đức Bình, GS. TS. Lê Hữu Nghĩa, GS. TS. Trần Hữu Tiên (đồng chủ biên) (2003), *Góp phần nhận thức thế giới đương đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị (khối kiến thức thứ ba: Các vấn đề khoa học chính trị và lãnh đạo, quản lý - tập 9): Chính trị học*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

9. Học viện Chính trị khu vực 2 (2017), *Tập bài giảng Chính trị học*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
10. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2012), *Chính trị học những vấn đề lý luận và thực tiễn (2007-2012)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Chính trị học (2013), *Tập bài giảng Chính trị học*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
12. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Cao cấp Lý luận chính trị - Chính trị học*, Hà Nội.
13. Nguyễn Văn Huyền (2012), *Các chuyên đề bài giảng lịch sử tư tưởng và các học thuyết chính trị thế giới*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
14. PGS, TS. Nguyễn Tấn Hùng (2017), *Một số trào lưu triết học và tư tưởng Chính trị phương Tây hiện đại* (Sách tham khảo), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
15. Phan Xuân Sơn (2010), *Xung đột xã hội, quản lý và giải tỏa xung đột xã hội* (Các chuyên đề bài giảng chính trị học dành cho Cao học chuyên ngành Chính trị học), Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
16. PGS, TS. Nguyễn Hoài Văn (2010), *Đại cương Lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. PGS, TS. Nguyễn Văn Vĩnh, PGS, TS. Lê Văn Đính (đồng chủ biên) (2015), *Giáo trình Chính trị học Đại cương*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
18. V. I. Lênin (1976), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.
19. Trịnh Thị Xuyên (2008), *Kiểm soát quyền lực nhà nước - một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

# MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	5
------------------	---

## CHƯƠNG 1

### ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA CHÍNH TRỊ HỌC

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA CHÍNH TRỊ HỌC.....	7
1. Quan niệm về chính trị.....	7
2. Khoa học chính trị.....	9
3. Khái niệm Chính trị học.....	10
4. Đối tượng nghiên cứu của Chính trị học .....	11
II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA CHÍNH TRỊ HỌC .....	12

## CHƯƠNG 2

### LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ

I. LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ PHƯƠNG TÂY TRƯỚC CHỦ NGHĨA MÁC.....	15
1. Thời kỳ cổ đại.....	15
2. Thời kỳ trung cổ.....	22
3. Thời kỳ cận đại .....	25
II. LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ PHƯƠNG ĐÔNG .....	30
1. Đặc điểm lịch sử xã hội - chính trị.....	30
2. Tư tưởng chính trị của Trung Hoa cổ đại và Việt Nam từ thời kỳ dựng nước đến thế kỷ XIX.....	31
III. TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN.....	45
1. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	45
2. Những quan điểm chính trị chủ yếu.....	47

<b>IV. TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH</b> .....	58
1. Tư tưởng yêu nước - thương dân - yêu thương con người .....	58
2. Tư tưởng độc lập tự do; dân là gốc của nước và đại đoàn kết....	59
3. Tư tưởng về Đảng của dân tộc Việt Nam.....	61
4. Tư tưởng về nhà nước và chế độ chính trị.....	63
5. Tư tưởng về phương pháp cách mạng .....	67

### CHƯƠNG 3

## QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ VÀ THỰC THI QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ

<b>I. QUYỀN LỰC VÀ QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ</b> .....	69
1. Quyền lực .....	69
2. Quyền lực chính trị .....	76
<b>II. CƠ CHẾ THỰC THI QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ</b> .....	81
1. Đối với giai cấp cầm quyền.....	81
2. Đối với giai cấp không cầm quyền.....	83
<b>III. QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ CỦA NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b> ....	83
1. Quan niệm về quyền lực của nhân dân .....	83
2. Cơ chế thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam hiện nay .....	86
3. Những điều kiện đảm bảo thực hiện quyền lực chính trị của nhân dân ở Việt Nam hiện nay .....	89
4. Những vấn đề đặt ra về quyền lực chính trị của nhân dân ở Việt Nam hiện nay.....	93

### CHƯƠNG 4

## CHỦ THỂ CỦA CHÍNH TRỊ

<b>I. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI CHỦ THỂ CỦA CHÍNH TRỊ</b> .....	100
1. Khái niệm chủ thể của chính trị .....	100
2. Phân loại chủ thể của chính trị .....	101

<b>II. ĐẶC ĐIỂM VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC CHỦ THỂ CỦA CHÍNH TRỊ.....</b>	<b>107</b>
1. Đặc điểm của các chủ thể của chính trị.....	107
2. Mối quan hệ giữa các chủ thể của chính trị.....	112
<b>III. CHỦ THỂ CỦA CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.....</b>	<b>117</b>
1. Chủ thể của chính trị ở nước ta .....	117
2. Vai trò của các chủ thể của chính trị ở nước ta .....	118
3. Những vấn đề đặt ra để hoàn thiện các chủ thể của chính trị Việt Nam.....	123

## CHƯƠNG 5

### CÁC NHÂN TỐ CHỦ QUAN TRONG CHÍNH TRỊ

<b>I. NHẬN DIỆN CÁC NHÂN TỐ CHỦ QUAN TRONG CHÍNH TRỊ.....</b>	<b>127</b>
1. Quan niệm của các nhà tư tưởng phương Tây về các nhân tố chủ quan trong chính trị .....	127
2. Quan niệm của các nhà tư tưởng phương Đông về các nhân tố chủ quan trong chính trị.....	131
3. Các nhân tố chủ quan trong chính trị hiện nay.....	135
<b>II. ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC NHÂN TỐ CHỦ QUAN TRONG CHÍNH TRỊ.....</b>	<b>137</b>
1. Đặc điểm của các nhân tố chủ quan trong chính trị .....	137
2. Vai trò của các nhân tố chủ quan trong chính trị.....	140
<b>III. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÁC NHÂN TỐ CHỦ QUAN TRONG CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY.....</b>	<b>145</b>
1. Đặc điểm của các nhân tố chủ quan trong chính trị ở Việt Nam .....	145
2. Quá trình phát huy các nhân tố chủ quan trong chính trị ở Việt Nam hiện nay .....	147
3. Những vấn đề cần chú ý trong quá trình phát huy vai trò của các nhân tố chủ quan trong chính trị ở Việt Nam hiện nay.....	150

## CHƯƠNG 6

### TIẾN TRÌNH CHÍNH TRỊ

<b>I. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÚNG ĐẾN TIẾN TRÌNH CHÍNH TRỊ CỦA THẾ GIỚI.....</b>	<b>160</b>
1. Đặc điểm của thời đại hiện nay .....	160
2. Các xu hướng chính trị chủ yếu của thế giới.....	172
<b>II. TIẾN TRÌNH CHÍNH TRỊ CỦA THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI .....</b>	<b>175</b>
1. Các xu hướng chính trị ở các nước tư bản chủ nghĩa .....	175
2. Xu hướng chính trị xã hội chủ nghĩa - kinh nghiệm và bài học lịch sử.....	199
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>225</b>

GIÁO TRÌNH

# CHÍNH TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**Giám đốc, Tổng Biên tập**

**Thiếu tướng MÃ DUY QUÂN**

*Biên tập:* NGUYỄN TƯỜNG

*Trình bày:* THANH THÚY

*Bìa:* Design NGUYỄN

*Sửa bản in:* HÀN PHONG

Sản phẩm sử dụng nguyên liệu thân thiện  
môi trường, được Tổ chức Kiểm định  
Quốc tế (SGS) cấp giấy chứng nhận

In 510 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng.  
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.  
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1299-2021/CXBIPH/11-08/CAND.  
Quyết định xuất bản số: 86/2021/QĐXB-NXBCAND ngày 23/4/2021.  
Mã số ISBN: 978-604-72-5143-8. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4  
năm 2021.

GIÁO TRÌNH

# CHÍNH TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

Trụ sở: 92 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84) (24) 39761560 - 069 2342969. Fax: (84) (24) 39741379

Chi nhánh: 283 Điện Biên Phủ, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84) (28) 39308045 - Fax: (84) (28) 39308099

Trang sách điện tử Nhà Xuất bản CAND: [www.sachcand.vn](http://www.sachcand.vn)

Email: [xuatbancongan@gmail.com](mailto:xuatbancongan@gmail.com) Website: [www.nxbcand.vn](http://www.nxbcand.vn)

